

Công tác xã hội như một nghề toàn cầu

Sổ tay hướng dẫn giảng dạy và học tập

Eveline Ammann Dula, Swetha Rao Dhananka, Pascal Rudin & Rory Truell

Liên đoàn Quốc tế Nhân viên xã hội (IFSW)

(Người chuyển ngữ : Lê Chí An)



Dự án này được thực hiện nhờ sự hỗ trợ hào phóng của Hiệp hội cựu sinh viên của Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Bern, Khoa Công tác Xã hội và chương trình cấp bằng Cử nhân chuyên ngành Công tác Xã hội tại Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Bern.

Eveline Ammann Dula, Swetha Rao Dhananka, Pascal Rudin & Rory Truell

Thiết kế bìa của Tejal Dhananka

Được chỉnh sửa bởi Nigel Hall

Bố cục của Pascal Rudin

Xuất bản bởi IFSW

978-3-906820-31-6 (PDF)

Bản quyền © 2024 của Liên đoàn Quốc tế Nhân viên Xã hội, Rheinfelden, Thụy Sĩ

Nội dung

Lời đề tặng

Lời nói đầu

Giới thiệu

Cách sử dụng Sổ tay

Cấu trúc của Sổ tay

Chương 1 : Công tác xã hội như một nghề toàn cầu: Định nghĩa quốc tế và các nguyên tắc đạo đức - Rory Truell

Chương 2 : Sự vướng mắc toàn cầu: Giới thiệu về các lý thuyết hậu thực dân và sự liên quan của chúng đối với công tác xã hội - Eveline Amman Dula

Chương 3 : Liên hợp quốc, Nhân quyền và tầm quan trọng của chúng đối với Công tác xã hội - Pascal Rudin

Chương 4 : Trao quyền - Eveline Amman Dula

Chương 5 : Công tác cộng đồng / Phát triển cộng đồng - Swetha Rao Dhananka

Chương 6 : Công tác xã hội sinh thái - Satha Rao Dhanyang

Chương 7 : Lời kết - Eveline Amman Dula

Tài liệu tham khảo

Tài nguyên

Eveline Ammann Dula là giáo sư tại Đại học Khoa học Ứng dụng, Khoa Công tác Xã hội tại Bern. Bà là một nhân viên công tác xã hội có kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức phi chính phủ khác nhau ở Kenya, Burkina Faso, Chile, Bulgaria và Kosovo. Bà đã lấy bằng Thạc sĩ Nghiên cứu Phát triển tại Viện Sau đại học ở Geneva và viết luận án Tiến sĩ Xã hội học tại Đại học Goethe ở Frankfurt về các gia đình xuyên quốc gia. Các mối quan tâm nghiên cứu và giảng dạy của bà xoay quanh các vấn đề về công tác xã hội trong bối cảnh quốc tế, bất bình đẳng xã hội, đa dạng và hòa nhập cũng như các quá trình đan xen của các chiều kích địa phương, xuyên quốc gia và toàn cầu.

Swetha Rao Dhananka là giáo sư tại Đại học Khoa học Ứng dụng và Nghệ thuật, Tây Thụy Sĩ (hes-so), Trường Công tác Xã hội, Fribourg, Thụy Sĩ. Bà có kinh nghiệm thực tế làm việc với một tổ chức phi chính phủ tại Ấn Độ về công lý xã hội và môi trường. Các mối quan tâm nghiên cứu và giảng dạy của bà tập trung vào các phương pháp tiếp cận cộng đồng, công tác xã hội dựa trên nghệ thuật, công tác xã hội sinh thái và quốc tế, các mối quan hệ xã hội định hình không gian và các quá trình đô thị hóa – đặc biệt liên quan đến các tác động xã hội và sinh thái của chúng, các phản ứng khác nhau của tổ chức và việc đưa ra yêu sách chính trị. Bà cũng là đại diện chính của Liên đoàn Công tác Xã hội Quốc tế tại Liên hợp quốc tại Geneva.

Pascal Rudin kết hợp chuyên môn trong công tác xã hội, bảo vệ trẻ em và công nghệ thông tin (CNTT). Ông có bằng Tiến sĩ Công tác xã hội, cùng với bằng về kỹ thuật và quản trị kinh doanh, và có hơn hai thập kỷ kinh nghiệm kết hợp các lĩnh vực này. Pascal ủng hộ quyền trẻ em ở cấp độ quốc tế, bao gồm cả việc làm đại diện tại Liên hợp quốc. Với tư cách là người đứng đầu hoạt động tại IFSW, ông đã lãnh đạo các sáng kiến quan trọng, chẳng hạn như phát triển các nền tảng CNTT để tham gia toàn cầu trong đại dịch năm 2020. Pascal hiện đang tiến hành nghiên cứu tại Đại học Witwatersrand ở Johannesburg, Nam Phi, về cắt bộ phận sinh dục ở trẻ em.

Rory Truell là Tổng thư ký của Liên đoàn Quốc tế Nhân viên xã hội kể từ khi nhậm chức tại IFSW vào năm 2011. Trong vai trò này, ông thường xuyên đến thăm các cơ sở thực hành công tác xã hội tuyến đầu trên khắp thế giới. Thường lấy cảm hứng từ hoạt động thực hành sáng tạo mà ông chứng kiến, Rory chia sẻ những bài học này bằng cách đưa các ví dụ vào bài viết, bài giảng và bài thuyết trình của mình. Rory đã tích cực hỗ trợ sự phát triển của các ủy ban Bản địa, Giáo dục và Liên hợp quốc trong các cấu trúc của Liên đoàn để mở rộng trọng tâm hoạt động hướng ngoại và ảnh hưởng của công tác xã hội đối với các hệ thống địa chính trị. Do đó, ông đã đóng góp vào kỷ nguyên mới của công

tác xã hội chuyên nghiệp, công nhận vai trò thiết yếu của công tác xã hội trong việc cùng xây dựng một thế giới sinh thái xã hội mới.

Lời đề tặng

Sổ tay này dành tặng Jan Zychlinski, một nhân viên xã hội và giáo sư tại Trường Đại học Khoa học Ứng dụng Bern (BFH) và là người bạn, đồng nghiệp lâu năm, người đã qua đời quá sớm vào năm 2022. Jan đã đồng giảng dạy công tác xã hội quốc tế với tất cả chúng tôi và là một phần của những cuộc thảo luận đầu tiên về việc khái niệm hóa cuốn sách này như một đóng góp cho cộng đồng toàn cầu của chúng ta. Chúng tôi muốn kỷ niệm sự cam kết không mệt mỏi của ông đối với công tác xã hội như một nghề nghiệp toàn cầu, mà như ông vẫn thường nói "*còn hơn cả viện trợ hoặc hỗ trợ nhân đạo, vì nó có mục tiêu là chuyển đổi xã hội*".

Lời nói đầu

Rory Truell

Công tác xã hội đang trải qua những thay đổi lớn! Đây là một cuốn sách được biên soạn theo phương pháp hữu cơ về cách thức thay đổi có thể diễn ra trong giáo dục công tác xã hội. Cuốn sách dựa trên những phát triển tại Đại học Khoa học Ứng dụng Bern 'Chương trình Công tác xã hội quốc tế trong bối cảnh' từ chương trình cấp bằng Cử nhân về Công tác xã hội. Đây là một mô hình có thể được điều chỉnh và/hoặc phát triển trong bất kỳ bối cảnh giáo dục công tác xã hội nào khác trên toàn thế giới. Chương trình này ra đời nhằm kết hợp những kiến thức toàn cầu mới nhất từ sự công nhận ngày càng tăng rằng các mô hình công tác xã hội của Tây hoặc Bắc bán cầu không phải lúc nào cũng phù hợp hoặc hiệu quả. Điều này bắt nguồn từ Định nghĩa quốc tế về Công tác xã hội năm 2014, lần đầu tiên công nhận trên toàn cầu tầm quan trọng của kiến thức bản địa và trách nhiệm của mọi người đối với nhau trong bối cảnh vai trò của công tác xã hội trong việc củng cố cộng đồng, hệ thống bảo vệ xã hội hữu cơ cuối cùng.

Sự phát triển của Liên đoàn Quốc tế Nhân viên xã hội trong thập kỷ qua đã cung cấp một luồng kiến thức từ các đồng nghiệp của chúng tôi ở Châu Phi, Châu Mỹ Latinh và Châu Á - Thái Bình Dương, tạo ra sự đồng học cho toàn bộ nghề nghiệp. Khi chương trình này được phát triển trong chương trình cấp bằng Cử nhân về công tác xã hội tại Bern và nhiều sinh viên hơn đã được tiếp xúc với sự phức tạp của các mô hình công tác xã hội khác nhau trên khắp thế giới, họ báo cáo rằng họ đã được thử thách để suy nghĩ lại về nhiều yếu tố trong chương trình đào tạo công tác xã hội truyền thống của phương Tây. Trong bối cảnh các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu và sự phân cực của địa chính trị, nhiều sinh viên hiện đang phát triển các cách khác nhau để làm việc với mọi người, cùng xây dựng sự thay đổi bền vững và phát triển các mô hình công tác xã hội mới. Chúng tôi hy vọng cuốn sổ tay này sẽ hữu ích cho các khoa giáo dục công tác xã hội khác trên toàn thế giới trong việc phát triển sự hiểu biết của mọi người về vai trò của công tác xã hội như một phần cần thiết để đóng góp vào sự hòa hợp kinh tế, môi trường và xã hội, vì tương lai chung của chúng ta.

Lời Giới thiệu

Eveline Amman Dula

Ý tưởng về sổ tay ra đời từ sự hợp tác trong mô-đun 'Công tác xã hội trong bối cảnh quốc tế' trong chương trình cấp bằng Cử nhân về Công tác xã hội tại BFH. Để hiểu công tác xã hội như một nghề toàn cầu, xem xét các diễn biến, cuộc tranh luận và diễn ngôn hiện tại trên toàn thế giới là động lực chính khiến Rory Truell, Tổng thư ký Liên đoàn Nhân viên xã hội Quốc tế (IFSW), tham gia mô-đun. Thông qua trao đổi về nội dung chính, cấu trúc và bối cảnh giảng dạy cũng như sự phát triển liên tục trong nhiều năm, một khái niệm đã xuất hiện mà chúng tôi muốn chia sẻ ở đây trong ấn phẩm này. Chúng tôi hy vọng rằng nó sẽ truyền cảm hứng cho các khoa giáo dục công tác xã hội khác cũng xem xét phát triển một mô-đun quốc tế - hoặc tích hợp thông tin về công tác xã hội như một nghề toàn cầu trong các chương trình cốt lõi của họ. Phản hồi của sinh viên luôn cho thấy rằng nó đã mở rộng tầm mắt của họ về những cách khác nhau để áp dụng các nguyên tắc công tác xã hội và khiến họ suy nghĩ cẩn thận về loại hình thực hành mà họ muốn phát triển.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng kinh nghiệm giảng dạy mô-đun này của chúng tôi là ở Thụy Sĩ, nơi chương trình cấp bằng Cử nhân Công tác xã hội được hình thành rất nhiều bởi bối cảnh địa phương hoặc quốc gia. Trong các cuộc trao đổi với sinh viên công tác xã hội Thụy Sĩ, rõ ràng là công tác xã hội trong bối cảnh quốc tế thường gắn liền với các tổ chức phi chính phủ quốc tế trong lĩnh vực viện trợ nhân đạo hoặc hợp tác phát triển, nơi các nhân viên xã hội từ Bắc bán cầu làm việc trong các dự án ở Nam bán cầu.¹

Sổ tay này nhằm mục đích khắc phục sự đơn giản hóa quá mức này của công tác xã hội và chỉ ra ý nghĩa của công tác xã hội như một nghề toàn cầu. Điều này có nghĩa là những người làm công tác xã hội làm việc ở các vùng lãnh thổ quốc gia thường xuyên phải đối mặt với bối cảnh quốc tế, ví dụ như trong các lĩnh vực di cư bao gồm các mạng lưới chăm sóc và chuyển tiền xuyên quốc gia và các mạng lưới di cư, nhưng cũng có các điều kiện địa phương bị chi phối bởi các hiện tượng xuyên biên giới như biến đổi khí hậu, đại dịch hoặc các thách thức khác cần được giải quyết ở cấp độ quốc tế hoặc toàn cầu. Một

¹ Bắc Toàn Cầu và Nam Toàn Cầu ngày càng thay thế các thuật ngữ như 'các nước phát triển và đang phát triển', 'các nền kinh tế mới nổi' và thuật ngữ thường được sử dụng trước đây là 'Thế giới thứ ba'. Chúng được sử dụng ở đây như các tên gọi để mô tả tình hình của các quốc gia trong thế giới toàn cầu hóa là không có giá trị và hệ thống phân cấp nhất có thể. Theo nghĩa này, một quốc gia ở Nam Toàn Cầu ở trong tình trạng bất lợi về chính trị, kinh tế hoặc xã hội. Mặt khác, các quốc gia ở Bắc Toàn Cầu ở vị thế đặc quyền về thịnh vượng, tự do chính trị và phát triển kinh tế. Điều này cũng nhằm mục đích nhấn mạnh đến sự bất bình đẳng hiện có và các mối quan hệ phụ thuộc phát sinh. Các tên gọi này không nhằm mục đích khái quát hóa các điều kiện ở tất cả các quốc gia có liên quan. Chúng cũng chỉ được hiểu theo phạm vi địa lý ở một mức độ hạn chế (xem trực tuyến: Globaler Süden/Globaler Norden).

thách thức đối với công tác xã hội trong một thế giới toàn cầu hóa là vượt qua trọng tâm quốc gia hẹp hòi của nó. Công tác xã hội như một nghề toàn cầu theo định nghĩa và nguyên tắc của nó giúp mở rộng tầm nhìn của chính mình và do đó phát triển các quan điểm mới cho công tác xã hội địa phương.

Sổ tay này được viết dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi, cố gắng vượt qua định kiến phương Tây trong công tác xã hội, chủ yếu tập trung vào các phương pháp và lý thuyết về công tác xã hội được áp dụng trong một nhà nước phúc lợi xã hội và một xã hội đặc trưng bởi quan điểm cá nhân và tân tự do về xã hội. Mục đích của chúng tôi là truyền cảm hứng cho sinh viên, giảng viên và chuyên gia công tác xã hội khám phá công tác xã hội như một nghề toàn cầu, phản ánh lịch sử đan xen của công tác xã hội với quá khứ thuộc địa của nó và xem xét quyền lực và sự phụ thuộc ở các cấp độ khác nhau. Điều này có mục đích khuyến khích các cuộc tranh luận về các giá trị và nguyên tắc phổ quát và sự liên quan của kiến thức bản địa đối với công tác xã hội, và khám phá các lý lẽ khác cho công tác xã hội trong các bối cảnh khác nhau cho phép có cái nhìn tổng quan rộng hơn so với quan điểm truyền thống của phương Tây.

Chúng tôi tin rằng việc học hỏi từ những kinh nghiệm và sự phát triển khác nhau của công tác xã hội trên toàn thế giới là một bước rất quan trọng cho sự phát triển trong tương lai của công tác xã hội như một nghề toàn cầu. Vì lý do này, chúng tôi muốn sổ tay này là một động lực và một công cụ để phát triển hơn nữa công tác xã hội như một nghề toàn cầu. Việc lựa chọn nội dung là những gợi ý - sẽ được phát triển thêm - cho các bối cảnh tương ứng. Tài liệu tham khảo và các liên kết khác có nghĩa là để kích thích, điều chỉnh, cập nhật và cung cấp thêm hiểu biết sâu sắc về nội dung.

Cách sử dụng Sổ tay

Sổ tay này dựa trên kinh nghiệm với sinh viên công tác xã hội tại Thụy Sĩ và đã được định hình qua nhiều năm thông qua phản hồi của sinh viên. Điều này dẫn đến các ví dụ về cách giảng dạy và học tập, chủ đề thảo luận, câu hỏi, v.v.

Tùy thuộc vào ngữ cảnh, nội dung, ví dụ và câu hỏi sẽ phải được điều chỉnh. Trong mỗi chương, chúng tôi cung cấp một số liên kết và tài liệu tham khảo để đọc thêm nhằm điều chỉnh nội dung của các đơn vị khác nhau cho phù hợp với ngữ cảnh cụ thể.

Nó được thiết kế như một quyền truy cập mở để bất kỳ ai quan tâm đến công tác xã hội như một nghề toàn cầu, dành cho sinh viên, học viên và cả nhân viên giảng dạy công tác xã hội sử dụng. Quá thường xuyên, chúng tôi nhận thấy rằng chiều kích quốc tế của công tác xã hội không được cung cấp trong trường đại học hoặc tích hợp vào các khóa học công tác xã hội. Chúng tôi hy vọng rằng cuối cùng tất cả các chương trình công tác xã hội sẽ nhúng các chiều kích quốc tế như một khóa học cốt lõi, nhưng trong thời gian chờ đợi, cách tiếp cận mà chúng tôi học được có thể được sử dụng như một phần bổ sung cho chương trình giảng dạy hiện có. Đối với giáo viên sử dụng điều này, chúng tôi khuyến khích bạn tìm ví dụ của riêng mình.

Sổ tay được thiết kế để hỗ trợ và thúc đẩy việc phát triển các bài học hoặc học phần giảng dạy về công tác xã hội trong bối cảnh quốc tế. Các chương có thể được sử dụng như một khóa học toàn bộ hoặc như các học phần giảng dạy.

Cấu trúc của Sổ tay

Cuốn sách tương ứng với cấu trúc của mô-đun, bao gồm tổng cộng bảy chương. Mỗi người trong chúng tôi đã soạn thảo các chương và người đọc sẽ nhận thấy nhiều phong cách viết khác nhau. Chúng tôi đã cố tình để lại sự thay đổi phong cách này trong cuốn sách vì nó mô phỏng những cách khác nhau mà chúng tôi đã giảng dạy trong chương trình và chúng tôi hy vọng rằng người đọc, giống như những người tham gia trực tiếp trong lớp học, sẽ được hưởng lợi từ các quan điểm và phương pháp giao tiếp khác nhau.

Sổ tay có thể được sử dụng như một giáo trình nhưng cũng có thể là một cấu trúc có thể có của một mô-đun, với mỗi chương được sử dụng làm nội dung cho một hoặc hai đơn vị mô-đun. Mỗi chương được cấu trúc theo cùng một cách: đầu tiên các mục tiêu học tập được trình bày như định hướng chính, tiếp theo là phần giới thiệu theo chủ đề dựa trên các tài liệu đã chọn giải quyết một số câu hỏi chính liên quan đến chủ đề. Sau đó, một số ví dụ và nghiên cứu tình huống cho lớp học được mô tả, tiếp theo là các câu hỏi tiếp theo và danh sách tài liệu có chú thích để đọc thêm. Cuối cùng, bạn có thể tìm thấy một số bài tập giảng dạy để sử dụng cho việc học trên lớp hoặc trực tuyến.

Để giới thiệu bối cảnh của công tác xã hội như một nghề toàn cầu, sổ tay bắt đầu bằng một cuộc thảo luận về Định nghĩa quốc tế về Công tác xã hội, Liên đoàn Quốc tế Nhân viên xã hội và những phát triển lịch sử của nó, và các nguyên tắc đạo đức. Tiếp theo là phần giới thiệu về các lý thuyết hậu thực dân như một cơ sở lý thuyết để định vị công tác xã hội trong bối cảnh quyền lực và hệ thống phân cấp toàn cầu và quốc tế, sự phụ thuộc lẫn nhau và sự đan xen, và để phản ánh một cách phê phán về vị thế của chính mình.

Công tác xã hội như một nghề toàn cầu có liên quan đến công việc của các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc sẽ được trình bày và sự liên quan đến công tác xã hội được giải thích. Quyền con người và các quyền khác cũng được nêu bật vì chúng là định hướng trung tâm của nghề toàn cầu. Dựa trên các phương pháp và nguyên tắc làm việc được lựa chọn, các cách tiếp cận cụ thể của công tác xã hội như trao quyền, phát triển cộng đồng và các thực hành sinh thái-xã hội được trình bày. Chúng tôi coi những điều này đặc biệt liên quan đến công tác xã hội như một nghề toàn cầu để vượt qua sự tập trung vào công tác cá nhân thường được sử dụng trong bối cảnh phương Tây.

Chương 1

Công tác xã hội như một nghề toàn cầu: Định nghĩa và nguyên tắc đạo đức quốc tế

Rory Truell

Tổng quan

Trong chương này, chúng ta sẽ xem xét vai trò của Liên đoàn Quốc tế Nhân viên xã hội (IFSW) trong việc tạo điều kiện cho các tiêu chuẩn, chính sách và hành động toàn cầu. Sau đó, chúng ta sẽ tập trung vào hai công cụ rất quan trọng, Định nghĩa toàn cầu về Công tác xã hội và Tuyên bố toàn cầu về các nguyên tắc đạo đức. Trong cuộc thảo luận, chúng ta sẽ suy ngẫm về một câu hỏi thường được đặt ra: *“Liệu một mô tả về công tác xã hội có thể thực tế không, khi công tác xã hội được thực hiện trong nhiều bối cảnh xã hội, kinh tế và văn hóa đa dạng như vậy?”*.

Tiếp theo, chúng tôi sẽ xem xét vắn tắt một số hành động do ngành nghề quốc tế thực hiện liên quan đến Covid-19 và hợp tác với những ngành khác để chuyển đổi hệ thống quyền lực toàn cầu và quốc gia.

Mục tiêu học tập

- Hiểu công tác xã hội như một nghề toàn cầu.
- Biết và suy ngẫm về Định nghĩa quốc tế về Công tác xã hội và Tuyên bố về các Nguyên tắc đạo đức.
- Xác định tầm quan trọng của công tác xã hội đối với xã hội.
- Xem xét cách các chính sách quốc tế có thể ảnh hưởng đến hoạt động của bạn.

Sự khởi đầu của công tác xã hội toàn cầu

Ý tưởng về một người có kỹ năng quản lý các tình huống xã hội hoặc ngăn ngừa khủng hoảng xã hội rất có thể đã ăn sâu vào mọi nền văn hóa truyền thống và cuối cùng đây là tiền thân của công tác xã hội chuyên nghiệp hiện đại. Ở cấp độ toàn cầu, công tác xã hội chuyên nghiệp chính thức được ra mắt vào năm 1928 tại Hội nghị quốc tế đầu tiên về công tác xã hội, (đáng chú ý là vào thời điểm đó) có sự tham dự của 2481 đại biểu từ 42

quốc gia (Healy & Hall, 2007)². Họ họp tại Paris, và đó hẳn là một nỗ lực to lớn đối với các đại biểu từ Châu Mỹ, Châu Phi, Châu Á và Nam Thái Bình Dương vì họ sẽ phải dành nhiều ngày hoặc nhiều tuần trên một chiếc tàu buồm hoặc tàu hơi nước để đến tham gia. Cam kết của họ phản ánh nhu cầu tập hợp các nhà lãnh đạo và đại diện của chính sách xã hội và công tác xã hội để phát triển vai trò của họ trong việc xây dựng một thế giới mới, dựa trên bình đẳng và công lý xã hội.

Hội nghị quốc tế đầu tiên diễn ra vào thời điểm công tác xã hội ngày càng chuyên nghiệp hóa, gắn liền với việc chính thức hóa giáo dục công tác xã hội và thành lập các trường công tác xã hội trên toàn thế giới. Trước đó, vào năm 1899, chương trình giáo dục công tác xã hội đầy đủ đầu tiên đã bắt đầu tại Amsterdam. Năm 1904, có một số khóa đào tạo tại New York và Đức.

Alice Salomon đã mở một trường công tác xã hội tại Berlin vào năm 1908. Ở Đông Âu, 'Trường đào tạo công tác xã hội' được thành lập vào năm 1925 tại Warsaw, trong những năm 1920 và 1930, các trường công tác xã hội đã được khởi xướng tại Chile và Argentina (Healy, 2012). Trường công tác xã hội đầu tiên ở Châu Phi được thành lập vào năm 1924 và 1936 tại Ai Cập. Năm 1922, đào tạo công tác xã hội đã được mở tại Bắc Kinh, Trung Quốc. Hầu hết các khóa đào tạo đều chịu ảnh hưởng lớn từ 'mô hình công tác xã hội của Mỹ' (ibid.). Năm 1936, trường đào tạo công tác xã hội chuyên nghiệp đầu tiên được mở tại Mumbai, Ấn Độ, tập trung vào các vấn đề đô thị và đào tạo các viên chức phúc lợi lao động để ứng phó với lực lượng lao động nhà máy mới khi các gia đình chuyển từ các làng quê đến Mumbai. Vào giữa những năm 1930, trên tất cả các lục địa có người ở, đều có những người làm công tác xã hội được đào tạo chuyên nghiệp. Đây là một câu chuyện ẩn tượng về sự lan tỏa toàn cầu của đổi mới trong lĩnh vực chăm sóc xã hội, nhưng cũng chịu ảnh hưởng rất lớn của trật tự thế giới đế quốc và các cấu trúc quyền lực.

Việc xây dựng công tác xã hội toàn cầu trong những năm đầu đã bị gián đoạn đáng kể bởi Chiến tranh thế giới thứ 2, nhưng công việc và sứ mệnh của nó vẫn còn nguyên vẹn, dẫn đến việc nghề này góp phần vào những thay đổi đáng kể trong chính sách xã hội địa chính trị sau chiến tranh. Ví dụ, tại một số quốc gia công nghiệp, các nhân viên xã hội đã ủng hộ và giúp thiết kế các nhà nước phúc lợi đầu tiên. Trong một trường hợp như vậy,

² Cũng bắt nguồn từ hội nghị năm 1928 đó là sự ra đời của hai tổ chức công tác xã hội chị em khác: Hiệp hội quốc tế các trường công tác xã hội (IASSW) và Hội đồng quốc tế về công tác xã hội, hiện được đổi tên thành Hội đồng quốc tế về an sinh xã hội/phúc lợi xã hội (ICSW). Mỗi một trong ba tổ chức toàn cầu này đã làm việc cùng nhau ở các cấp độ khác nhau và trong những năm gần đây, IASSW và IFSW đã nỗ lực cùng nhau phát triển các chính sách quan trọng để đảm bảo sự thống nhất giữa việc giảng dạy và thực hành công tác xã hội.

Vương quốc Anh, một nhân viên xã hội là Clement Attlee, đã được bầu làm Thủ tướng và chính phủ của ông đã thành lập Dịch vụ Y tế Quốc gia (NHS), hiện vẫn còn tồn tại, mặc dù đang chịu áp lực đáng kể với các cam kết tài chính ngày càng tăng. Các nhân viên xã hội cũng đã làm việc cùng với nhiều nhà lãnh đạo chính trị, đưa ra các chính sách toàn cầu mới như Kế hoạch Marshall (xem trực tuyến: Kế hoạch Marshall) và thậm chí quan trọng hơn là sự hình thành của Liên hợp quốc và luật nền tảng của nó, Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (Healy, 2008), cho thấy rằng lịch sử của công tác xã hội phản ánh cốt lõi rằng đây là một nghề về nhân quyền.

Giai đoạn phục hồi sau Thế chiến II là thời kỳ rất quan trọng đối với công tác xã hội. Nhiều chương trình, dự án và cơ hội quốc tế đã được tạo ra vào thời điểm đó. Sau đó, công tác xã hội đã được các chuyên gia Mỹ và châu Âu đưa vào các quốc gia châu Á và châu Phi để giải quyết các vấn đề được gọi là 'kém phát triển' (ibid.). Công tác xã hội cũng được đưa trở lại ở các quốc gia thuộc Liên Xô cũ và Khối phía Đông, bao gồm Nga, các quốc gia Đông Âu, Trung Quốc và Việt Nam với sự tham gia đáng kể của các ảnh hưởng nước ngoài.

Ngày nay, nghề công tác xã hội không còn có nhiều ảnh hưởng như vậy, đã chịu ảnh hưởng đáng kể vào cuối những năm 1970, 1980 và 1990 trong một kỷ nguyên địa chính trị khác, kỷ nguyên tân tự do. Trong giai đoạn này, các chính sách điều chỉnh cơ cấu đã được phát triển bởi hai tổ chức Bretton Woods, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Ngân hàng Thế giới. Chúng bắt nguồn từ một loạt thảm họa kinh tế toàn cầu vào cuối những năm 1970 như cuộc khủng hoảng dầu mỏ, nhiều cuộc suy thoái kinh tế và đình lạm. Các chính sách điều chỉnh cơ cấu nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết thâm hụt cán cân thanh toán và giảm nghèo, và có liên quan đến các chính sách ổn định, như cắt giảm tiền lương, xóa bỏ trợ cấp lương thực, giảm thâm hụt ngân sách thông qua việc tăng thuế và giảm chi tiêu của chính phủ. Điều này bao gồm định hướng mạnh mẽ về chính trị tân tự do, bao gồm cả việc cắt giảm các chính sách xã hội và phúc lợi. Giai đoạn này đã làm nổi bật và ngày nay vẫn tiếp tục thúc đẩy chủ nghĩa cá nhân và công trạng cá nhân hơn là đoàn kết xã hội. Trong thời gian này, luật pháp và chính sách ở nhiều quốc gia đã thay đổi từ hệ thống đoàn kết xã hội, bảo vệ nền kinh tế địa phương và quyền xã hội, sang hệ thống tập trung vào thị trường tân tự do, giảm phúc lợi xã hội và do đó làm tăng bất bình đẳng.

Công tác xã hội những năm đầu có ảnh hưởng nhiều nhưng không hoàn hảo vì kể từ đó, nghề này và thế giới đã học được nhiều hơn từ những con người và nền văn hóa mà sau đó đã bị cả vô tình và cố ý bỏ qua.

Nghề này cũng đã nỗ lực hết sức để vượt qua sự thỏa hiệp ngầm của mình với cách thực hành mang tính thuộc địa. Sự thỏa hiệp ngầm này bao gồm việc thiết lập các dịch vụ xã hội cho những người thực dân nhưng không phải cho những người dân địa phương bị thực dân hóa, hoặc xuất khẩu các mô hình công tác xã hội của phương Tây trong các bối cảnh văn hóa rất khác nhau dẫn đến hậu quả tàn khốc đối với người dân bản địa. Nhưng hiện nay, nghề này đang tiến lên với sự hòa nhập nhiều hơn, tăng số lượng thành viên và một lần nữa thúc đẩy một bộ các mối quan hệ địa chính trị mới được thiết kế để 'không bỏ lại ai phía sau'. Chúng ta sẽ thảo luận thêm về vấn đề này bên dưới, nhưng trước tiên chúng ta nên xem xét nghề công tác xã hội ngày nay, các chính sách chính của nghề này và cách thức điều này ảnh hưởng đến những người hành nghề.

IFSW là gì và nghề toàn cầu này làm gì?

Tổ chức IFSW bao gồm các hiệp hội hoặc liên đoàn công tác xã hội quốc gia. Hiệp hội quốc gia là một tổ chức thành viên do công tác xã hội lãnh đạo, thường xác định các tiêu chuẩn, đạo đức và chính sách trong quốc gia đó. Ở một số quốc gia, hiệp hội quốc gia có thể khá mạnh mẽ và có thể ảnh hưởng đến chính sách quốc gia trong khi ở những quốc gia khác, các hiệp hội vẫn đang trên hành trình trở thành tiếng nói độc lập mạnh mẽ ở các quốc gia của họ.

Suy ngẫm: Bạn sẽ đánh giá hiệp hội công tác xã hội quốc gia ở quốc gia của bạn như thế nào trên phương diện này và bạn nghĩ bạn và những người khác có thể làm gì để hỗ trợ công tác xã hội có ảnh hưởng tích cực mạnh mẽ hơn?

Trong tổ chức IFSW, các hiệp hội công tác xã hội quốc gia tập hợp lại để thiết lập các tiêu chuẩn, chính sách và hành động quốc tế. Những việc này đóng vai trò như chất kết dính giúp công tác xã hội trở thành một nghề quốc tế. Ví dụ, nếu một nhân viên công tác xã hội, chẳng hạn từ Maroc, chứng kiến hoạt động của một nhân viên công tác xã hội từ Úc, cô ấy sẽ nhận ra nhân viên công tác xã hội đó đang làm gì. “Arh”, nhân viên xã hội người Maroc có thể nói, “người Úc đang hỏi về các mối quan hệ của người đó với người khác, để xem mối quan hệ nào hỗ trợ và mối quan hệ nào không. Bây giờ cô ấy đang giúp gia đình xác định điểm mạnh của họ”. Điều này là do tất cả các hiệp hội đã cùng

n nhau làm việc thông qua nghề nghiệp quốc tế, tạo ra một bộ nguyên tắc và chính sách ràng buộc tạo thành một khuôn khổ đạo đức xác định những gì nhân viên xã hội làm ở các cấp độ vi mô, trung mô và vĩ mô và vai trò của họ trong xã hội.

Định nghĩa quốc tế về Công tác xã hội, các tiêu chuẩn, chính sách và các hành động tiếp theo của họ liên tục phát triển và mở rộng khi nghề này có thêm nhiều tổ chức thành viên cùng nhau phản ứng với các điều kiện thay đổi, chẳng hạn như biến đổi khí hậu, chiến tranh, bối cảnh địa chính trị và tình hình khủng hoảng kinh tế. Ví dụ, với sự phát triển của nghề, từ năm 2010 đến năm 2024, các tổ chức, hiệp hội và công đoàn thành viên của IFSW có số lượng là 80 vào năm 2010, nhưng hiện tại đã có 153. Các tổ chức thành viên mới đã mang theo những cách khác nhau để áp dụng công tác xã hội trong bối cảnh địa phương của họ, chẳng hạn như việc sử dụng 'Ubuntu' (xem trực tuyến: Ubuntu) ban đầu được phát triển trong bối cảnh châu Phi. Những tiếng nói tương đối mới này đã có ảnh hưởng sâu sắc đến phần còn lại của nghề toàn cầu và tạo ra các cuộc trò chuyện rộng rãi đang diễn ra về cách chúng ta có thể cải thiện hoạt động công tác xã hội bằng cách chia sẻ kiến thức với các khu vực và nền văn hóa khác.

Những tiếng nói mới đã giúp nghề nghiệp toàn cầu vượt qua định kiến phương Tây vốn đã thống trị nghề công tác xã hội quá lâu. Do đó, trong toàn bộ nghề nghiệp hiện nay có một mối quan tâm sâu sắc và chân thành hơn đối với công tác xã hội bản địa và mong muốn đưa những bài học kinh nghiệm từ bản địa vào các mô hình thực hành phương Tây vì trong nhiều trường hợp, những mô hình này đã được chứng minh là mang lại kết quả tốt hơn. Một ví dụ về điều này là Ra Quyết định bởi nhóm gia đình do các nhân viên xã hội người Māori phát triển như một giải pháp thay thế cho các hệ thống thường dẫn đến việc trẻ em bị tách khỏi gia đình, được sử dụng ngày nay ở nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Hà Lan, Ireland và Thụy Sĩ như một phương pháp mới trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em (Wikipedia, 2024).

Nhưng bất chấp sự đồng học tập này đã xuất hiện trong toàn ngành, liệu một mô tả hoặc hiểu biết về công tác xã hội có thể áp dụng cho mọi tình huống, khi có những điều kiện xã hội, kinh tế và văn hóa khác nhau? Liệu công tác xã hội có thể giống nhau giữa một bộ lạc du mục ở Somalia và một bối cảnh sức khỏe tâm thần đương đại ở New Zealand không?

Nghiên cứu tình huống: ‘Mohammad’

Câu hỏi này đã được giải đáp cho tôi (Rory) khi tôi gặp Mohammad, một nhân viên xã hội người Somaliland đã tiếp cận tôi tại một hội nghị IFSW ở Kenya.

Tôi đã ở đó với vai trò trước đây là đồng chủ tịch của Đánh giá quốc tế về Định nghĩa toàn cầu về Công tác xã hội. Hội nghị Kenya là một trong nhiều nơi trên thế giới diễn ra cuộc tham vấn về những gì nên có trong một định nghĩa toàn cầu mới về công tác xã hội. Rất thường xuyên, trong các cuộc họp tham vấn này, ai đó thường nói rằng không thể đưa ra một công thức bao quát về công tác xã hội chuyên nghiệp, ví dụ, làm sao một nhân viên xã hội ở Washington có thể chia sẻ một định nghĩa có ý nghĩa về thực hành với một nhân viên xã hội làm việc cùng những người nhặt rác ở Dhaka? Và cho đến khi tôi gặp Mohammad, tôi thấy đây là một câu hỏi khó trả lời.

Mohammad, ở độ tuổi cuối 20, đã kiên nhẫn chờ đợi để nói chuyện với tôi. Anh ấy cao hơn tôi rất nhiều, nhưng khi chúng tôi nói chuyện, mắt anh ấy tập trung hoàn toàn vào đôi chân của chúng tôi. Ông ấy nói, “Tiến sĩ Rory, tôi đã nghe về công việc của IFSW và định nghĩa toàn cầu, nhưng tôi muốn biết về ông với tư cách là một nhân viên xã hội”. Tôi trả lời rằng ông ấy không cần phải gọi tôi là ‘Tiến sĩ’ và trong nghề, chúng tôi sử dụng tên riêng. Mohammad nhìn sâu hơn xuống đất và nói rằng trong văn hóa của ông ấy, việc xưng hô với mọi người một cách chính thức là điều quan trọng và ông ấy lặp lại câu hỏi của mình. Sau khi tôi giải thích về nền tảng kiến thức của mình ở New Zealand, trong cả hai lĩnh vực cộng đồng và sức khỏe tâm thần, tôi đã yêu cầu Mohammad kể cho tôi nghe về hoạt động công tác xã hội của ông ấy. Tôi chưa bao giờ đến Somaliland và tự hỏi về bối cảnh và những thách thức mà ông ấy phải đối mặt.

Nhìn xuống đất, Mohammad khiêm tốn nói, “Tôi làm việc theo cách giống như anh Tiến sĩ Rory”. Anh ấy có vẻ ngại ngùng và có vẻ như anh ấy không nghĩ rằng kinh nghiệm của mình sẽ thú vị với tôi. Sau một vài câu hỏi nữa, anh ấy đã nhượng bộ và kể cho tôi về công việc của anh ấy vào tuần trước: *“Tôi đã làm việc với một bộ lạc du mục ở Somaliland. Tuần trước, có một người phụ nữ 16 tuổi mang thai nhưng chưa kết hôn. Điều này là một vấn đề lớn trong văn hóa của chúng tôi, và nó đã mang lại sự xấu hổ cho bộ lạc và vì vậy cô ấy sẽ bị trục xuất và bị bỏ lại một mình”*. Trong khi Mohammad đang nói, tôi nghĩ rằng hoạt động công tác xã hội của anh ấy không thể giống như của tôi. Văn hóa, tôn giáo, đói nghèo và địa lý khác xa so với những kinh nghiệm thực hành trước đây của tôi ở New Zealand. Tôi ngắt lời anh ấy và hỏi, *“hậu quả của việc bị trục xuất khỏi bộ lạc là gì và anh đã làm gì?”*. Anh ấy lắc nhẹ cái đầu cúi gằm của mình: *“Nếu*

cô ấy không còn ai khác thì thật kinh khủng. Không ai có thể tự mình tồn tại. Vì vậy, ngay khi tôi nghe về điều này, tôi đã đi gặp người phụ nữ đó và hỏi cô ấy xem cô ấy có muốn tôi không làm nhân viên xã hội của cô ấy không. Cô ấy đồng ý và chúng tôi đã thảo luận về những gì sẽ xảy ra tiếp theo. Sau đó, tôi đã nói chuyện với mẹ và cha cô ấy. Phải mất nhiều giờ vì mẹ cô ấy cảm thấy rằng con gái mình đã mang lại sự xấu hổ cho gia đình, nhưng cả mẹ và cha đều nói rằng nếu các tù trưởng bộ lạc đồng ý cho con gái họ ở lại, thì họ với tư cách là cha mẹ sẽ chấp nhận cô ấy trở lại gia đình. Tôi đã đến một gia đình khác và hỏi liệu họ có cho người phụ nữ trẻ này mượn một số con dê trong một năm để cô ấy có thể nuôi chúng và bán sữa không. Gia đình đó đồng ý. Sau đó, tôi đến gặp những người lớn tuổi và giải thích rằng người phụ nữ đó sẽ không phải là gánh nặng cho bộ tộc, vì cô ấy sẽ có đàn dê của riêng mình và có thể đóng góp vào cuộc sống của bộ tộc. Những người lớn tuổi đã thảo luận về tình hình và nói rằng cô ấy có thể ở lại”. “Ông thấy chưa, Tiến sĩ Rory, tôi làm việc giống như ông vậy.”

Ông ấy đã đúng. Mohammad đã áp dụng các nguyên tắc công tác xã hội giống như hàng triệu nhân viên xã hội khác và thực sự, giống như tôi đã làm trong bối cảnh chuyên môn của mình ở New Zealand. Ông đã tôn trọng ý thức bảo mật và khả năng ra quyết định của người phụ nữ trẻ bằng cách hỏi cô ấy xem cô ấy có muốn ông làm nhân viên xã hội không và cùng cô ấy lập kế hoạch. Sau đó, ông đã tiến hành công tác gia đình và hỗ trợ mẹ và cha cô ấy vượt qua kỳ thị về việc mang thai ngoài giá thú. Tiếp theo là tạo ra các nguồn lực để hỗ trợ người phụ nữ trẻ. Trong công việc của tôi ở New Zealand, không bao giờ là dê, mà thường là các khoản trợ cấp, nhà ở hoặc các mối quan hệ xã hội mới, nhưng đây là những nguồn lực có sẵn cho Mohammad và người phụ nữ 16 tuổi trong bối cảnh này. Khi đã đảm bảo được điều này, ông đã vận động thành công với chính quyền để công nhận địa vị và tư cách thành viên của cô ấy trong cộng đồng của họ.

Tôi cảm ơn Mohammad, khi nhớ lại quan sát của mình, rằng thực sự anh ấy đã làm việc giống như tôi, nhưng trong một bối cảnh khác biệt đáng kể. Tôi nói với anh ấy rằng anh ấy đã thực sự giúp tôi trong vai trò là người tạo điều kiện cho một định nghĩa toàn cầu mới về công tác xã hội.

“Nhưng tôi vẫn chưa hoàn thành Tiến sĩ Rory. Tôi phải quay lại bộ lạc sau hội nghị này. Bộ lạc này và nhiều bộ lạc khác rất nghèo, và cuộc sống rất khó khăn, đến nỗi họ tìm đến những văn bản tôn giáo cực đoan nhất để tìm hy vọng. Đó là tất cả những gì họ nghĩ họ có. Tôi sẽ đề nghị làm việc với họ, để họ biết rằng họ có những nguồn lực khác và họ cần hỗ trợ bất kỳ người phụ nữ nào trong tương lai mang thai nhưng không có chồng”.

Trong lời phản bác của mình, Mohammad đã đặt nền tảng của công tác xã hội: tạo điều kiện cho sự thay đổi xã hội. Bây giờ anh ấy đã trả lời đầy đủ bất kỳ những nghi ngờ mà tôi có với tư cách là đồng chủ tịch của đợt đánh giá định nghĩa toàn cầu và rằng có thể có một mô tả về công tác xã hội áp dụng cho mọi bối cảnh. Sau cùng, ông đã mô tả tất cả các nguyên tắc chính của nghề công tác xã hội.

Suy ngẫm: Đây chỉ là một trong nhiều ví dụ về công tác xã hội. Trong thời gian thực tập hoặc làm việc tại một cơ quan xã hội, bạn có thể nhớ lại một ví dụ và mô tả các nguyên tắc chuyên môn làm nền tảng cho các hành động của nhân viên xã hội không?

Định nghĩa toàn cầu về Công tác xã hội

Định nghĩa toàn cầu về Công tác xã hội đã được sửa đổi thúc đẩy cam kết của nghề đối với sự thay đổi và phát triển xã hội, sự gắn kết xã hội và sự trao quyền và giải phóng con người. Những thay đổi đối với định nghĩa toàn cầu, cùng với sự công nhận tầm quan trọng của nhiều hình thức tạo ra kiến thức, khuyến khích việc xem xét lại một cách phê phán những hàm ý của sự thay đổi từ việc nhấn mạnh vào các phương pháp tiếp cận cá nhân sang tầm quan trọng của các quan điểm tập thể và vĩ mô trong can thiệp công tác xã hội (Ornellas, et al., 2016). Định nghĩa này nêu rằng :

Công tác xã hội là một nghề dựa trên thực hành và là một ngành học thuật thúc đẩy sự thay đổi và phát triển xã hội, sự gắn kết xã hội, và sự trao quyền và giải phóng con người. Các nguyên tắc về công lý xã hội, quyền con người, trách nhiệm tập thể và tôn trọng sự đa dạng là cốt lõi của công tác xã hội. Được hỗ trợ bởi các lý thuyết về công tác xã hội, khoa học xã hội, nhân văn và kiến thức bản địa, công tác xã hội thu hút mọi người và các cấu trúc để giải quyết các thách thức của cuộc sống và nâng cao phúc lợi. Định nghĩa trên có thể được mở rộng ở cấp quốc gia và/hoặc khu vực (IFSW, 2014).

Gần một thập kỷ kể từ khi được xác nhận, định nghĩa này đã được đưa vào luật hoặc được các cơ quan pháp lý công nhận là mô tả về vai trò và mục đích của nghề ở nhiều quốc gia. Các quốc gia như vậy coi trọng vai trò của nghề công tác xã hội trong việc làm việc với mọi người và cộng đồng để xóa bỏ các rào cản tạo ra tình trạng dễ bị tổn thương hoặc chuyển đổi bối cảnh nghèo đói và bất lợi. Tuy nhiên, ở các quốc gia độc tài

hơn, hoặc những quốc gia không có hoặc có rất ít cơ cấu phúc lợi, thì thường không được các hệ thống của nhà nước công nhận.

Suy ngẫm: Định nghĩa toàn cầu về Công tác xã hội có được công nhận trong luật pháp của quốc gia bạn không? Nếu không, bạn có nghĩ rằng nên công nhận không – bạn có thể thực hiện những bước nào để giải quyết vấn đề này?

Định nghĩa này, được xác nhận vào năm 2014, có những điểm khác biệt chính so với các phiên bản trước nó. Cùng với việc xác định rõ quyền con người, phiên bản này còn nhấn mạnh đến “trách nhiệm”. Điều này thừa nhận rằng, ở cấp độ hàng ngày, nhân quyền có được duy trì hay không bởi những người xung quanh chúng ta, và mỗi người trong chúng ta đều có nghĩa vụ, trách nhiệm tôn trọng quyền lợi của người khác. Điều này thường xuyên xảy ra trong thực hành công tác xã hội, ví dụ như khi làm việc với một gia đình hoặc một cộng đồng bị chia rẽ, nhân viên xã hội sẽ giúp mọi người lắng nghe và hiểu nhau cũng như ý thức của nhau về quyền lợi của mình. Thông qua đó, nhân viên xã hội cố gắng tạo ra bối cảnh cân bằng quyền của mọi người và một nền văn hóa của những người chịu trách nhiệm trong việc tôn trọng và phát huy quyền lợi của người khác.

Các cách tiếp cận cũ hơn đối với công tác xã hội tập trung vào một nhóm quyền, ví dụ như quyền trẻ em, thường dẫn đến việc trẻ bị tách khỏi một gia đình để bị tổn thương. Trong khi đó, cách tiếp cận toàn diện hơn về quyền và trách nhiệm thường kết thúc bằng việc toàn bộ gia đình củng cố văn hóa chăm sóc của họ đối với tất cả các thành viên trong gia đình, giải quyết bền vững mối quan tâm ban đầu. Đây hầu như luôn là kết quả tốt hơn nhiều so với việc trẻ bị tách khỏi gia đình và nội tâm hóa rằng chúng không thể được gia đình yêu thương, hoặc rằng chúng và gia đình sẽ mãi mãi 'rối loạn chức năng'.

Một bổ sung quan trọng khác cho định nghĩa năm 2014 là việc đưa vào ‘kiến thức bản địa’ được công nhận là một hình thức nền tảng của kiến thức và sự hiểu biết, cùng với các ‘khoa học xã hội’ khác. Trước đó, nghề nghiệp toàn cầu đã vô tình bị mù và điếc trước trí tuệ bản địa, mặc dù nhiều triết lý bản địa đồng điệu với các lý tưởng của công tác xã hội. Ví dụ, công nhận sự phụ thuộc lẫn nhau của con người, giữa họ với nhau và với thiên nhiên – củng cố trách nhiệm của mọi người, không chỉ trong thế hệ này mà còn đối với các thế hệ mai sau.

Mặc dù định nghĩa này đã có những bước tiến, nhưng nó đã bị vượt qua bằng cách phát triển nhận thức thế giới. Nó không nói trực tiếp đến nhu cầu của mọi người trong việc cùng thiết kế và cùng xây dựng các hệ thống thế giới mới có thể hỗ trợ phát triển tương lai chung đầy tôn trọng cho tất cả mọi người. Nó cũng không xác định cụ thể vai trò quan trọng của nhân viên xã hội trong việc tạo điều kiện cho phát triển bền vững. Có lẽ lần lặp lại tiếp theo sẽ mô tả vai trò mở rộng của nhân viên xã hội kết hợp làm việc chung vì môi trường, công lý xã hội và tính bền vững về kinh tế.

Suy ngẫm: Bạn sẽ soạn thảo định nghĩa về công tác xã hội như thế nào để có thể áp dụng cho quốc gia của bạn và các quốc gia, nền văn hóa khác mà bạn đã từng đến thăm?

Từ cuộc thảo luận trước đó về nghiên cứu trường hợp của Mohammad, người ta đã đưa ra gợi ý rằng có thể có một định nghĩa về công tác xã hội áp dụng cho mọi bối cảnh vì ông ta dường như đã mô tả tất cả các nguyên tắc chính của công tác xã hội trong công việc của mình với các bộ lạc Somaliland. Tuy nhiên, có khía cạnh nào của định nghĩa này mà bạn cảm thấy có thể phù hợp hơn với các nền văn hóa cụ thể không, hoặc bạn sẽ đóng khung nó theo cách khác nếu bạn đang thiết kế định nghĩa này?

Tuyên bố toàn cầu về các nguyên tắc đạo đức

Các nguyên tắc đạo đức công tác xã hội toàn cầu, giống như định nghĩa, đã được phát triển và được các đại diện công tác xã hội trên khắp thế giới xác nhận. Chúng ta có thể thấy trong công trình của Mohammad cách các nguyên tắc được bộc lộ khi làm việc trong một 'bộ lạc du mục'. Trong thực hành của riêng tôi (tức là của Rory), những nguyên tắc tích hợp này quan trọng hơn bất kỳ sách giáo khoa hay mô hình nào và khi tôi gặp khó khăn hoặc bị thách thức, tôi thấy sự khôn ngoan của chín nguyên tắc giúp tôi tìm ra giải pháp.

Sau đây là Tuyên bố toàn cầu về các nguyên tắc đạo đức công tác xã hội – Liên đoàn công tác xã hội quốc tế (ifsw.org) (IFSW, 2018):

1. Công nhận phẩm giá vốn có của con người
2. Bảo vệ quyền con người
3. Thúc đẩy công lý xã hội
4. Thúc đẩy quyền tự quyết

5. Thúc đẩy quyền tham gia
6. Tôn trọng tính bảo mật và quyền riêng tư
7. Đối xử với mọi người như những con người toàn diện
8. Sử dụng công nghệ và phương tiện truyền thông xã hội một cách có đạo đức
9. Chính trực nghề nghiệp.

Các nguyên tắc giúp chúng ta hiểu được công tác xã hội khác với các nghề nghiệp ‘giúp đỡ’ khác như thế nào. Khi xem xét chúng cùng nhau, chúng ta hiểu một người trong bối cảnh xã hội, nơi các quyền của họ cần được công nhận và cân bằng với những người khác. Chúng ta nhìn nhận một người như một tổng thể, không chỉ là một người nghiện ma túy, hoặc một người trầm cảm, đói khát hoặc vô gia cư. Chúng ta nhận ra rằng mọi người đều có điểm mạnh và họ có thể sử dụng những điểm mạnh này để xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho bản thân và những người khác. Chúng ta coi sự đa dạng là một điểm cộng – rằng sự khác biệt của chúng ta cũng là điểm mạnh của chúng ta, vì tất cả chúng ta đều có những cách khác nhau để đóng góp vào các giải pháp. Và thông qua các nguyên tắc, chúng ta có thể hiểu được vai trò chuyên môn của mình trong việc tạo điều kiện cho sự đoàn kết xã hội để tất cả mọi người có thể trải nghiệm được phẩm giá.

Suy ngẫm: Bạn sẽ áp dụng những nguyên tắc này như thế nào trong công việc của mình với tư cách là một nhân viên xã hội hoặc sinh viên công tác xã hội?

Xin lưu ý rằng các hiệp hội và tổ chức quốc gia có trách nhiệm xây dựng và cập nhật thường xuyên các quy tắc đạo đức hoặc hướng dẫn đạo đức của riêng mình để phù hợp với Tuyên bố về các nguyên tắc đạo đức này, có tính đến các tình huống tại địa phương. Các hiệp hội quốc gia cũng có trách nhiệm thông báo cho các nhân viên xã hội và trường đào tạo công tác xã hội về Tuyên bố này và đảm bảo rằng các nhân viên xã hội hành động theo quy tắc hoặc hướng dẫn đạo đức hiện hành tại quốc gia của họ. Là một nhân viên xã hội hoặc sinh viên công tác xã hội, bạn cần làm quen với Tuyên bố và cân nhắc xem điều này có phù hợp với công việc hoặc vị trí mà bạn đang đảm nhận hay không. Nếu không, bạn có thể làm gì để cải thiện tình hình và mang lại nhiều thực hành đạo đức hơn tại nơi làm việc của mình?

Công tác xã hội toàn cầu trong hành động

Nghề nghiệp quốc tế cũng hoạt động vượt ra ngoài việc tạo ra các tiêu chuẩn và chính sách. Ví dụ, trong vòng 72 giờ đầu tiên sau khi dịch Covid-19 bùng phát tại Vũ Hán, Trung Quốc, Hiệp hội Nhân viên Công tác xã hội Trung Quốc đã cung cấp báo cáo cho tất cả các hiệp hội quốc gia khác về các phản ứng khẩn cấp của họ. IFSW cũng ngay lập tức đưa ra các hướng dẫn tư vấn cho các công tác xã hội về vai trò thiết yếu của họ trong đại dịch. Nghề nghiệp quốc tế biết phải làm gì và những thách thức sẽ là gì. Điều này là do nghề nghiệp đã chia sẻ kinh nghiệm của mình từ SARS, Ebola, HIV/AIDS và các dịch bệnh và đại dịch khác.

Các chuyên gia tuyến đầu thường đi trước các chính phủ, những chính phủ ban đầu phản ứng chậm, sau đó đôi khi phản ứng thái quá, mà không hiểu được tác động của các chính sách khẩn cấp của họ. Nhiều chính phủ lúc đầu nghĩ rằng đại dịch chỉ cần phản ứng y tế vì họ đã không nghĩ đến hậu quả của lệnh phong tỏa đối với công chúng. Họ cũng không cân nhắc đến nhu cầu của những người dựa vào các dịch vụ hỗ trợ, hoặc ở một số quốc gia, nhu cầu tiếp cận thực phẩm và nước sạch của người dân.

Vào những ngày đầu của đại dịch, hầu hết các chính phủ đã cố gắng đóng cửa các dịch vụ xã hội theo cách tiếp cận lệnh phong tỏa kín hoàn toàn. Do đó, các nhân viên xã hội trên khắp thế giới đã ủng hộ các dịch vụ vẫn mở nhưng phải thích ứng với các điều kiện. Các nhân viên xã hội nói chung đã thành công và đã giúp các chính phủ hiểu rằng các dịch vụ có thể hoạt động hiệu quả mà không làm lây lan vi-rút, nhưng đồng thời, các dịch vụ thích ứng này là chìa khóa thành công trong việc kiểm soát vi-rút.

Ví dụ, nhân viên xã hội ở nhiều quốc gia đã làm việc với các nhà lãnh đạo cộng đồng để giúp họ hiểu được tầm quan trọng của việc giãn cách xã hội và sử dụng khẩu trang, găng tay và chất khử trùng. Nhân viên xã hội cũng thiết lập các mạng lưới trực tuyến trên toàn cộng đồng, cung cấp cho mọi người lời khuyên về cách tiếp cận thực phẩm và thuốc men an toàn. Ở các vùng nông thôn, nhân viên xã hội đã tổ chức các hệ thống cung cấp thực phẩm và thuốc men và ở các quốc gia mà nền kinh tế bị ngưng trệ hoàn toàn, nhân viên xã hội đã hỗ trợ cộng đồng sản xuất và phòng của riêng họ, chia sẻ thuốc men và tạo ra các nguồn thu nhập thay thế.

Do đó, công tác xã hội được công nhận ở một số quốc gia là thiết yếu bên cạnh các ngành nghề y tế, điều dưỡng và cảnh sát. Để biết thêm thông tin về phản ứng của công tác xã hội đối với Covid, hãy xem IFSW, 2020³. Tất cả điều này chỉ có thể thực hiện được

³ Xem thêm: Thách thức về mặt đạo đức đối với nhân viên xã hội trong thời kỳ Covid-19: Quan điểm toàn cầu – Liên đoàn Công tác xã hội Quốc tế (ifsw.org).

vì các nhân viên công tác xã hội đã chia sẻ thông tin và cung cấp cho nhau sự hỗ trợ lẫn nhau thông qua nghề công tác xã hội quốc tế. Nhưng đây không phải là loại hành động duy nhất mà nghề công tác xã hội thực hiện trong suốt đại dịch.

Trước đại dịch, tại các quốc gia có hệ thống phúc lợi quan liêu, nhân viên xã hội đã gặp phải những thách thức liên tục trong việc phối hợp với các nghề khác. Nhưng trong thời gian xảy ra đại dịch, khi một nhân viên xã hội gọi điện cho một y tá y tế cộng đồng, cô ấy đã nhắc máy. Hầu như tất cả các nghề tập trung vào con người đều nhận thấy rõ ràng cần phải thoát khỏi các rào cản và hạn chế về chính sách đã tách biệt, ví dụ, dịch vụ y tế và dịch vụ xã hội. Sự cần thiết này cũng được cảm nhận ở cấp độ toàn cầu và các ngành nghề y tế kể từ đó đã hợp tác chặt chẽ với IFSW.

Các quan hệ đối tác mới tại địa phương và toàn cầu giữa các ngành nghề đã nhanh chóng xác định được mối quan tâm chung ngoài đại dịch trong việc giải quyết bất bình đẳng và các yếu tố xã hội mang tính quyết định sức khỏe kém và các vấn đề xã hội. Điều này bao gồm việc công nhận nhu cầu phát triển các chính sách mới, trong đó các rào cản giữa chăm sóc sức khỏe và chăm sóc xã hội được xóa bỏ, và công chúng, chứ không phải các chính phủ quan liêu tập trung, là những tác nhân chính trong việc đồng thiết kế và đồng xây dựng các hệ thống dịch vụ xã hội và chăm sóc sức khỏe trong tương lai.

Khi công việc này trở nên rõ ràng hơn, các tổ chức và ngành nghề toàn cầu khác cũng muốn tham gia. Trong thời gian ngắn, một liên minh các đối tác đã được thành lập bao gồm các công đoàn toàn cầu, các tôn giáo quốc tế, các cơ quan của Liên hợp quốc, các hội đoàn sinh viên thế giới, Khối thịnh vượng chung và các ngành nghề khác. Các đối tác, đại diện cho hàng trăm triệu người, đã cùng nhau phát động *Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu của nhân dân vì một thế giới sinh thái - xã hội mới: Không bỏ lại ai phía sau*. Trong hội nghị thượng đỉnh, nhiều phong trào xã hội, sinh thái, phụ nữ và bản địa trên thế giới đã tham gia, đóng góp ý tưởng của họ về cách thế giới cần được chuyển đổi để trở nên công bằng và bền vững về mặt xã hội để tất cả mọi người cùng được hưởng lợi. Từ đó, Hiến chương của nhân dân vì một thế giới sinh thái - xã hội mới đã được thành lập.⁴

Hiến chương cam kết thực hiện quá trình chuyển đổi xã hội đang diễn ra. Hiến chương thừa nhận rằng hệ thống chính quyền quốc gia hiện tại rất hạn chế trong việc giải quyết những thách thức mà tất cả chúng ta phải đối mặt: khủng hoảng khí hậu, bất bình đẳng gia tăng, xung đột giữa các quốc gia, v.v. Điều này là do các quốc gia dân tộc được thiết

⁴ Chính sách mới: Vai trò của nhân viên xã hội trong việc thúc đẩy một thế giới sinh thái xã hội mới – Liên đoàn công tác xã hội quốc tế (ifsw.org).

kế xung quanh các nguyên tắc tự phục vụ và cạnh tranh, thay vì hợp tác giữa các quốc gia, và Hiến chương cũng lưu ý, có xu hướng không nhận ra sự đa dạng trong dân số và nguồn nhân lực dồi dào trong cộng đồng của họ, do đó không thể giải phóng tiềm năng của con người để tìm ra giải pháp cho các thách thức.

Hiến chương đề xuất chuyển giao quyền lực từ chính phủ sang các hội đồng nhân dân, vì trong hầu hết các trường hợp, người dân không muốn có đói nghèo trong cuộc sống của chính họ, hoặc trong cuộc sống của người khác. Người dân cũng không muốn có chiến tranh trong cuộc sống của chính họ, hoặc trong cuộc sống của người khác. Công việc này đang tiếp tục và ngày càng có ảnh hưởng. Hãy xem trang web này để tìm hiểu thêm: Hiến chương Nhân dân vì một Thế giới Sinh thái - Xã hội (IFSW,2022).

Đây là một ví dụ khác về nghề công tác xã hội đang hoạt động ở cấp độ quốc tế. Giống như những diễn biến sau Thế chiến thứ hai dẫn đến sự phát triển của các quốc gia phúc lợi và Liên hợp quốc, những người làm công tác xã hội trong thời đại này đã khởi xướng và đang nuôi dưỡng sự thay đổi toàn cầu.

Kết luận

Trong chương này, chúng ta đã xem xét sơ qua lịch sử của công tác xã hội quốc tế, Định nghĩa hiện tại về Công tác xã hội và các nguyên tắc đạo đức. Chúng ta đã thấy sự nhất quán của các giá trị từ đầu năm 1928 cho đến nay đã làm nổi bật vai trò của chúng ta như những người tạo điều kiện thuận lợi và là đồng nghiệp trong quá trình thay đổi xã hội.

Ngoài ra, chúng ta đã thấy rằng nghề này đang phát triển và mở rộng khi ngày càng có nhiều nhân viên xã hội từ các nơi khác nhau trên thế giới đóng góp để giúp giải quyết các cuộc khủng hoảng toàn cầu, và vì các vấn đề thế giới đang thay đổi nhanh chóng, đáng chú ý nhất là khí hậu và phản ứng địa chính trị đối với vấn đề này, nên các nhân viên xã hội có nhiều đóng góp hơn nữa.

Trở thành một nhân viên xã hội là một quá trình suốt đời và chúng ta luôn liên tục học hỏi – đây là một trong những khía cạnh tuyệt vời của việc trở thành một nhân viên xã hội – không bao giờ nhàm chán. Không có hai gia đình nào giống nhau và do đó công tác xã hội không bao giờ có thể theo công thức và chỉ áp dụng một giải pháp cho các bối cảnh khác nhau. Do đó, các mô tả và nguyên tắc được liệt kê ở trên cố ý không quy định những gì bạn nên làm với tư cách là một nhân viên xã hội. Hơn nữa, chúng hoạt động như những 'ngôi sao' dẫn đường để giúp bạn tìm ra phương hướng trong công việc của

mình. Theo nghĩa bóng, chòm sao này có thể được nhìn thấy ở mọi nơi trên thế giới vì chúng đã được hơn 150 hiệp hội công tác xã hội quốc gia cùng xây dựng và chứng thực. Hy vọng bạn thấy chúng hữu ích trong công việc của mình.

Đọc thêm

Cox, D. & Pawar, M. (2006). Công tác xã hội quốc tế: Các vấn đề, chiến lược và chương trình. Thousand Oaks, CA: Sage. Giới thiệu một phương pháp tiếp cận quan điểm tích hợp, được định nghĩa là phương pháp kết hợp toàn cầu hóa, nhân quyền và các lý thuyết phát triển sinh thái và xã hội. Sau đó, nó khám phá công tác xã hội quốc tế với sự chú ý đặc biệt đến đói nghèo, xung đột và tái thiết hậu xung đột, cũng như di dời và di cư cưỡng bức. Các ví dụ điển hình nâng cao sự trọng tâm thực hành.

Healy, L. (2008). 'Công tác xã hội quốc tế'. Trong Bách khoa toàn thư về công tác xã hội, ấn bản lần thứ 20, Tập 2. Biên tập bởi Terry Mizrahi và Larry E. Davis, trang 482–488. New York: Oxford Univ. Press và Hiệp hội Công tác xã hội Quốc gia. Tổng quan ngắn gọn (2.500 từ) tập trung vào sự phát triển của các định nghĩa về công tác xã hội quốc tế và các vai trò hiện tại của công tác xã hội trong trường quốc tế. Danh sách tài liệu tham khảo đưa ra các gợi ý để đọc thêm. Hữu ích như một phần giới thiệu về chủ đề này.

Healy, L. (2008). Công tác xã hội quốc tế: Hành động chuyên nghiệp trong thế giới phụ thuộc lẫn nhau. Ấn bản lần thứ 2. New York: Oxford Univ. Press. Cung cấp phần giới thiệu toàn diện về công tác xã hội quốc tế. Trong các chủ đề chính về toàn cầu hóa và hành động chuyên nghiệp, tác giả đề cập đến các lý thuyết làm nền tảng cho công tác xã hội quốc tế, lịch sử và thực tế hiện tại của nghề toàn cầu, đạo đức toàn cầu, chính sách toàn cầu và thông lệ quốc tế.

Lyons, K. (1999). Công tác xã hội quốc tế: Chủ đề và quan điểm. Aldershot, Anh quốc : Ashgate. Đây là văn bản đầu tiên được biết đến nhiều về công tác xã hội quốc tế. Văn bản này định nghĩa lĩnh vực này và sau đó đề cập đến một số chủ đề như ví dụ về công tác xã hội quốc tế.

Lyons, K., Manion, K. & Carlsen, M. (2006). Quan điểm quốc tế về công tác xã hội: Điều kiện toàn cầu và thực hành tại địa phương. Basingstoke, Vương quốc Anh: Palgrave Macmillan.

Các tác giả bắt đầu bằng cách trình bày hợp lý và súc tích về sự liên quan của toàn cầu hóa với thực hành công tác xã hội. Họ giới thiệu khái niệm một cách rõ ràng như một mối quan

tâm xã hội phổ quát và áp dụng khái niệm này trong các chương sau để thực hành trong các tình huống xung đột, di cư, bóc lột trẻ em và đại dịch toàn cầu.

Ramanathan, C. & Link, R. (1999). Tất cả tương lai của chúng ta: Các nguyên tắc và nguồn lực cho thực hành công tác xã hội trong kỷ nguyên toàn cầu. Belmont, CA: Wadsworth.

Một văn bản toàn diện với một số chương đặc biệt sâu sắc. Các chương về giáo dục thực địa và chương về đạo đức được khuyến nghị trong các phần về Giáo dục công tác xã hội quốc tế: Chương trình giảng dạy và Thực địa, và Giá trị và Đạo đức.

Bài tập giảng dạy

(1) Lịch sử công tác xã hội:

Mục đích của bài tập này là phản ánh về lịch sử công tác xã hội trong bối cảnh của riêng một người và thiết lập mối liên hệ với chiều hướng quốc tế của công tác xã hội.

- Thảo luận các câu hỏi sau:

- o Bạn biết gì về lịch sử công tác xã hội ở quốc gia của bạn?

- o Sự phát triển của công tác xã hội ở quốc gia của bạn liên quan đến sự phát triển quốc tế của công tác xã hội ở mức độ nào?

Bài học kinh nghiệm: Việc biết về lịch sử công tác xã hội ở quốc gia của bạn là rất hữu ích. Kiến thức và sự phản ánh này có thể hữu ích như một điểm khởi đầu. Chúng tôi khuyến bạn nên đưa kiến thức này vào bối cảnh và phản ánh về nó theo quan điểm hậu thuộc địa.

(2) Sự liên quan của công tác xã hội toàn cầu đối với hoạt động của tôi:

Mục đích của bài tập này là xác định và phản ánh về sự liên quan của chiều kích toàn cầu của công tác xã hội trong hoạt động của riêng tôi.

- Thảo luận các câu hỏi sau:

- o Định nghĩa quốc tế về Công tác xã hội có liên quan đến công việc của riêng tôi ở mức độ nào?

- o Những nguyên tắc nào có liên quan đến công việc của tôi?

o Tôi thấy có những thách thức nào khi áp dụng chúng?

Bài học kinh nghiệm: Việc phản ánh và thảo luận về sự liên quan của định nghĩa toàn cầu và các nguyên tắc đạo đức đối với hoạt động của riêng mình sẽ rất hữu ích.

Chương 2

Sự vương mắc toàn cầu: Giới thiệu về các lý thuyết hậu thực dân và sự liên quan của chúng đối với công tác xã hội

Eveline Amman Dula

Tổng quan

Chương này chứng minh tính liên quan của các lý thuyết hậu thực dân đối với những người làm công tác xã hội để vượt qua quan điểm phương Tây về công tác xã hội và xem xét bối cảnh lịch sử, xã hội và chính trị cũng như sự phụ thuộc lẫn nhau để có thể phân tích các mối quan hệ quyền lực quốc tế và tính liên quan của chúng đối với công tác xã hội. Một câu hỏi chính được xem xét ở đây là: "Những ý tưởng chính của các lý thuyết hậu thực dân là gì và tại sao chúng lại liên quan đến công tác xã hội trong bối cảnh quốc tế?"

Hai ý tưởng chỉ đạo chính yếu, lịch sử của sự vương mắc và cái gọi là 'khác biệt hóa', được sử dụng để giải thích ý nghĩa của các lý thuyết hậu thực dân. Từ đó theo sau nhu cầu phi thực dân hóa kiến thức, hiện cũng được tranh luận trong công tác xã hội dưới từ khóa bản địa hóa. Cuộc tranh luận quốc tế này cũng liên quan đến công tác xã hội ở Thụy Sĩ để phản ánh các cấu trúc thống trị và quyền lực trong lịch sử và hiện tại, thường cũng được định hình bởi tư duy thực dân.

Mục tiêu học tập

- Xác định và vượt qua quan điểm phương Tây về công tác xã hội.
- Phân tích sự liên quan và tác động của chủ nghĩa thực dân đối với công tác xã hội ngày nay.
- Phản ánh các mối quan hệ quyền lực quốc tế và sự liên quan của chúng đối với công tác xã hội.
- Xác định mối quan hệ quyền lực trong công tác xã hội trong các bối cảnh khác nhau.

Các lý thuyết hậu thực dân – các khái niệm về ‘khác biệt hóa’ và ‘lịch sử rối rắm’⁵

Các lý thuyết hậu thực dân bao gồm một phổ rộng các phương pháp tiếp cận lý thuyết. Là một đặc điểm chung, các phương pháp tiếp cận này liên quan đến việc xem xét các mối quan hệ quyền lực trong quá khứ và đương đại có liên quan đến các tác động của chủ nghĩa thực dân châu Âu. Hai ý tưởng chỉ đạo về sự khác biệt hóa và lịch sử của sự rối rắm giúp có thể định vị các diễn biến cục bộ của công tác xã hội trong bối cảnh toàn cầu và cho thấy sự liên quan của quá khứ thuộc địa để phản ánh các quá trình thực hiện quyền lực hiện tại trong công tác xã hội.

Quan điểm hậu thực dân đòi hỏi phải đặt câu hỏi về sự tham gia của công tác xã hội vào các hoạt động thực dân và khám phá cũng như thừa nhận sự đa dạng của sự phát triển về phương pháp luận và lý thuyết trong công tác xã hội ở phía Nam (bán cầu – ND), vì điều này từ lâu đã bị che khuất bởi sự thống trị của các phương pháp tiếp cận của phương Tây. Hiểu được lịch sử đan xen này cho phép chúng ta hiểu được sự thống trị của các lý thuyết phương Tây trong bối cảnh thực dân hóa/phi thực dân hóa và theo dõi những tác động của nó cho đến ngày nay.

Mọi hình thức thực dân hóa đều liên quan đến quan hệ thống trị, thường được thực thi bằng vũ lực và quân sự (Castro Varela & Dhawan, 2005). Do đó, vào năm 1930, các cường quốc thực dân châu Âu sở hữu 84% đất đai trên thế giới (Fieldhouse, 1989, trong Tamburro, 2013). Quá trình thực dân hóa vật chất này đã được hợp pháp hóa là một 'sứ mệnh khai hóa' (Castro Varela & Dhawan, 2005). Điều này đã làm nảy sinh khái niệm về 'châu Âu văn minh' và 'những nơi khác' thấp kém hơn. Các lý thuyết hậu thực dân chỉ ra sự tồn tại dai dẳng của các mô hình nhận thức và tư duy thuộc địa, cũng như các quá trình thực dân hóa mới. Điều này được phản ánh trong ý tưởng về sự vượt trội của phương Tây như là tiền thân của sự phát triển toàn cầu và niềm tin rằng phương Tây đã đạt đến cấp độ này thông qua những nỗ lực của chính mình - chứ không phải thông qua việc khai thác các thuộc địa.

Tiền tố 'hậu' không chỉ đơn thuần ám chỉ giai đoạn sau thời kỳ thực dân hóa, mà là hoạt động liên tục của các cấu trúc thực dân dưới những hình thức mới (Purtschert, et al., 2012). Trước hết, chúng mang tính chất vật chất và thể hiện bản thân chúng trong sự phân bổ quyền lực và tài nguyên bất công trên toàn cầu. Điều này cũng có thể được

⁵ Đây là bản tóm tắt bài viết gốc, xuất bản bằng tiếng Đức: Ammann Dula, Eveline; Dhananka, Eveline; Dhananka, Swetha Rao (2023). Quan điểm hậu thuộc địa về và đối với công tác xã hội ở Thụy Sĩ Trong: Piñeiro, Esteban; Kurt, Stefanie; Mey, Eva (ed.) Chính sách công tác xã hội và hội nhập ở Thụy Sĩ: Chuyên nghiệp Các quyết định về vị trí Công tác xã hội tập trung: Tập 1 (trang 125-136). Zürich: Seismo Verlag.

thấy, ví dụ, trong việc áp dụng các nguyên tắc pháp lý của phương Tây nhằm mục đích khai thác và tiếp biến văn hóa của 'người bản địa'. Loại thứ hai bao gồm sự tồn tại dai dẳng của ý tưởng về sự vượt trội của 'người da trắng', vốn đã được tiếp thu ở cả cấp độ chính trị cũng như cá nhân. Các nhà lý thuyết hậu thực dân đặt ra những câu hỏi tự phê bình về các hình thức thống trị nội bộ và các quá trình thực dân hóa còn sót lại ở các quốc gia hoặc xã hội tương ứng (Schirilla, 2021). Áp dụng các lý thuyết hậu thực dân có nghĩa là xác định những di sản này và theo đuổi câu hỏi về những bất công và biểu hiện xã hội nào từ thời kỳ thực dân vẫn còn tái hiện cho đến ngày nay.

Các giả định cơ bản của chủ nghĩa Âu châu do đó bị thách thức và các động cơ và giá trị bị đặt câu hỏi, được áp dụng một cách thiếu suy nghĩ vào các thực hành xã hội khác nhau trong diễn ngôn chính thống (Dittfeld, 2020). Bất chấp những điểm chung này, các lý thuyết hậu thực dân bao gồm các phương pháp tiếp cận và ngành học khác nhau (Castro Varela & Dhawan, 2005) và do đó được sử dụng ở đây ở số nhiều. Chương này tập trung vào hai ý tưởng chỉ đạo.

Ý tưởng chỉ đạo đầu tiên về sự khác biệt cho phép phân tích sự cấu thành lẫn nhau của các biểu hiện về bản thân và người khác trong bối cảnh bất bình đẳng về mặt cấu trúc (so sánh với Mohanty, 1984; Said, et al., 1978). Tiền đề của chủ nghĩa thực dân dựa trên sự đối lập giữa 'Chúng ta' và 'Những người khác'. 'Chúng ta' thống trị được coi là văn minh, có học thức, tiên tiến về công nghệ và được khai sáng về mặt tâm linh. Ngược lại, 'Những người khác' là những người không văn minh, không có học thức và cần được giải cứu. Để hợp pháp hóa về mặt đạo đức các hành vi bạo lực trong quá trình thực dân hóa, người dân bản địa đã bị phủ nhận nhân tính và bị dán nhãn là 'những người khác' (Castro Varela & Dhawan, 2005). Các biểu hiện về bản thân và người khác liên quan đến các mối quan hệ quyền lực, sự bóc lột và hệ thống phân cấp, được ổn định thông qua các biểu hiện văn hóa, diễn ngôn và kiểm soát chính trị. Tuy nhiên, các chòm sao quyền lực thực dân này cũng có thể thay đổi, ví dụ thông qua việc phát triển các khái niệm hành động trao quyền (Bhabha, 2004).

Ý tưởng chỉ đạo thứ hai, lịch sử đan xen, kêu gọi suy nghĩ lại về lịch sử phương Tây trong bối cảnh chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc và mở ra quan điểm về sự đan xen đa dạng thông qua lịch sử chung, để đúc lại về mặt khái niệm mối quan hệ trong quá khứ và hiện tại giữa các xã hội phương Tây và phi phương Tây (Randeria, 2015). Ví dụ, chính sách 'lao động khách' của Thụy Sĩ (còn gọi là Saisonniers), nhằm mục đích cung cấp lao động nước ngoài tạm thời và cố tình loại trừ sự hội nhập của những người nhập cư, đã

đan xen chặt chẽ với các lợi ích kinh tế và chính trị của các quốc gia xuất xứ (Ammann Dula, 2019). Randeria nói về 'lịch sử đan xen' vì các diễn biến lịch sử phụ thuộc lẫn nhau. Các lý thuyết hậu thuộc địa coi trọng thách thức của sử học xuyên quốc gia và xem xét chủ nghĩa đế quốc như một hiện tượng tổng thể (Jain, 2018). Tuy nhiên, việc xem xét lịch sử đan xen không có nghĩa là các quốc gia dân tộc mất đi tầm quan trọng của chúng. Mặc dù các quốc gia dân tộc bắt nguồn từ các quá trình xây dựng, chúng dựa trên các 'cộng đồng tưởng tượng' cực kỳ mạnh mẽ (Anderson, 2006) và các hoạt động do quốc gia dân tộc quyết định và kiểm soát như quy định biên giới, thủ tục nhập cảnh và trục xuất, hoặc thủ tục chính thức gắn liền với các tiêu chí phân biệt quốc gia dân tộc (Purtschert, et al., 2012).

Do đó, các lý thuyết hậu thực dân đòi hỏi phải xem xét các cấu trúc quyền lực trong quá khứ cũng như hiện tại dựa trên tư duy thực dân, và cũng có liên quan đến các quốc gia như Thụy Sĩ, vì quốc gia này đã tham gia vào chủ nghĩa thực dân, ngay cả khi không có thuộc địa của riêng mình.

Công tác xã hội và quá khứ thuộc địa ở Châu Phi

“Tôi lớn lên cùng Ubuntu, nhưng trong quá trình đào tạo công tác xã hội của mình, trọng tâm là các mô hình cá nhân hóa của phương Tây, vì vậy, việc thực hành Ubuntu của tôi với tư cách là một nhân viên xã hội là bí mật, và tôi nghĩ rằng không có lợi cho nghề nghiệp”. Đây là một bình luận điển hình được đưa ra bởi các nhân viên xã hội trên khắp khu vực Châu Phi, phản ánh kinh nghiệm của quá trình thuộc địa hóa và tâm lý viện trợ gần đây hơn từ các quốc gia giàu có đã xuất khẩu các phương pháp làm việc cá nhân không phù hợp với các nền văn hóa khác. (Mayaka & Truell, 2021).

Suy ngẫm: Các lý thuyết và phương pháp công tác xã hội mà bạn biết đến từ đâu? Bạn biết gì về lịch sử công tác xã hội ở quốc gia của bạn? Bạn có thể liên hệ gì với quá khứ thuộc địa?

Sự phát triển của 'công tác xã hội hiện đại' đã bị vướng vào quá trình thực dân hóa trên lục địa Châu Phi, liên quan đến sự xuất hiện của kế hoạch xã hội thuộc địa (xem Spitzer, 2011). Đối với chính quyền thuộc địa tương ứng, việc thực hiện công tác xã hội được thúc đẩy bởi lợi ích kinh tế của riêng họ và việc mua sắm (và bảo tồn) lao động. Tuy nhiên, việc thực hiện các hệ thống phúc lợi của châu Âu tại các vùng lãnh thổ thuộc địa đã được biện minh bằng 'những thành tựu của nền văn minh'. Các nhà truyền giáo Cơ đốc đã đóng một vai trò quan trọng trong quá trình này, đặt nền móng cho việc giới

thiệt các hệ thống giáo dục, y tế và xã hội theo định hướng phương Tây (Spitzer, 2011). Điều này bao gồm, ví dụ, việc thành lập các trường học, trung tâm đào tạo và bệnh viện (Mwansa & Kreitzer, 2012).

Mối liên hệ giữa việc đưa các dịch vụ xã hội vào và lợi ích của thực dân ở Châu Phi và mối liên hệ chặt chẽ với các diễn biến của Châu Âu có thể được thấy ở Ghana chẳng hạn. Bộ Dịch vụ Xã hội được thành lập năm 1946 để hòa nhập những cựu chiến binh Thế chiến II đã sống ở nước ngoài trong thời gian dài vào xã hội (ibid.). Các tổ chức tương tự cũng được thành lập ở Botswana dành cho cựu chiến binh. Ở Zambia, việc đưa phúc lợi xã hội vào có liên quan chặt chẽ đến lợi ích kinh tế của các cường quốc thực dân: các dịch vụ xã hội được đưa ra với mục đích thúc đẩy sự phát triển trong ngành công nghiệp sản xuất đồng và bảo vệ phúc lợi của người lao động trong ngành công nghiệp đang phát triển này. Ở Nam Phi, công tác xã hội được sử dụng như một phương tiện để kiểm soát dân số Châu Phi, những người được coi là kẻ thù tiềm tàng của nhà nước. Ngược lại, các dịch vụ xã hội được dành riêng cho dân số 'da trắng' để đảm bảo sự thoải mái và cải thiện chất lượng cuộc sống của họ. Nhìn chung, có thể nói rằng trước thời điểm giành được độc lập, công tác xã hội, được các cường quốc thực dân đưa vào, đóng vai trò là một phương tiện khai thác kinh tế cũng như kiểm soát xã hội (ibid.).⁶

Phong trào giành độc lập của Châu Phi vào những năm 1960 được tiếp nối bằng việc thành lập nhiều cơ sở giáo dục, do Liên hợp quốc tài trợ. Tuy nhiên, độc lập không phải lúc nào cũng dẫn đến sự phá vỡ hệ thống giáo dục và kiến thức thuộc địa. Do đó, chương trình giảng dạy của phương Tây đã được áp dụng tại các trung tâm đào tạo công tác xã hội. Điều này được chứng minh là do hình thức công tác xã hội này cũng phù hợp với bối cảnh của Châu Phi (Mwansa & Kreitzer, 2012). Tuy nhiên, điều này cũng nhằm mục đích Tây hóa công tác xã hội ở Châu Phi, với niềm tin rằng kiến thức phương Tây vượt trội hơn các hình thức kiến thức của Châu Phi, vốn bị coi là 'thô sơ' (ibid.). Điều này dẫn đến việc đào tạo giảng viên Châu Phi tại Châu Âu và Bắc Mỹ và giảng dạy các lý thuyết và phương pháp công tác xã hội của phương Tây.

Quá trình này cũng được gọi là “chủ nghĩa đế quốc chuyên nghiệp” (Midgley 1981) và được duy trì cho đến những năm 2000. Điều này cũng có thể được thấy, ví dụ, trong các cuộc trao đổi và đào tạo của Hiệp hội các trường công tác xã hội ở Châu Phi (ASWEA), nơi chỉ tiếp nhận các lý thuyết và phương pháp phương Tây (Mwansa & Kreitzer, 2012). Các tổ chức đoàn kết địa phương ở Châu Phi, thường dựa trên mạng lưới gia đình và họ

⁶ Bài viết gốc đã được xuất bản bằng tiếng Đức tại đây: Quan điểm hậu thuộc địa về và đối với công tác xã hội ở Thụy Sĩ (hes-so.ch).

hàng, đã bị phi chính thức hóa và trở nên vô hình và không được công nhận. Tuy nhiên, những thông tin thoáng qua từ các khóa đào tạo này cho thấy những người tham gia hội thảo đã chỉ trích công tác xã hội theo phong cách phương Tây này và vận động hành lang mạnh mẽ để phát triển chương trình giảng dạy lấy người Phi làm trung tâm trong công tác xã hội, điều này chưa bao giờ thành hiện thực (ibid.). Bất chấp sự chỉ trích này, vốn đã rõ ràng từ những năm 1980, ảnh hưởng của phương Tây vẫn tiếp tục cho đến ngày nay trong các cơ sở đào tạo công tác xã hội ở Châu Phi và dẫn đến việc giảng dạy “các bằng cấp không phù hợp và xa lạ về mặt văn hóa” (Spitzer, 2011, tr.1312).

Nghiên cứu tình huống: ‘New Zealand’

Ở các quốc gia từng là thuộc địa hoặc hiện đang là thuộc địa, các nhân viên xã hội bản địa nhận ra rằng các phương pháp tiếp cận công tác xã hội của phương Tây tiếp tục di sản thuộc địa và trên thực tế hành động để phá hủy nền văn hóa bản địa với những tác động tàn phá đối với người dân của họ. Ở nhiều quốc gia này, các nhân viên xã hội bản địa đã phát triển các ứng dụng khác nhau của công tác xã hội chuyên nghiệp dựa trên kiến thức văn hóa của họ và hành động để hỗ trợ các khuôn khổ văn hóa của họ. Khi điều này có thể có hiệu lực, các phương pháp tiếp cận này đã có tác động tích cực đáng kể đến người dân bản địa, cộng đồng và xã hội. Ví dụ, trong những năm 1970 và 1980 ở Aotearoa-New Zealand, các nhân viên xã hội người Māori đã nêu bật tỷ lệ quá cao đáng kể trẻ em người Māori bị tách khỏi gia đình và sau đó bị đưa vào các cơ sở. Thực hành này dựa trên các ý tưởng thuộc địa về cách một gia đình nên được thành lập, hành động và ứng xử. Theo góc nhìn của thực dân, nếu đứa trẻ không phù hợp với mô hình gia đình Anh, thì chúng có nguy cơ bị đưa vào một cơ sở tập trung - xa rời tình yêu thương, sự chăm sóc và bảo vệ của gia đình họ hàng. Do đó, rất nhiều trẻ em lớn lên mà không có kiến thức liên thế hệ và mối liên hệ với nền văn hóa của chúng. Chúng cũng không được chấp nhận vào nền văn hóa thực dân vì nó vốn có tính phân biệt chủng tộc theo thể chế. Do đó, nhiều người bản địa của thời đại này đã bị xa lánh khỏi nền văn hóa của chính họ và nhập khẩu mặc dù họ sinh ra và sống trên chính quê hương của mình. Sống cuộc sống ngoài vòng pháp luật là kết quả tự nhiên đối với nhiều người trong hoàn cảnh này và một trong những hậu quả khủng khiếp là thế hệ này ở Aotearoa-New Zealand sau đó đã trở thành chủng tộc bị giam cầm nhiều nhất trên thế giới. Để giải quyết một phần tình trạng này, các nhân viên xã hội người Māori đã lãnh đạo việc phát triển luật pháp và nuôi dưỡng nó thông qua các quy trình của chính phủ cho đến khi nó trở thành luật. Đạo luật Trẻ em, Người trẻ và Gia đình năm 1989 đã dẫn đến việc thực hiện 'Quyết định Whanau' hoặc 'Hội nghị nhóm gia đình', nhằm mục đích kết hợp củng cố gia đình mở

rộng, theo các điều khoản văn hóa riêng của họ, và hỗ trợ họ nhận ra trách nhiệm của mình trong việc cung cấp sự chăm sóc tốt nhất cho con cái của họ. Các truyền thống văn hóa tiền thuộc địa đã được nhấn mạnh trong luật này, thúc đẩy trí tuệ, lòng tự hào, sự gắn bó và quyền công dân với tư cách là người bản địa. Thành công của cách tiếp cận này là rất đáng kể và mô hình đã được áp dụng ở một số quốc gia khác trên thế giới. Nó đã giúp phá vỡ nền văn hóa đau thương khi tách trẻ em khỏi gia đình và làm việc với các gia đình để khôi phục khả năng hỗ trợ lẫn nhau và cộng đồng hoặc bộ lạc của họ, với quan điểm rằng tất cả các thành viên đều phát triển mạnh.

Suy ngẫm: Các nhân viên xã hội ở Úc và Canada đã phản ứng như thế nào với các chính sách thực dân tàn bạo được áp dụng để đồng hóa trẻ em First Nation? Họ đã tuân thủ hay phản kháng?

Kết luận

Thế kỷ 21 được đặc trưng bởi mức độ phụ thuộc lẫn nhau toàn cầu chưa từng có, trong đó con người, cộng đồng và các thể chế của họ bị ảnh hưởng bởi các lực lượng xuyên quốc gia ở nhiều cấp độ. Từ biến đổi khí hậu đến khó khăn về chính trị và kinh tế, những thực tế này đòi hỏi phải có những phản ứng dựa trên nhận thức ngày càng tăng về sự vướng mắc của con người với nhau, trong bối cảnh tính di động gia tăng. Bất chấp nhận thức ngày càng tăng này về bối cảnh toàn cầu, câu hỏi đặt ra là quy trình phân cấp và quyền lực khu vực, quốc tế và toàn cầu nào có liên quan đến thực tế của địa phương.

Suy ngẫm: Những hiểu biết sâu sắc hoặc câu hỏi nào nảy sinh khi bạn nhìn vào công tác xã hội trong bối cảnh của mình theo góc nhìn hậu thực dân?

Việc sử dụng góc nhìn hậu thực dân cho phép các nhân viên xã hội hiểu được bối cảnh lịch sử, xã hội và chính trị cũng như sự phụ thuộc lẫn nhau của chúng trong khái niệm của họ về 'môi trường xã hội' (Kang, 2013). Điều quan trọng là phải hỏi xem thực tế cục bộ hiện tại, sự thiếu số hóa, phân biệt đối xử và quá trình loại trừ có liên quan như thế nào đến hệ thống phân cấp quyền lực và những điều này có liên quan như thế nào đến các diễn biến lịch sử.

Suy ngẫm: Công tác xã hội đan xen như thế nào trong các cấu trúc quyền lực này và nó đóng vai trò gì ngày nay?

Ví dụ, sinh viên công tác xã hội ở Thụy Sĩ thường kết hợp công tác xã hội quốc tế với việc triển khai các nhân viên xã hội Thụy Sĩ ra nước ngoài. Giúp đỡ 'người khác' là một động cơ trung tâm thường liên quan đến các ý tưởng về những người khác bị thiệt thòi và bất lợi, chịu ảnh hưởng của quan điểm thực dân, những người cần được giúp đỡ và giả định là 'chúng ta' biết cách giúp đỡ người khác. Các lý thuyết hậu thực dân có thể hữu ích ở đây trong việc giải cấu trúc và ngữ cảnh hóa các ý tưởng về 'người khác' và mong muốn 'giúp đỡ' của chính chúng ta và trong việc phân biệt giữa công tác tình nguyện không chuyên nghiệp hoặc viện trợ nhân đạo và công tác xã hội chuyên nghiệp trên cơ sở sự liên quan của các nguyên tắc địa phương hoặc dân tộc trong công tác xã hội. Việc xem xét kiến thức bản địa trong công tác xã hội có thể cũng bao gồm việc tính đến các hệ thống kiến thức và sự đoàn kết của và giữa, ví dụ, những người nhập cư và mở rộng sự hiểu biết về công tác xã hội chuyên nghiệp ở Thụy Sĩ.

Nó cũng liên quan đến việc đặt câu hỏi một cách phê phán về quan điểm của chính mình, sự tham gia cá nhân của mình vào các cấu trúc quyền lực và sự phản ánh các đặc quyền. Điều quan trọng là phải tìm kiếm những cách thức mà các nguyên tắc của công tác xã hội có thể được hiện thực hóa theo nghĩa trao quyền và học tập chung, bằng cách hình dung ra các can thiệp sáng tạo và trao quyền có thể được hỗ trợ bởi các hệ thống kiến thức bản địa hoặc có liên quan (Noyoo & Kleibl, 2019, trong Schirilla, 2021) và do đó đóng góp vào việc xây dựng một xã hội hòa nhập (Kang, 2013).

Đọc thêm & video

Dittfeld, T. (2020). 'Seeing White: Turning the post-colonial lens on social work in Australia'. *Social Work & Policy Studies: Social Justice, Practice and Theory*, 3(1), tr. 1-21.

Công tác xã hội là một nghề dựa trên các khái niệm, vấn đề và tính lịch sử của người Âu-Mỹ (da trắng) trong đó kiến thức và văn hóa bản địa bị gạt ra ngoài lề, và những tác động của chủ nghĩa thực dân bị che khuất đối với cả những người làm công tác xã hội bản địa và không phải bản địa. Để phi thực dân hóa công tác xã hội đòi hỏi phải có sự hiểu biết phê phán về sự phát triển của bản sắc và hệ tư tưởng công tác xã hội trong bối cảnh chủ nghĩa thực dân và hậu thực dân. Bài báo sau đó lập luận cho việc sử dụng lý thuyết hậu thực dân để chuyển trọng tâm từ những tác động của chủ nghĩa thực dân đối với người bản địa sang nguồn gốc thực dân và tính thực dân liên tục của nghề công tác xã hội, thực hành và chương trình giảng dạy trong phạm vi nước Úc. Mục đích của việc chuyển góc nhìn hậu thực dân sang công tác xã hội là xây dựng sự hiểu biết từ đó công tác xã hội có

thể hỗ trợ cuộc đấu tranh của người bản địa cho quyền tự quyết, phi thực dân hóa và công lý xã hội. [trực tuyến]. Có tại: Seeing White: Chuyển góc nhìn hậu thực dân sang công tác xã hội tại Úc | Công tác xã hội & Nghiên cứu chính sách: Công lý xã hội, Thực hành và Lý thuyết (sydney.edu.au).

Gray, M. (2013). Phi thực dân hóa công tác xã hội. New York: Routledge.

Dựa trên thành công của ‘Công tác xã hội bản địa trên toàn thế giới’, cuốn sách này cung cấp các nghiên cứu điển hình để tiếp tục học thuật về phi thực dân hóa. Phi thực dân hóa tìm cách làm suy yếu tác động của chủ nghĩa thực dân và tạo ra cơ hội để thúc đẩy các hoạt động truyền thống trong bối cảnh đương đại. Trong tập này, các học giả công tác xã hội bản địa và không phải bản địa xem xét các nền văn hóa, tín ngưỡng, giá trị và hoạt động địa phương như là trọng tâm của phi thực dân hóa. Được hỗ trợ bởi mối quan tâm ngày càng tăng đối với tâm linh và nhận thức sinh thái trong công tác xã hội quốc tế, họ tìm hiểu cận kề các xu hướng, vấn đề và cuộc tranh luận trong lý thuyết công tác xã hội bản địa, phương pháp thực hành và mô hình giáo dục bao gồm một phần về các phương pháp nghiên cứu bản địa. Sự đa dạng về quan điểm, phương pháp phi thực dân hóa và cuộc đấu tranh chung để cung cấp các can thiệp công tác xã hội chuyên nghiệp hiệu quả được phản ánh trong bản chất quốc tế của chủ đề và trong sự kết hợp của những người đóng góp viết từ bối cảnh của họ ở các quốc gia và nền văn hóa khác nhau, bao gồm Úc, Canada, Cuba, Nhật Bản, Jordan, Mexico, New Zealand, Nam Phi và Hoa Kỳ. [trực tuyến]. Có tại: Công tác xã hội phi thực dân hóa | Mel Gray, John Coates, Michael Yellow Bird, (taylorfrancis.com)

Gray, M.; Coates, J. & Yellow Bird, M. (Biên tập viên). (2009). Công tác xã hội bản địa trên toàn thế giới: Hướng tới giáo dục và thực hành có liên quan đến văn hóa. London: Routledge.

Cuốn sách này đề cập đến các chủ đề như mô hình thực hành cụ thể về văn hóa, giáo dục và đào tạo, và phát triển chính sách trong công tác xã hội bản địa. Cuốn sách bao gồm các đóng góp từ những người thực hành công tác xã hội bản địa và học giả từ nhiều quốc gia khác nhau, cung cấp những hiểu biết sâu sắc về những thách thức và cơ hội độc đáo mà các cộng đồng bản địa phải đối mặt trong các bối cảnh khác nhau. Cuốn sách này nhằm mục đích thúc đẩy hoạt động công tác xã hội phù hợp và có liên quan đến văn hóa dựa trên kiến thức và giá trị của người bản địa.

Kang, H.-K. (2014). 'Yêu cầu quyền công dân văn hóa của người nhập cư: áp dụng các lý thuyết hậu thực dân vào hoạt động công tác xã hội với người nhập cư'. *Critical and Radical Social Work*, 1(2), tr. 233-245.

Bài báo này trình bày quyền công dân văn hóa của người nhập cư như một khung khái niệm để áp dụng các lý thuyết hậu thực dân vào hoạt động công tác xã hội với người nhập cư, sử dụng một nghiên cứu tình huống dựa trên hoạt động của tác giả với tư cách là một nhân viên xã hội tại một cơ quan dịch vụ xã hội cộng đồng tại Hoa Kỳ. Các lý thuyết hậu thực dân có thể giúp nhân viên xã hội phê phán các diễn ngôn thiểu số thường hạ thấp trải nghiệm của người nhập cư thành quá trình tiếp biến văn hóa, phản ánh một cách phê phán về vai trò của họ trong việc tái tạo hoặc phản đối các cấu trúc như vậy và hình dung ra các biện pháp can thiệp sáng tạo và trao quyền. Trường hợp của bà Moon, một khách hàng lớn tuổi nhập cư gốc Á có triệu chứng trầm cảm, minh họa cho việc áp dụng khuôn khổ lý thuyết hậu thực dân vào hoạt động công tác xã hội đã tạo ra một đánh giá quan trọng và theo ngữ cảnh cũng như các biện pháp can thiệp đa cấp tạo ra tác động chuyển đổi đối với khách hàng và nhân viên xã hội. Bài báo kết thúc với những hàm ý đối với thực hành công tác xã hội hậu thuộc địa trong bối cảnh hiện tại của chính sách thắt lưng buộc bụng và các biện pháp hạn chế nhập cư. [trực tuyến]. Có tại: (PDF) Yêu cầu quyền công dân văn hóa của người nhập cư: áp dụng các lý thuyết hậu thuộc địa vào thực hành công tác xã hội với người nhập cư (researchgate.net)

Kleibl, T.; Lutz, R.; Noyoo, N.; Bunk, B.; Dittmann, A. & Seepamore, B. (Biên tập viên). (2019). *Sổ tay Routledge về Công tác xã hội hậu thuộc địa* (ấn bản lần thứ 1). New York: Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780429468728>.

Sổ tay này cung cấp cho người đọc nhiều phương pháp tiếp cận lý thuyết và kinh nghiệm thực nghiệm mới, đồng thời tạo ra một không gian hành động cho những cộng đồng thiểu số nhất trên toàn thế giới. Sổ tay phản ánh và phân tích những vấn đề đầy thách thức đang đối mặt với hoạt động thực hành công tác xã hội và giáo dục trên toàn cầu trong thời kỳ hậu thuộc địa. Bằng cách phân tích cách các quốc gia trong cái gọi là thế giới đang phát triển và phát triển đã điều hướng một số hệ thống được thừa hưởng từ thời kỳ thuộc địa, sổ tay cho thấy cách họ đã sử dụng chúng để cung cấp các phương pháp công tác xã hội có liên quan, đồng thời đáp ứng nhu cầu của bối cảnh hậu thuộc địa. Đây là một cuốn sổ tay phân tích và

phản biện tập hợp nhiều học giả khác nhau từ nhiều nơi trên thế giới – cả Bắc và Nam – để chất lọc những ý tưởng liên quan đến những cách thức có thể thúc đẩy công tác xã hội của miền Nam và phê bình công tác xã hội của Bắc trong chừng mực nó được sử dụng như một khuôn mẫu cho các phương pháp tiếp cận công tác xã hội trong bối cảnh hậu thuộc địa.

Mohanty, C.T. (1984). 'Dưới con mắt phương Tây: Học bổng nữ quyền và diễn ngôn thuộc địa'. *Boundary 2*, 12/13, tr. 333-358.

Trong bài luận này, Mohanty phê phán dự án chính trị của chủ nghĩa nữ quyền phương Tây và cấu trúc diễn ngôn của nó về phạm trù 'Phụ nữ thế giới thứ ba' như một khuôn mẫu chung chung, đồng nhất, bị nạn nhân hóa mà những người theo chủ nghĩa nữ quyền phương Tây phải cứu. Bài báo của bà là một tác phẩm quan trọng, nêu bật những khó khăn mà những người theo chủ nghĩa nữ quyền từ Thế giới thứ ba phải đối mặt khi được lắng nghe trong phong trào nữ quyền rộng lớn hơn.

Tamburro, A. (2013). 'Bao gồm Phi thực dân hóa trong Giáo dục và Thực hành Công tác xã hội'. *Tạp chí Phát triển Xã hội Bản địa*, 2(1), tr. 1-16.

Các nhà cung cấp dịch vụ xã hội phải hỗ trợ quá trình phục hồi của người dân bản địa khỏi những tác động của quá trình thực dân hóa. Do đó, các nhà giáo dục công tác xã hội phải giúp phi thực dân hóa nghề nghiệp của chúng ta. Người Mỹ bản địa Bắc Mỹ, người bản địa Alaska và người bản địa Hawaii đã trải qua quá trình thực dân hóa và tác động qua nhiều thế hệ của nó. Nếu không hiểu được những tác động của quá trình thực dân hóa, các nhân viên công tác xã hội, nhiều người trong số họ sẽ làm việc với khách hàng là người bản địa, sẽ không được chuẩn bị tốt để khuyến khích những thay đổi tích cực. Một mô tả về quá trình phi thực dân hóa thực hành và giáo dục công tác xã hội thông qua việc áp dụng lý thuyết và phương pháp tiếp cận hậu thực dân được đưa ra. Phương pháp tiếp cận này cũng có thể cung cấp thông tin cho công tác xã hội với người Mỹ gốc Phi và người bản địa gốc Tây Ban Nha, vì những nhóm này cũng bị ảnh hưởng tiêu cực bởi sự áp bức của quá trình thực dân hóa. Trọng tâm của cuộc thảo luận này là việc áp dụng các phương pháp tiếp cận hậu thực dân vào công tác xã hội. Sự phi thực dân hóa của hoạt động công tác xã hội, thông qua việc đưa thế giới quan của người bản địa vào chương trình giảng dạy công tác xã hội, bao gồm kiến thức, kỹ năng và giá trị, vốn cần thiết để cung cấp hiệu quả các dịch vụ xã hội, được

chứng minh thông qua các cải cách đối với các dịch vụ phúc lợi trẻ em của người bản địa. [trực tuyến]. Có tại: Bao gồm Phi thực dân hóa trong Giáo dục và Thực hành Công tác xã hội (hawaii.edu)

Video

Flynn, C. Giới thiệu về Lý thuyết Hậu thực dân, bao gồm các ý tưởng của Edward Said, Gayatri Spivak và Homi Bhabha. [trực tuyến]. Có tại: <https://www.youtube.com/watch?v=TG1HL8h8aMM>

Waggeh F. Phát triển Hậu thực dân Châu Phi tại TEDxGallatin:

Fatoumata Waggeh tốt nghiệp Trường Nghiên cứu Cá nhân hóa NYU Gallatin. Các nghiên cứu của cô tập trung vào cách các quá trình lịch sử và chủ nghĩa thực dân có cấu trúc rộng lớn và chủ nghĩa thực dân mới đã thể hiện trong tình trạng kém phát triển của Châu Phi và vị trí của nó ở vùng ngoại vi. [trực tuyến]. Có tại: <https://www.youtube.com/watch?v=s7Imz4UL4wE>

Bài tập giảng dạy

(1) Tổng quan về các lý thuyết hậu thực dân:

Mục đích của bài tập này là làm quen với các lý thuyết hậu thực dân và những hàm ý có liên quan nhất của chúng.

- Xem: <https://www.youtube.com/watch?v=TG1HL8h8aMM>
- Thảo luận các câu hỏi sau:
 - Những ý tưởng chính của các lý thuyết hậu thực dân là gì?
 - Sự liên quan của các nghiên cứu hậu thực dân đối với công tác xã hội trong bối cảnh quốc tế là gì?
 - Sự liên quan của các nghiên cứu hậu thực dân đối với công tác xã hội ở quốc gia của bạn và/hoặc đối với công việc của bạn là gì?

Bài học kinh nghiệm: Biết được những hàm ý chính của các lý thuyết hậu thực dân là rất hữu ích. Học cách xem xét nhiều quan điểm liên quan và thúc đẩy sinh viên đọc thêm về chúng sẽ rất hữu ích.

(2) Áp dụng quan điểm hậu thực dân:

Bài tập này nhằm mục đích hiểu rõ hơn và áp dụng khái niệm ‘khác biệt’ liên quan đến vị trí và công việc của riêng bạn với tư cách là một nhân viên xã hội. Những câu hỏi sau đây có thể được suy ngẫm riêng lẻ và sau đó trao đổi trong các nhóm nhỏ hoặc với một đồng nghiệp hoặc trong một nhóm.

- Xem: <https://www.youtube.com/watch?v=vF5M9Oeqbis>

- Thảo luận các câu hỏi sau:

- o Lý thuyết hậu thực dân giúp chúng ta làm gì?

- o Những tiền đề chính của lý thuyết hậu thực dân là gì?

- o ‘đối với người khác’ (người khác như một động từ) / ‘khác biệt’ có nghĩa là gì?

Hãy mô tả theo lời của riêng bạn.

- o ‘Những người khác’ trong công việc của bạn là ai? Làm thế nào chúng ta có thể vượt qua sự khác biệt?

- o ‘Chủ nghĩa thực dân nội tâm hóa’ là gì? Hãy mô tả theo lời của riêng bạn.

- o Những người mà bạn đang làm việc cùng quan tâm đến chủ nghĩa thực dân nội tâm hóa ở mức độ nào?

Bài học kinh nghiệm: ‘Khác biệt’ là một khái niệm rất hữu ích, dễ hiểu và có thể sử dụng như một công cụ phản ánh về những định kiến và hàm ý của chính nó trong quá trình hòa nhập và loại trừ. Tuy nhiên, những phản ánh này cũng có thể gây ra cảm giác bất lực và tội lỗi. Do đó, điều quan trọng là phải cùng nhau phản ánh về cách có thể vượt qua ‘khác biệt’.

(3) Chọn một quốc gia hậu thuộc địa và giải thích di sản thuộc địa, hay nói cách khác hiện tại của thuộc địa:

- Chọn một quốc gia hậu thuộc địa cụ thể (ví dụ: Ấn Độ)

- o Trình bày lịch sử phức tạp giữa quốc gia hậu thuộc địa và quốc gia mà bạn đang học hoặc giảng dạy. Nhìn chung, các mối quan hệ thương mại có liên kết chặt chẽ với nhau hoặc có thể xác định được các biểu hiện hiện tại của quyền lực mềm (tức là sự lan tỏa văn hóa). Thảo luận về cách lịch sử phức tạp này định hình quan điểm của họ về quốc gia hậu thuộc địa.

o Thảo luận về sự hội tụ của các phong trào giành độc lập ở các quốc gia hậu thuộc địa và việc thành lập các thể chế Bretton Woods sau Chiến tranh Lạnh, thiết lập nên một trật tự thế giới mới. Trong khi châu Âu được hỗ trợ bởi Kế hoạch Marshall do Hoa Kỳ lập ra và tài trợ, các quốc gia hậu thuộc địa đã bị bỏ mặc tự xoay xở sau nhiều thế kỷ bị các cường quốc thực dân bóc lột. Liên hệ trật tự thế giới đó với các con đường khác biệt liên tục của các quốc gia hậu thuộc địa và thuộc địa về mặt thứ hạng phát triển con người của họ (do UNDP xác định).

o Thảo luận về các di sản thực dân cụ thể, chẳng hạn như sự thích nghi của hệ thống chính trị, pháp lý và giáo dục của Anh tại Ấn Độ và các chuẩn mực văn hóa áp đặt lên văn hóa Ấn Độ.

o Dựa trên cuốn sách Chính trị của người cai trị của Partha Chatterjee, trình bày các mối quan hệ nhà nước-công dân cụ thể được hình thành ở các quốc gia hậu thuộc địa và cố gắng định vị công tác xã hội như bạn biết ở quốc gia bạn đang giảng dạy.

Bài học kinh nghiệm: Sinh viên công tác xã hội thường không quen thuộc lắm với các cấu trúc quyền lực quốc tế và tác động của chúng đối với sự phát triển của địa phương. Do đó, có thể cần phải giải thích và thảo luận về cơ chế và sự liên quan của các thể chế Bretton Woods. Tùy thuộc vào bối cảnh, các quan hệ quyền lực và thể chế quốc tế khác có thể quan trọng để xem xét.

Chương 3

Liên hợp quốc, Nhân quyền và tầm quan trọng của chúng đối với Công tác xã hội

Pascal Rudin

Tổng quan

Trong chương này, chúng ta sẽ xem xét Liên hợp quốc (LHQ) và tầm quan trọng của tổ chức này đối với công tác xã hội. Nghề công tác xã hội có lịch sử lâu đời trong việc tham gia và tác động đến công tác của Liên hợp quốc và các cơ quan liên kết, gần như ngay từ khi thành lập tổ chức (Mama, 2015), nhưng LHQ cũng rất quan trọng đối với sự phát triển của công tác xã hội chuyên nghiệp (Healy, 2008).

Lịch sử này không chỉ bao gồm công tác xã hội với tư cách là các tổ chức phi chính phủ được công nhận như ba tổ chức công tác xã hội hàng đầu có tư cách cố vấn – Hiệp hội quốc tế các trường Công tác xã hội (IASSW nhận được tư cách cố vấn vào năm 1947), Liên đoàn quốc tế Nhân viên xã hội (IFSW nhận được tư cách cố vấn vào năm 1959) và Hội đồng quốc tế về Phúc lợi xã hội (ICSW nhận được tư cách cố vấn vào năm 1972), mà còn về từng cá nhân công tác xã hội là những người tiên phong trong lĩnh vực công tác quốc tế (ibid.). Trọng tâm của chúng tôi là các văn kiện quan trọng của LHQ như các hiệp ước về quyền con người và sự phụ thuộc lẫn nhau cũng như ý nghĩa của chúng đối với công tác xã hội. Sau đó, chúng tôi sẽ xem xét sơ lược về sự đại diện của công tác xã hội tại Liên Hợp Quốc và vai trò của công tác xã hội.

Suy ngẫm: Bạn biết gì về Liên hợp quốc và tầm quan trọng của nó đối với công tác xã hội? Liên hợp quốc hoặc các công cụ của nó có thể liên quan đến hoạt động công tác xã hội của bạn ở mức độ nào?

Mục tiêu học tập

- Xem xét sự liên quan của Liên hợp quốc đối với công tác xã hội.
- Biết các cơ quan chính của Liên hợp quốc và ý nghĩa của chúng đối với công tác xã hội.
- Nhận thức được các văn bản chính của Liên hợp quốc liên quan đến quyền con người.
- Hiểu được cách thức công tác xã hội tham gia với Liên hợp quốc.

Liên hợp quốc

Liên hợp quốc (LHQ) là một tổ chức chính phủ quốc tế được thành lập vào năm 1945 sau Chiến tranh thế giới thứ hai nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế và ngăn ngừa các cuộc xung đột trong tương lai. Mặc dù có trụ sở chính tại New York, LHQ vẫn duy trì sự hiện diện đáng kể tại Addis Ababa, Bangkok, Beirut, Geneva, Nairobi, Santiago và Vienna và có văn phòng trên toàn cầu. Với 193 quốc gia thành viên, LHQ là diễn đàn để các quốc gia cùng nhau thảo luận các vấn đề quan tâm toàn cầu. LHQ đóng vai trò là nền tảng để các quốc gia phối hợp chính sách của mình về nhiều vấn đề, bao gồm biến đổi khí hậu, giảm nghèo, nhân quyền, các vấn đề nhân đạo, luật pháp quốc tế, an ninh và phát triển kinh tế. Thông qua các cơ quan và chương trình khác nhau của mình, LHQ tạo ra không gian để các quốc gia cùng nhau làm việc hướng tới các mục tiêu chung, thúc đẩy sự hợp tác và thúc đẩy chủ nghĩa đa phương.

Liên hợp quốc có một số cơ quan chủ chốt, bao gồm Đại hội đồng, Hội đồng Bảo an, Hội đồng Kinh tế và Xã hội, Tòa án Công lý Quốc tế và Ban Thư ký. Mỗi cơ quan có nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể trong tổ chức. Công việc của Liên hợp quốc được hướng dẫn bởi các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc, bao gồm việc nêu bật sự tôn trọng nhân quyền, thúc đẩy tiến bộ xã hội và mức sống tốt hơn, và thúc đẩy giải quyết xung đột một cách hòa bình. Trong nhiều năm qua, Liên hợp quốc đã đóng vai trò chủ chốt trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu như đói nghèo, biến đổi khí hậu và xung đột vũ trang. Mặc dù phải đối mặt với những lời chỉ trích và thách thức, Liên hợp quốc vẫn là một trong những tổ chức quốc tế quan trọng nhất trong việc thúc đẩy hợp tác toàn cầu và giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Sự liên quan của Liên hợp quốc với công tác xã hội trong quá khứ và hiện tại

Liên hợp quốc là một bên đóng góp quan trọng vào việc phổ biến công tác xã hội chuyên nghiệp trên toàn thế giới khi đảm nhận trách nhiệm thành lập các trường đào tạo công tác xã hội tại một số quốc gia. Ủy ban Xã hội của Hội đồng Kinh tế và Xã hội khuyến khích chú ý đến việc đào tạo nhân viên xã hội và hỗ trợ kỹ thuật trong phúc lợi xã hội. Họ đã khởi xướng một loạt các nghiên cứu và ấn phẩm, chẳng hạn như Khảo sát đầu tiên của Liên hợp quốc về Giáo dục Công tác xã hội vào năm 1950 và yêu cầu vào năm 1959 về sự tham gia của nhân viên xã hội trong việc chuẩn bị và áp dụng các chương trình cho cái gọi là "các nước kém phát triển" (Healy & Hall, 2007). Nhiều quốc gia đã nhận được sự hỗ trợ trong việc thành lập đào tạo công tác xã hội và Liên hợp quốc cũng đã xuất bản Sổ tay dành cho các Trường Công tác xã hội và Nghề Công tác xã hội (1992

và 1994). Tuy nhiên, các khóa đào tạo công tác xã hội chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ quan niệm của phương Tây về công tác xã hội, không tính đến đầy đủ các hình thức đoàn kết và phúc lợi xã hội tại địa phương, và cũng bị chỉ trích là đại diện cho công tác xã hội đế quốc (Gray, 2005).

Suy ngẫm: Chương trình giáo dục công tác xã hội ở quốc gia của bạn chịu ảnh hưởng như thế nào bởi những diễn biến này?

Ngày nay, công tác xã hội tập trung vào việc cải thiện phúc lợi của cá nhân, gia đình và cộng đồng, đồng thời chia sẻ nhiều mục tiêu và giá trị của Liên hợp quốc. Một trong những lĩnh vực chòng chéo quan trọng nhất giữa Liên hợp quốc và công tác xã hội là thúc đẩy nhân quyền. Liên hợp quốc đã thiết lập một số cơ chế để thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, bao gồm Văn phòng Cao ủy Nhân quyền, Hội đồng Nhân quyền và Tòa án Hình sự Quốc tế. Thông qua các cơ chế này, Liên hợp quốc giám sát và báo cáo về các hành vi vi phạm nhân quyền, điều tra và truy tố những kẻ vi phạm nhân quyền, đồng thời hỗ trợ các nạn nhân của các hành vi vi phạm nhân quyền. Công tác nhân quyền của Liên hợp quốc đã giúp thúc đẩy sự tôn trọng lớn hơn đối với nhân phẩm con người và buộc các chính phủ phải chịu trách nhiệm về hành động của họ. Khi hợp lực, công tác xã hội từ lâu đã dựa trên các nguyên tắc về **công lý xã hội và nhân quyền**, được ghi nhận trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. Như đã lưu ý, Liên Hợp Quốc là tổ chức đi đầu trong việc thúc đẩy nhân quyền trên toàn cầu với nhiều sáng kiến khác nhau và hoạt động của tổ chức này về nhân quyền phù hợp với trọng tâm của công tác xã hội là thúc đẩy bình đẳng, công lý xã hội và tôn trọng nhân phẩm con người.

Một lĩnh vực khác mà Liên hợp quốc và công tác xã hội giao thoa là **thúc đẩy phát triển bền vững** và giải quyết các thách thức toàn cầu như đói nghèo, bất bình đẳng và biến đổi khí hậu. Liên hợp quốc đã thiết lập một số chương trình và sáng kiến để giải quyết những thách thức này, bao gồm các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG). Các Mục tiêu Phát triển Bền vững cung cấp một bản thiết kế cho các quốc gia để đạt được một thế giới bền vững và công bằng hơn vào năm 2030, thông qua các hành động như xóa đói giảm nghèo, cải thiện giáo dục và giảm phát thải các-bon. Chúng phù hợp chặt chẽ với trọng tâm của công tác xã hội là giải quyết bất bình đẳng xã hội và kinh tế và thúc đẩy phát triển bền vững (IFSW, 2021). Những người hành nghề công tác xã hội có thể đóng góp vào việc đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững bằng cách làm việc với cộng đồng để giải quyết đói nghèo, thúc đẩy giáo dục và bảo vệ môi trường như tài liệu chính sách của IFSW về SDGs đã nêu.

Ngoài ra, công tác của Liên hợp quốc về **hòa bình và an ninh** có liên quan mật thiết đến công tác xã hội. Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, cơ quan chính của Liên hợp quốc về duy trì hòa bình và an ninh, có thẩm quyền cho phép sử dụng vũ lực và triển khai các phái bộ gìn giữ hòa bình đến các khu vực xung đột. Các nhân viên xã hội thường được yêu cầu làm việc với các cá nhân và gia đình bị ảnh hưởng bởi xung đột và bạo lực. Các phái bộ này và các sáng kiến khác nhằm ngăn ngừa và giải quyết xung đột có thể giúp tạo ra các xã hội hòa bình và ổn định hơn, trong đó nhân viên xã hội đóng vai trò chủ chốt.

Cuối cùng, Liên hợp quốc đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp **viện trợ nhân đạo** cho những người bị ảnh hưởng bởi xung đột, thảm họa và các cuộc khủng hoảng khác. Thông qua các cơ quan khác nhau của mình, chẳng hạn như Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Chương trình Lương thực Thế giới (WFP) và Cao ủy Liên hợp quốc về Người tị nạn (UNHCR), Liên hợp quốc cung cấp hỗ trợ quan trọng cho những người có nhu cầu trên toàn thế giới. Hỗ trợ này bao gồm thực phẩm, nơi ở, chăm sóc sức khỏe và các dịch vụ thiết yếu khác, đồng thời giúp giảm bớt nỗi đau của hàng triệu người bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng. Nhân viên công tác xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp hỗ trợ nhân đạo bằng cách cung cấp hỗ trợ tâm lý xã hội, biện hộ vận động và các dịch vụ khác cho những người bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng và hỗ trợ họ có thể tự đưa ra quyết định. Tuy nhiên, gần đây hơn, nghề công tác xã hội đã nhấn mạnh rằng ứng phó với khủng hoảng phải vượt ra ngoài viện trợ nhân đạo. (xem, thí dụ, [social work's role in co-building dignified options with Ukrainian refugees](#)).

Suy ngẫm: Chủ đề nào sau đây có liên quan đến hoạt động thực hành công tác xã hội hoặc giáo dục công tác xã hội của bạn?

Thách thức và chỉ trích

Liên hợp quốc không hoàn hảo và phải đối mặt với nhiều thách thức và chỉ trích. Một số trong số đó bao gồm việc thiếu đại diện và dân chủ trong một số cơ quan (như Hội đồng Bảo an), không có khả năng thực thi các quyết định và nghị quyết của mình trong một số trường hợp (như xung đột Israel-Palestine), bộ máy quan liêu và kém hiệu quả trong một số hoạt động của mình (như gìn giữ hòa bình), sự phụ thuộc vào các khoản đóng góp tự nguyện từ các quốc gia thành viên (ảnh hưởng đến ngân sách và nguồn lực của mình), và dễ bị ảnh hưởng và thao túng chính trị từ các quốc gia hùng mạnh (ảnh hưởng đến tính công bằng và uy tín của mình). Bất chấp những hạn chế này, Liên hợp quốc vẫn là một thể chế quan trọng và không thể thiếu đối với sự quản trị và hợp tác toàn cầu trong thế kỷ 21.

Theo quan điểm công tác xã hội, Liên hợp quốc đã bị chỉ trích vì cách tiếp cận từ trên xuống đôi khi bị coi là không liên quan đến nhu cầu và thực tế của cộng đồng địa phương. [Hiến chương Nhân dân về Thế giới Sinh thái - Xã hội](#), đã được thảo luận trước đó trong Chương 1, nêu bật lời chỉ trích này bằng cách kêu gọi một cách tiếp cận mang tính tham gia và dân chủ hơn đối với việc ra quyết định. Công tác xã hội, là một nghề dựa trên các nguyên tắc công lý xã hội và nhân quyền, có cam kết mạnh mẽ trong việc làm việc với và vì các cộng đồng thiểu số và do đó, coi trọng việc đảm bảo rằng các cộng đồng này có tiếng nói trong việc định hình các chính sách và chương trình ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. Mặc dù Liên hợp quốc đã nỗ lực để thu hút xã hội dân sự và các tổ chức cấp cơ sở tham gia vào công việc của mình, nhưng cần phải làm nhiều hơn nữa để đảm bảo rằng những tiếng nói này được lắng nghe và rằng tổ chức thực sự phản ánh nhu cầu và nguyện vọng của những người mà mình phục vụ.

Suy nghĩ: Bạn biết những văn bản nào của Liên hợp quốc và có thể có liên quan đến hoạt động công tác xã hội của bạn?

Các văn kiện quan trọng của Liên hợp quốc: Nhân quyền

Nhân quyền là một phần cơ bản của sự tồn tại của con người, và chúng tạo thành nền tảng của một xã hội công bằng và bình đẳng. Nhân quyền là các quyền cơ bản và các quyền tự do được trao cho tất cả mọi người, bất kể chủng tộc, giới tính, tôn giáo, quốc tịch hay bất kỳ địa vị nào khác. Chúng mang tính phổ quát, không thể chia cắt, phụ thuộc lẫn nhau và không thể chuyển nhượng. Phần này sẽ thảo luận về khái niệm về nhân quyền, tầm quan trọng của nhân quyền và một số văn kiện nhân quyền chính đã được thiết lập để thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trên toàn thế giới.

Quyền con người thường được định nghĩa là các quyền và tự do cơ bản mà tất cả mọi người đều được hưởng nhờ vào nhân tính của họ. Những quyền này vốn có đối với tất cả mọi người và không thể bị tước đoạt hoặc phủ nhận bởi bất kỳ cá nhân hoặc chính phủ nào. Quyền con người bao gồm các quyền dân sự và chính trị, chẳng hạn như quyền tự do ngôn luận, quyền được xét xử công bằng và quyền tham gia vào chính phủ. Chúng cũng bao gồm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, chẳng hạn như quyền được giáo dục, quyền được chăm sóc sức khỏe và quyền được làm việc.

Tầm quan trọng của quyền con người nằm ở khả năng đảm bảo rằng tất cả các cá nhân đều được đối xử bình đẳng, có phẩm giá và được tôn trọng. Quyền con người bảo vệ các cá nhân khỏi sự phân biệt đối xử và đối xử tùy tiện, và chúng cung cấp một khuôn khổ

để các cá nhân có thể sống một cuộc sống tự do và trọn vẹn. Khi quyền con người được tôn trọng, các cá nhân có thể tham gia đầy đủ vào xã hội, tiếp cận giáo dục và chăm sóc sức khỏe, và theo đuổi các mục tiêu và nguyện vọng của riêng mình. Định nghĩa toàn cầu về Công tác xã hội đề cập đến quyền con người theo cách này như sau: “...*Các nguyên tắc về công lý xã hội, quyền con người, trách nhiệm tập thể và tôn trọng sự đa dạng là trọng tâm của công tác xã hội...*” (IFSW, 2014).

Có một số văn bản nhân quyền đã được tạo ra để bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền ở cấp độ quốc tế. Bao gồm các văn bản sau:

- Luật nhân quyền quốc tế ra đời cùng với việc thông qua Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền (UDHR) năm 1948, văn bản đầu tiên trong lịch sử nêu rõ các quyền cơ bản của con người. UDHR, cùng với Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị và hai Nghị định thư tùy chọn của nó, và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, tạo thành cái gọi là Bộ luật nhân quyền quốc tế (OHCHR).
- Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền: Đây là tuyên bố không ràng buộc được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1948. Tuyên ngôn này nêu ra các quyền và tự do cơ bản của con người vốn có đối với tất cả mọi cá nhân, chẳng hạn như quyền được sống, quyền tự do và an ninh của con người, quyền tự do tư tưởng, lương tâm và tôn giáo, và quyền được làm việc và giáo dục.
- Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị: Đây là một hiệp ước ràng buộc về mặt pháp lý được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1966. Công ước này nêu rõ các quyền dân sự và chính trị mà mọi cá nhân đều được hưởng, chẳng hạn như quyền tự do ngôn luận, quyền được xét xử công bằng và quyền bỏ phiếu và tham gia vào chính phủ.
- Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa: Đây là một hiệp ước ràng buộc về mặt pháp lý được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1966. Công ước này nêu rõ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa mà mọi cá nhân đều được hưởng, chẳng hạn như quyền được làm việc, quyền được giáo dục và quyền được hưởng mức sống đầy đủ.

Có hai loại cơ chế giám sát nhân quyền trong hệ thống Liên hợp quốc: các cơ quan dựa trên hiệp ước và các cơ quan dựa trên hiến chương. Mười cơ quan dựa trên hiệp ước

nhân quyền, bao gồm các ủy ban gồm các chuyên gia độc lập, giám sát việc thực hiện các hiệp ước nhân quyền quốc tế cốt lõi. Các cơ quan dựa trên hiến chương bao gồm Hội đồng Nhân quyền, Các Thủ tục Đặc biệt, Đánh giá Định kỳ Toàn cầu và Các cuộc Điều tra Độc lập. Văn phòng Cao ủy Nhân quyền (OHCHR) cung cấp chuyên môn và hỗ trợ cho tất cả các cơ chế khác nhau. Các công cụ này rất quan trọng trong việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trên toàn thế giới và chúng cung cấp khuôn khổ để các quốc gia thiết lập các cơ chế pháp lý và chính sách nhằm đảm bảo rằng nhân quyền được tôn trọng và bảo vệ. Mặc dù vẫn còn nhiều việc phải làm để giải quyết các hành vi vi phạm nhân quyền và thúc đẩy sự tôn trọng lớn hơn đối với các quyền cơ bản này, các công cụ này cung cấp nền tảng quan trọng để tạo ra một thế giới công bằng và bình đẳng hơn, nhưng theo quan điểm của IFSW, chúng chưa đủ 'thân thiện với mọi người' để tham gia (Dhananka, et al., 2023).

Suy ngẫm: Những hiệp ước và văn bản nào có thể có liên quan đến hoạt động công tác xã hội của bạn? Bạn có thể sử dụng chúng như thế nào?

Quyền con người và sự liên quan của chúng đến hoạt động công tác xã hội

Quyền con người đóng vai trò trung tâm trong hoạt động công tác xã hội vì chúng cung cấp một khuôn khổ để thúc đẩy và bảo vệ phẩm giá, bình đẳng và hạnh phúc của mọi cá nhân. Nhiều người thậm chí còn gọi công tác xã hội là 'nghề nhân quyền'. Công tác xã hội, là một nghề dựa trên quyền, có trách nhiệm bảo vệ quyền con người trong hoạt động của mình, cũng như bảo vệ những người bị vi phạm quyền. Ví dụ, khi một người vô gia cư, cách tiếp cận dựa trên từ thiện có thể dựa trên mệnh lệnh đạo đức là giúp đỡ những người vô gia cư. Cách tiếp cận dựa trên nhu cầu có thể nhấn mạnh vào việc đáp ứng nhu cầu cơ bản của con người về nơi ở. Trong khi đó, cách tiếp cận dựa trên quyền con người sẽ định hình tình huống là vi phạm quyền con người đối với mức sống đầy đủ (UDHR, Điều 25). Việc định hình tình trạng vô gia cư là vi phạm nhân quyền khiến tình trạng này có thể được yêu cầu bồi thường tại tòa án ở nhiều quốc gia.

Suy ngẫm: Bạn hoặc khách hàng của bạn đang gặp phải loại vi phạm nhân quyền nào? Làm thế nào để các vấn đề bạn giải quyết trong công việc thường ngày của mình có thể được định hình lại thành vi phạm nhân quyền?

Sau đây là một số lý do tại sao quyền con người quan trọng đối với hoạt động công tác xã hội:

- **Nhân phẩm:** Quyền con người thúc đẩy phẩm giá vốn có của mỗi cá nhân. Nhân viên công tác xã hội cam kết thúc đẩy sự tôn trọng đối với cá nhân và quyền tự quyết của họ. Nguyên tắc về nhân phẩm là nền tảng của hoạt động công tác xã hội và được phản ánh trong Bộ quy tắc đạo đức của nghề.
- **Công lý xã hội:** Quyền con người gắn liền chặt chẽ với công lý xã hội, là một giá trị cơ bản trong thực hành công tác xã hội. Nhân viên công tác xã hội nỗ lực tạo ra một xã hội công bằng và chính đáng cho tất cả mọi cá nhân, bất kể chủng tộc, giới tính, khuynh hướng tình dục hoặc các đặc điểm khác của họ. Nhân quyền giúp nhân viên công tác xã hội xác định và thách thức các bất bình đẳng có hệ thống và thúc đẩy quyền của các cộng đồng thiểu số.
- **Trao quyền:** Nhân quyền thúc đẩy việc trao quyền bằng cách cung cấp cho cá nhân và cộng đồng các công cụ và nguồn lực mà họ cần để đấu tranh cho quyền của chính họ. Bằng cách trao quyền cho cá nhân tham gia vào các quá trình ra quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống của họ, nhân viên xã hội có thể giúp thúc đẩy công lý và bình đẳng xã hội. (Điều này được giải thích thêm trong Chương 4).
- **Vận động/Biện hộ:** Nhân viên xã hội có trách nhiệm đấu tranh cho quyền của khách hàng, đặc biệt là khi những quyền đó bị vi phạm. Nhân quyền cung cấp cho nhân viên xã hội một khuôn khổ để hiểu và giải quyết các vấn đề bất công xã hội, và để đấu tranh cho các chính sách và thay đổi hệ thống thúc đẩy nhân quyền.
- **Tiêu chuẩn quốc tế:** Nhân quyền được ghi nhận trong luật pháp quốc tế, bao gồm Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị. Nhân viên xã hội có thể sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế này để thông báo cho hoạt động của họ và để yêu cầu chính phủ và các tổ chức khác chịu trách nhiệm trong việc duy trì nhân quyền.

Quyền con người không chỉ là những nguyên tắc đạo đức hay luân lý mà còn được mã hóa như luật pháp mà hầu hết các quốc gia đã đồng ý duy trì. Ví dụ, Công ước về Quyền trẻ em (CRC) là một hiệp ước quốc tế ràng buộc về mặt pháp lý được hầu hết các quốc gia phê chuẩn. Nhân viên xã hội có thể sử dụng CRC như một công cụ vận động để thúc đẩy và bảo vệ quyền của trẻ em, bao gồm quyền được giáo dục, chăm sóc sức khỏe và quyền được bảo vệ khỏi bạo lực và bóc lột. Họ cũng có thể làm việc để đảm bảo rằng các chính sách và hoạt động thực hành có tính bao trùm và có sự tham gia, trao cho trẻ em tiếng nói trong các quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng.

Quyền con người là quyền phổ quát, hiến pháp quốc gia của các nền dân chủ kết hợp các nguyên tắc này và các công ước đã phê chuẩn vào khuôn khổ pháp lý địa phương của họ. Các Điều 22-27 của UNDHR đặc biệt liên quan đến công tác xã hội, các điều này nêu rõ các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của cá nhân, bao gồm cả chăm sóc sức khỏe. Các điều này bảo vệ quyền mở rộng đối với mức sống đầy đủ và đặc biệt đề cập đến việc chăm sóc dành cho những người đang làm mẹ hoặc trẻ em. Trong khi thừa nhận tầm quan trọng của quyền con người, các nhân viên xã hội gần đây đã yêu cầu một khuôn khổ quyền toàn diện hơn, điều này đã được nêu bật trong chính sách gần đây của IFSW. Chính sách này nêu rõ rằng Khuôn khổ quyền toàn diện công nhận các quyền con người của cá nhân (phẩm giá và các quyền tự do cơ bản), các quyền xã hội-con người (dân sự, kinh tế và chính trị), các quyền văn hóa, quyền hệ sinh thái và các quyền rộng hơn của thiên nhiên. Trong khuôn khổ này là các giá trị và nguyên tắc thúc đẩy: nhận ra tầm quan trọng của sự đa dạng, tính bền vững, quyền tự quyết và rằng tất cả mọi người đều có trách nhiệm bảo vệ và thúc đẩy quyền của người khác cũng như thiên nhiên (xem tài liệu chính sách của IFSW về Vai trò của Nhân viên xã hội trong việc thúc đẩy một Thế giới sinh thái - xã hội mới. (IFSW, 2022).

Cân bằng tất cả các quyền thông qua sự tham gia có sự tham gia, khuôn khổ quyền toàn diện tìm cách đạt được sự đồng thuận về cách thiết lập các chính sách và thực hành bao trùm hướng đến việc xây dựng một thế giới sinh thái-xã hội mới không bỏ lại ai phía sau. Bạn sẽ tìm hiểu thêm về điều này trong Chương 6 về công tác xã hội sinh thái-xã hội.

Ví dụ – UNCRPD – “Không có gì về chúng ta mà không có chúng ta”

Công ước của Liên hợp quốc về Quyền của Người khuyết tật (UNCRPD) có hiệu lực vào năm 2008 là một ví dụ quan trọng về cách một công ước quốc tế như vậy được hình thành thông qua một phong trào từ dưới lên, bao gồm nguyên tắc tự quyết (một phần của các nguyên tắc đạo đức của công tác xã hội) thông qua việc kết hợp khẩu hiệu *“không có gì về chúng ta mà không có chúng ta”*, bắt nguồn từ phong trào dân quyền Hoa Kỳ nhấn mạnh rằng: *“khi người khác nói thay cho bạn, bạn sẽ thua”*.

Khuyết tật theo truyền thống được coi là một khiếm khuyết của cá nhân, là một bi kịch cá nhân và là gánh nặng cho phần còn lại của xã hội. Trong các xã hội phương Tây, khuyết tật được mô tả theo nghĩa là khiếm khuyết về mặt y tế hoặc sinh học như là nguyên nhân gây ra hạn chế chức năng. Do đó, người khuyết tật thường được coi là một trong những nhóm bị áp bức nhất trong xã hội. Thông qua việc nhận ra rằng nhu cầu của

họ không được đáp ứng, cũng như họ không được tham gia vào xã hội với các quyền bình đẳng, một phong trào đã hình thành.

Năm 1980, 400 người đã tập hợp lại để thành lập DPI (Tổ chức Người khuyết tật Quốc tế), một tổ chức nhân quyền cam kết bảo vệ quyền của người khuyết tật và thúc đẩy sự tham gia đầy đủ và bình đẳng của họ vào xã hội. Nhiệm vụ của tổ chức là trở thành tiếng nói trực tiếp của người khuyết tật trên toàn thế giới. Thông qua sức mạnh tập thể của mình, họ đã lật đổ sự thống trị của quan niệm y khoa về khuyết tật để ủng hộ quan niệm xã hội về khuyết tật.

Khái niệm độc lập cũng được diễn giải theo góc nhìn khuyết tật để có nghĩa là 'tự quyết định, kiểm soát và quản lý và tổ chức bất kỳ sự hỗ trợ nào'. DPI là một tổ chức hướng đến hoạt động và kể từ đó đã vận động cả chính phủ và Liên hợp quốc và gần đây đã đóng vai trò quan trọng trong việc soạn thảo UNCRPD. Một trong những khía cạnh quan trọng nhất của UNCRPD là lần đầu tiên những người là nhóm mục tiêu của Công ước, tức là người khuyết tật, đã trực tiếp tham gia vào quá trình soạn thảo. Trải nghiệm này đã được đưa trực tiếp vào như một trong những nguyên tắc cơ bản nhất của Công ước, tức là sự tham gia của người khuyết tật vào quá trình ra quyết định. Để biết thêm thông tin, hãy xem 'Nothing about us without us': disabled people determination their human rights through the UNCRPD (Callus & Zahra, 2017).

Suy ngẫm: Bạn sẽ sử dụng nhân quyền như một công cụ biện hộ vận động trong hoạt động của mình như thế nào?

Đại diện của Công tác xã hội tại Liên hợp quốc

Công tác xã hội là một nghề tìm cách cải thiện phúc lợi của cá nhân, gia đình, nhóm và cộng đồng thông qua một loạt các hoạt động, bao gồm vận động, phát triển chính sách và thực hành trực tiếp. Như đã lưu ý trước đó, một trong những cách chính mà công tác xã hội đang hợp tác với Liên hợp quốc là thông qua các tổ chức của mình đã được cấp **tư cách tham vấn với Hội đồng Kinh tế và Xã hội Liên hợp quốc**: Hiệp hội Quốc tế các Trường Công tác xã hội (1947), Liên đoàn Quốc tế Nhân viên xã hội (1959) và Hội đồng Quốc tế về Phúc lợi Xã hội/An sinh xã hội (1972). Nghề công tác xã hội được công nhận là một bên liên quan quan trọng trong việc phát triển chính sách và chương trình của Liên hợp quốc và tích cực thúc đẩy các giá trị và nguyên tắc công tác xã hội tại các diễn đàn của Liên hợp quốc, bao gồm Ủy ban Phát triển Xã hội và Diễn đàn Chính trị Cấp cao về Phát triển Bền vững.

Sự hợp tác giữa công tác xã hội và Liên hợp quốc đã tăng lên trong những năm gần đây khi cả hai thực thể cùng hướng tới các mục tiêu chung liên quan đến công lý xã hội, nhân quyền và phát triển bền vững. IFSW đã chính thức thành lập một ủy ban của Liên hợp quốc để đại diện cho tiếng nói của công tác xã hội tại Liên hợp quốc và mở rộng sự hợp tác với nhiều cơ quan khác nhau của Liên hợp quốc. Sự đại diện đã mở rộng để bao gồm các nhân viên xã hội từ tất cả các khu vực của IFSW tại các văn phòng của Liên hợp quốc ở Bangkok, Geneva, Nairobi, Santiago, New York và Vienna. IFSW tổ chức các sự kiện bên lề cũng như Ngày công tác xã hội hàng năm tại Liên hợp quốc tại Geneva và New York nhằm mục đích trở thành cầu nối giữa Liên hợp quốc và công tác xã hội, cũng như công chúng nói chung. Điều này bao gồm việc cung cấp đầu vào cho việc phát triển chính sách và nghị quyết của Liên hợp quốc, cũng như vận động đưa quan điểm của công tác xã hội vào các quy trình ra quyết định của Liên hợp quốc. IFSW cũng hợp tác với các cơ quan khác của Liên hợp quốc, chẳng hạn như Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) và Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), để thúc đẩy các giá trị và nguyên tắc công tác xã hội trong công việc của họ.

Một trong những vấn đề chính mà IFSW giải quyết tại Liên hợp quốc là thúc đẩy công lý xã hội và nhân quyền, quảng bá nghề nghiệp và mời các cơ quan của Liên hợp quốc hợp tác với các hiệp hội công tác xã hội và các thành viên của hiệp hội. IFSW nhận ra rằng công tác xã hội là một nghề tận tụy thúc đẩy nhân quyền và công lý xã hội, do đó tìm cách thúc đẩy các giá trị này tại Liên hợp quốc. Điều này bao gồm việc ủng hộ quyền của các nhóm dân số dễ bị tổn thương và thiệt thòi, chẳng hạn như trẻ em, phụ nữ, người tị nạn và những người sống trong nghèo đói. IFSW cũng thúc đẩy việc sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên nhân quyền trong thực hành công tác xã hội, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc trao quyền cho các cá nhân và cộng đồng để họ đòi quyền và kiểm soát cuộc sống của chính họ. Một vấn đề chính khác mà IFSW giải quyết tại Liên hợp quốc là phát triển bền vững. IFSW nhận ra rằng công tác xã hội có vai trò quan trọng trong việc đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs), được nêu rõ trong chính sách Công tác Xã hội năm 2021 và Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc. IFSW ủng hộ việc đưa quan điểm công tác xã hội vào việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững, đặc biệt là trong các lĩnh vực như giảm nghèo, nâng cao sức khỏe và bình đẳng giới. Tác động của công việc của IFSW tại Liên hợp quốc là rất đáng kể. Bằng cách ủng hộ các giá trị và nguyên tắc công tác xã hội tại Liên hợp quốc, IFSW đã giúp nâng cao vị thế của công tác xã hội trên sân khấu toàn cầu. Điều này dẫn đến sự công nhận ngày càng tăng về vai trò quan trọng mà công tác xã hội có thể đóng góp trong việc thúc đẩy công lý xã hội, quyền con người và phát triển bền vững. Sự tham gia của IFSW

vào Liên hợp quốc cũng đã giúp định hình chính sách và nghị quyết của Liên hợp quốc, đặc biệt là trong các lĩnh vực liên quan đến phát triển xã hội và phúc lợi xã hội.

Sự hợp tác giữa IFSW và Liên hợp quốc có một số lợi ích. Vì các chính sách của Liên hợp quốc là công cụ từ trên xuống nên điều cực kỳ quan trọng là các nhân viên xã hội và các nhà lãnh đạo cộng đồng phải cung cấp một phương pháp tiếp cận từ dưới lên. Điều này đôi khi có thể hoạt động như một đòn bẩy buộc các chính phủ phải thay đổi hoặc ban hành luật để đáp ứng nhu cầu của người dân hoặc toàn xã hội. Công tác xã hội cũng bổ sung cho các chiến lược của Liên hợp quốc như Mục tiêu phát triển bền vững. Những mục tiêu này rất cao cả và có thể không có nhiều ý nghĩa trong cộng đồng. Ví dụ, mục tiêu số 1, 'Xóa đói giảm nghèo'. Trong cộng đồng, mục tiêu đó hoạt động như thế nào, cộng đồng đóng vai trò gì, chính phủ nên đóng vai trò gì? Mặc dù đây là những câu hỏi rất phức tạp, nhưng các nhân viên xã hội thường biết cách đưa ra câu trả lời. Ví dụ, ở nhiều quốc gia, các nhân viên xã hội sử dụng các phương pháp tiếp cận phát triển cộng đồng khi đánh giá các kỹ năng và nguồn lực trong một cộng đồng. Họ thường xác định rằng mọi người biết cách nấu ăn, may vá hoặc sửa ô tô chẳng hạn. Sau đó, các nhân viên xã hội thúc đẩy phát triển doanh nghiệp gia đình hoặc cộng đồng và giúp các thành viên cộng đồng phát triển và thực hiện các kế hoạch kinh doanh. Điều này có thể thay đổi cuộc sống của những người sống trong cảnh nghèo đói. Kinh nghiệm của chúng tôi là một khi gia đình và cộng đồng nhận ra sức mạnh của chính mình, họ sẽ tiếp tục thực hiện nhiều chiến lược để biến cái nghèo thành dĩ vãng. Trẻ em bắt đầu đi học, bạo lực trong cộng đồng được nêu bật và giảm bớt, và mọi người bắt đầu đòi hỏi quyền lợi của mình. Nhiều nhà lãnh đạo Liên hợp quốc đã nói rằng, không thể có các Mục tiêu Phát triển Bền vững nếu không có nhân viên xã hội tại chỗ, và họ hoàn toàn đúng.

Mối quan hệ giữa IFSW và Liên hợp quốc cho phép công tác xã hội được đại diện ở cấp độ toàn cầu và đảm bảo rằng quan điểm của các nhân viên xã hội được xem xét trong quá trình phát triển các chính sách và chương trình. Nó cũng cung cấp cho các nhân viên xã hội cơ hội để tham gia với các chuyên gia và tổ chức khác, và học hỏi từ các thông lệ tốt nhất trên toàn thế giới. Cuối cùng, nó củng cố nghề công tác xã hội, bằng cách thúc đẩy giá trị và tầm quan trọng của công tác xã hội trong cộng đồng toàn cầu.

Mặc dù sự hợp tác giữa công tác xã hội và Liên hợp quốc có nhiều lợi ích, nhưng cũng có một số thách thức và cơ hội. Một trong những thách thức chính là nguồn lực hạn chế dành cho cả hai tổ chức. Công tác xã hội thường bị đánh giá thấp và thiếu kinh phí, điều này có thể khiến IFSW khó có thể vận động hiệu quả cho nghề này trong hệ thống Liên

hợp quốc. Tương tự như vậy, Liên hợp quốc phải đối mặt với nhiều thách thức về tài trợ và nguồn lực, điều này có thể khiến việc thực hiện các chính sách và chương trình một cách hiệu quả trở nên khó khăn. Bất chấp những thách thức này, cũng có một số cơ hội để hợp tác. Ví dụ, IFSW có thể hợp tác với Liên hợp quốc để phát triển các sáng kiến và chương trình mới nhằm thúc đẩy công lý xã hội, nhân quyền và phát triển bền vững. IFSW cũng có thể hợp tác với các tổ chức phi chính phủ và tổ chức cộng đồng khác để tận dụng nguồn lực và chuyên môn, đồng thời tối đa hóa tác động của công việc của họ.

Nghiên cứu tình huống: 'Ủng hộ các phương pháp tiếp cận toàn diện đối với phúc lợi của trẻ em'

Trong công việc của mình (tức là Pascal) với tư cách là thành viên của Ủy ban Liên hợp quốc IFSW và là Đại diện của Liên hợp quốc tại Geneva, tôi đã tham gia với nhiều cơ quan của Liên hợp quốc, bao gồm Hội đồng Nhân quyền và Ủy ban về Quyền của Trẻ em (CoRC), để ủng hộ các môi trường hỗ trợ sự phát triển và phúc lợi toàn diện của trẻ em. Trọng tâm chính trong hoạt động ủng hộ của tôi là thách thức xu hướng ngày càng tăng ở nhiều quốc gia, nơi các vấn đề xã hội ngày càng được cá nhân hóa và y tế hóa. Xu hướng này đặc biệt rõ ràng trong việc kê đơn thuốc hướng thần cho trẻ em ngày càng tăng, một hoạt động gây ra những lo ngại đáng kể về khả năng vi phạm quyền được chăm sóc sức khỏe như đã nêu trong Điều 24 của Công ước về Quyền trẻ em (CRC).

Vấn đề y khoa hóa quá mức đặc biệt liên quan đến bối cảnh chẩn đoán và điều trị những gì thường được gọi là 'Rối loạn tăng động giảm chú ý (ADHD)'. Theo kinh nghiệm của tôi, tỷ lệ chẩn đoán ADHD ngày càng tăng và sự gia tăng tương ứng trong việc kê đơn thuốc hướng thần phản ánh xu hướng chung của xã hội là giải quyết các vấn đề xã hội và hành vi phức tạp thông qua lăng kính y tế thay vì thông qua các biện pháp can thiệp toàn diện và hỗ trợ hơn. Cách tiếp cận này có nguy cơ khiến trẻ em bị thiệt thòi bằng cách giảm trải nghiệm của chúng xuống thành một tình trạng bệnh lý cần phải được điều trị, thường là không xem xét đến bối cảnh xã hội, giáo dục và gia đình rộng lớn hơn góp phần vào hành vi của chúng.

Theo quan điểm của công tác xã hội, xu hướng này thực sự đáng lo ngại vì nó làm suy yếu các nguyên tắc cơ bản của công lý xã hội, quyền con người và hạnh phúc toàn diện của trẻ em. Công tác xã hội, với tư cách là một ngành học, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hiểu các cá nhân trong môi trường xã hội rộng lớn hơn của họ. Nó ủng hộ các biện pháp can thiệp giải quyết nguyên nhân gốc rễ của các vấn đề xã hội, thay vì chỉ điều trị các triệu chứng. Trong trường hợp ADHD, điều này có nghĩa là nhìn xa hơn hành vi

của trẻ để xem xét các yếu tố như áp lực giáo dục, động lực gia đình và bất bình đẳng xã hội có thể góp phần gây ra khó khăn cho trẻ.

Công tác vận động biện hộ của tôi đã nêu bật cách thức y tế hóa hành vi của trẻ em, đặc biệt là qua lăng kính của ADHD, có thể dẫn đến việc trẻ em bị gạt ra ngoài lề. Sự gạt ra ngoài lề này không chỉ vi phạm quyền được sức khỏe của trẻ mà còn vi phạm quyền được tham gia vào mọi vấn đề ảnh hưởng đến trẻ, như được quy định trong Điều 12 của CRC. Quá thường xuyên, các quyết định về điều trị và can thiệp được đưa ra mà không có sự tham gia có ý nghĩa từ chính trẻ em, khiến trẻ em càng mất quyền và bỏ qua khả năng đóng góp của trẻ vào các cuộc thảo luận về cuộc sống của chính mình.

Là một phần trong hoạt động vận động của mình, tôi đã nỗ lực đưa những mối quan ngại này đến các cơ quan Liên hợp quốc khác nhau, dẫn đến việc một số quốc gia, bao gồm Thụy Sĩ, bị chỉ trích vì các hoạt động của họ. Những lời chỉ trích tập trung vào nhu cầu đánh giá lại các phương pháp chẩn đoán và điều trị ADHD, khuyến khích chuyển từ mô hình chủ yếu là y khoa sang mô hình kết hợp các nguyên tắc công tác xã hội. Điều này bao gồm việc vận động sử dụng nhiều hơn các biện pháp can thiệp phi y khoa, chẳng hạn như tư vấn, liệu pháp gia đình và hỗ trợ giáo dục, có thể giải quyết các yếu tố xã hội và môi trường cơ bản góp phần vào hành vi của trẻ.

Nghiên cứu của tôi đã hỗ trợ thêm cho hoạt động ủng hộ này bằng cách cung cấp bằng chứng về cách trẻ em bị gạt ra ngoài lề trong các quá trình này. Diễn ngôn xung quanh ADHD thường coi trẻ em là 'vấn đề' cần được giải quyết, thay vì coi trẻ em là những cá nhân có tiếng nói, quyền và quan điểm riêng. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe tinh thần và thể chất của trẻ mà còn ảnh hưởng đến ý thức về quyền tự quyết và khả năng tham gia đầy đủ vào xã hội của trẻ. Công việc của tôi nhằm mục đích thay đổi diễn ngôn này, thúc đẩy quan điểm coi trẻ em là những người tham gia tích cực vào cuộc sống của chính mình và cần được hỗ trợ theo cách tôn trọng phẩm giá và quyền của trẻ.

Tóm lại, những nỗ lực liên tục của tôi tại Liên hợp quốc tập trung vào việc đảm bảo rằng các quan điểm về công tác xã hội được tích hợp vào các cuộc thảo luận chính sách quốc tế, đặc biệt là những quan điểm liên quan đến quyền và sức khỏe của trẻ em. Bằng cách ủng hộ các phương pháp tiếp cận xem xét toàn bộ trẻ em trong bối cảnh xã hội của chúng, tôi mong muốn đóng góp vào việc phát triển các chính sách và hoạt động thực sự hỗ trợ cho hạnh phúc và sự phát triển của tất cả trẻ em, thay vì dùng đến các giải pháp y tế có thể gây hại nhiều hơn là có lợi. Để khám phá sâu hơn về những vấn đề này, công

trình của tôi về phân tích diễn ngôn về ADHD ở trẻ em tại Thụy Sĩ cung cấp những hiểu biết sâu sắc về những tác động đối với công tác xã hội và tầm quan trọng của việc thách thức các câu chuyện phổ biến định hình cách chúng ta hiểu và đáp ứng nhu cầu của trẻ em. Để tìm hiểu thêm về quan điểm này, hãy xem Giúp 'đứa trẻ có vấn đề' trở nên đáng yêu trở lại? Phân tích diễn ngôn về ADHD ở trẻ em tại Thụy Sĩ và những tác động đối với công tác xã hội. (Rudin, 2020. tr.281ff).

Suy ngẫm: Bạn sẽ mang những thông điệp nào đến Liên Hợp Quốc mà bạn cho là còn thiếu và quan trọng để họ biết?

Kết luận

Tóm lại, tư cách tham vấn với Liên hợp quốc tạo cơ hội cho các tổ chức công tác xã hội đại diện cho quan điểm của nghề công tác xã hội về phát triển xã hội ở cấp độ toàn cầu. Một trong những giá trị cốt lõi của công tác xã hội là làm việc với mọi người theo hướng từ dưới lên thay vì từ trên xuống và thúc đẩy quan hệ đối tác làm việc chung với mọi người và cộng đồng của họ. Cách tiếp cận này rất quan trọng để đảm bảo rằng các chính sách và chương trình đáp ứng được nhu cầu của những người mà chúng được thiết kế để phục vụ. Tư cách tham vấn với Liên hợp quốc cho phép các tổ chức công tác xã hội tham gia đối thoại với chính phủ, các cơ quan của Liên hợp quốc và các bên liên quan khác để vận động cho các chính sách dựa trên thực tế cuộc sống của mọi người. Chúng tôi đã khám phá bản chất của Liên hợp quốc, tầm quan trọng của tổ chức này đối với công tác xã hội và cách thức sử dụng tư cách tham vấn để thúc đẩy sự hiểu biết của công tác xã hội về phát triển xã hội. Mặc dù có nhiều thách thức và nhiều lời chỉ trích xung quanh Liên hợp quốc, nhưng các nhân viên công tác xã hội thừa nhận tầm quan trọng của quyền con người trong việc làm việc với các nhóm dân số thiểu số. Thông qua 'Hiến chương Nhân dân cho Công tác Xã hội Sinh thái', công tác xã hội cùng với nhiều nghề khác đã nhấn mạnh nhu cầu làm việc ở cấp cơ sở thay vì từ trên xuống. Sử dụng khuôn khổ quyền toàn diện, mọi người có thể xây dựng mạng lưới, trao đổi kiến thức và ý tưởng, và hợp tác trong các dự án thúc đẩy công lý xã hội, kinh tế và môi trường.

Suy ngẫm: Bạn sẽ mang những thông điệp nào đến Liên Hợp Quốc mà bạn cho là còn thiếu và quan trọng để họ biết?

Đọc thêm

Ife, J. (2012). *Nhân quyền và công tác xã hội: Hướng tới thực hành dựa trên quyền*. Cambridge: Nhà xuất bản Đại học Cambridge.

Cuốn sách này khám phá mối liên hệ giữa nhân quyền và thực hành công tác xã hội và lập luận rằng nhân viên xã hội có trách nhiệm thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, và điều này đòi hỏi một sự thay đổi hướng tới cách tiếp cận dựa trên quyền trong thực hành công tác xã hội. Tác giả cung cấp một khuôn khổ lý thuyết để hiểu nhân quyền và sự liên quan của chúng với công tác xã hội, sau đó khám phá các ví dụ thực tế về cách nhân viên xã hội có thể kết hợp các nguyên tắc nhân quyền vào công việc của họ với các cá nhân, nhóm và cộng đồng.

Lyons, K. & Manion, I. (2010). 'Sự liên quan của Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em với hoạt động công tác xã hội'. *Đánh giá dịch vụ trẻ em và thanh thiếu niên*, 32(2), trang 252-259.

Bài viết này thảo luận về cách Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em có thể cung cấp thông tin cho hoạt động công tác xã hội trong các lĩnh vực như bảo vệ trẻ em, giáo dục và tham gia. Nhìn chung, bài viết nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đưa quan điểm về quyền con người vào hoạt động công tác xã hội, đặc biệt là liên quan đến trẻ em và thanh thiếu niên. Các tác giả lập luận rằng Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em có thể đóng vai trò là một công cụ hữu ích cho các nhân viên công tác xã hội nhằm thúc đẩy quyền của trẻ em và thanh thiếu niên, cũng như yêu cầu chính phủ và các bên liên quan khác chịu trách nhiệm bảo vệ các quyền đó.

Weiss, T. G. (2017). *Liên hợp quốc và chính trị thế giới đang thay đổi*. New York: Routledge.

Cuốn sách này cung cấp một phân tích toàn diện về sự tiến hóa của Liên hợp quốc để ứng phó với bối cảnh chính trị toàn cầu đang thay đổi và những thách thức mới nổi. Cuốn sách khám phá vai trò của Liên hợp quốc trong việc thúc đẩy hợp tác quốc tế, duy trì hòa bình và an ninh, và thúc đẩy phát triển bền vững. Nó cũng xem xét một cách nghiêm túc những hạn chế, thách thức và triển vọng cải cách của Liên hợp quốc.

Weiss, T. G. & Daws, S. (Biên tập viên). (2020). *The Oxford Handbook on the United Nations*. Oxford: Oxford University Press.

Cuốn sách này cung cấp tổng quan chi tiết về Liên hợp quốc (LHQ), lịch sử, cấu trúc hiện tại và các cơ quan và tổ chức khác nhau của LHQ. Cuốn sách bao gồm ba mươi lăm chương, đề cập đến các chủ đề như lịch sử của LHQ, vai trò của Tổng thư ký, hoạt động gìn giữ hòa bình, nhân quyền, phát triển và mối quan hệ của LHQ với các tổ chức quốc tế khác.

Bài tập giảng dạy

(1) Công tác xã hội và Liên hợp quốc:

Mục đích của bài tập này là phản ánh về lịch sử công tác xã hội trong bối cảnh của riêng một người và thiết lập mối liên hệ với chiều kích quốc tế của công tác xã hội.

• Thảo luận các câu hỏi sau:

o Bạn biết gì về lịch sử công tác xã hội ở quốc gia của bạn?

o Quyền con người được đề cập đến ở mức độ nào trong thực hành công tác xã hội ở quốc gia của bạn?

o Nếu bạn là một ủy viên IFSW của Liên hợp quốc, bạn muốn nêu lên những vấn đề nào trong bối cảnh của mình tại các diễn đàn như Hội đồng Nhân quyền, bạn sẽ đưa những yếu tố nào vào tuyên bố dài 2 phút trước Hội đồng?

Bài học kinh nghiệm: Việc biết lịch sử công tác xã hội ở quốc gia của bạn rất hữu ích. Kiến thức và sự phản ánh này có thể hữu ích như một điểm khởi đầu. Chúng tôi khuyên bạn nên đưa kiến thức này vào một bước tiếp theo trong bối cảnh và phản ánh nó theo góc nhìn hậu thuộc địa.

(2) Công tác xã hội và quyền con người:

Mục đích của bài tập này là phản ánh việc sử dụng quyền con người trong thực hành công tác xã hội, và xác định những thách thức có thể xảy ra đối với việc sử dụng này và các chiến lược để khắc phục chúng.

• Thảo luận các câu hỏi sau:

o **Nhân phẩm:** Có tình huống nào trong bối cảnh làm việc của bạn mà nhân phẩm con người bị đặt dấu hỏi không? Nhân viên xã hội có thể sử dụng nhân quyền hoặc các tiêu chuẩn quốc tế để giải quyết tình huống này như thế nào?

o **Công lý xã hội:** Nhân quyền có thể giúp nhân viên xã hội xác định và thách thức bất bình đẳng có hệ thống và thúc đẩy quyền của các cộng đồng thiểu số như thế nào? Có tình huống nào bạn biết mà nhân viên xã hội cố gắng tạo ra một xã hội công bằng và chính đáng cho tất cả mọi cá nhân, bất kể chủng tộc, giới tính, khuynh hướng tình dục hoặc các đặc điểm khác của họ không?

o **Trao quyền:** Bạn có biết những tình huống nào mà quyền con người được sử dụng để thúc đẩy trao quyền bằng cách cung cấp cho cá nhân và cộng đồng các công cụ và nguồn lực họ cần để đấu tranh cho quyền của chính họ không? Làm thế nào để thực hiện được điều này?

o **Vận động/Biện hộ:** Bạn có biết những tình huống nào mà nhân viên xã hội vận động cho quyền của khách hàng của họ không? Bạn thấy cần phải làm như vậy ở đâu? Bạn có ý tưởng nào về cách thức thực hiện điều này không?

o **Tiêu chuẩn quốc tế:** Bạn có biết những tình huống nào mà nhân viên xã hội sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế này để thẩm nhàn cho hoạt động của họ và để yêu cầu chính phủ và các tổ chức khác chịu trách nhiệm bảo vệ quyền con người không? Làm thế nào để thực hiện điều này?

Chương 4

Trao quyền

Eveline Amman Dula

Tổng quan

Khái niệm trao quyền rất quan trọng đối với công tác xã hội trong bối cảnh quốc tế. Khái niệm này được đề cập trong Định nghĩa quốc tế về Công tác xã hội do IFSW và IASSW công bố năm 2014: “Công tác xã hội là một nghề dựa trên thực hành và là một ngành học thuật thúc đẩy sự thay đổi và phát triển xã hội, gắn kết xã hội, trao quyền và giải phóng con người” (IFSW, 2014).

Trao quyền là một khái niệm chính trong công tác xã hội vì nó liên quan đến bản chất của mối quan hệ giữa nhân viên xã hội và khách hàng, nhóm, tổ chức hoặc cộng đồng mà họ đang làm việc cùng, trong đó các mục tiêu do chính họ lựa chọn và tự định hướng được coi là vô cùng quan trọng. Sự nhấn mạnh vào trao quyền là kết quả của sự xác nhận lâu dài và rộng rãi về khái niệm trong thực hành công tác xã hội như là trọng tâm của các ấn bản về công tác xã hội được xuất bản trong ba thập kỷ qua như Adams (1990, 2008); DuBois & Miley (2014); Kam (2021).

Suy ngẫm: Bạn hiểu thế nào về trao quyền? Bạn định nghĩa trao quyền như một phương pháp công tác xã hội trong bối cảnh của bạn như thế nào?

Mục tiêu học tập

- Định nghĩa trao quyền là lý thuyết và phương pháp cho công tác xã hội liên quan đến việc tạo ra các điều kiện để tham gia.
- Chỉ định các hình thức quyền lực khác nhau.
- Liên hệ trao quyền với sự tham gia ở các cấp độ và quy trình khác nhau.
- Mô tả sự liên quan của nó đối với công tác xã hội trong bối cảnh quốc tế.

Nguồn gốc của thuật ngữ/khái niệm

Thuật ngữ 'trao quyền' đã được sử dụng rộng rãi trong thế giới nói tiếng Anh kể từ những năm 1970, bao gồm trong các lĩnh vực dịch vụ xã hội, tâm lý xã hội, y tế công cộng, xóa mù chữ cho người lớn và phát triển cộng đồng (Simon, 1994). Kể từ những năm 1990, khái niệm này cũng dần được thiết lập trong chương trình nghị sự về giới và phát triển quốc tế và đã tìm được sự tin tưởng của các cơ quan phát triển quốc tế về giảm nghèo (Calvès, 2009). Thường được sử dụng kết hợp với các từ thông dụng khác như 'cộng đồng', 'xã hội dân sự' và 'cơ quan', thuật ngữ 'trao quyền' hiện là trọng tâm của thuật ngữ 'sự tham gia của người nghèo' vào phát triển (ibid.). Nó phù hợp với các nguyên tắc đạo đức công tác xã hội về quyền tự quyết, sự tham gia và đối xử với mọi người như một tổng thể.⁷

Suy ngẫm: Bạn biết gì về nguồn gốc của sự trao quyền và việc sử dụng nó trong bối cảnh của bạn?

Thuật ngữ 'trao quyền' có nhiều nguồn gốc và cảm hứng dẫn đến nhiều định nghĩa và cách hiểu khác nhau về khái niệm này. Ví dụ, trao quyền có thể được định nghĩa là khả năng tối đa hóa các cơ hội dành cho cá nhân (Rowlands, 1995). Trong chính định nghĩa cá nhân và tâm tự do này, các cấu trúc quyền lực không được xem xét, do đó, một định nghĩa rộng hơn sẽ thấy trao quyền được định nghĩa là các quá trình mà mọi người nhận thức được lợi ích của chính họ và cách chúng liên quan đến lợi ích của người khác, để họ có thể tham gia từ một vị thế có sức mạnh lớn hơn trong việc ra quyết định và thực sự ảnh hưởng đến các quyết định đó.

Do đó, trao quyền phải bao gồm các quá trình khiến mọi người nhận thức được bản thân có khả năng và có quyền chiếm giữ không gian ra quyết định để vượt qua các cấu trúc quyền lực nội tại. Nó phải bao gồm việc phá bỏ các cấu trúc xã hội tiêu cực để những người bị ảnh hưởng có thể thấy mình có năng lực và quyền hành động và ảnh hưởng. Sử dụng trao quyền như một khái niệm chính trong công tác xã hội, nguồn gốc của nó trong nhiều lĩnh vực khác nhau như chủ nghĩa nữ quyền, tâm lý học Freud, thần học, phong trào Quyền lực của người da đen và chủ nghĩa Gandhi (Simon, 1994; Cornwall & Brock, 2005, trong Calvès, 2009) cần được tính đến. Kể từ khi xuất bản cuốn sách 'Black Empowerment: Social Work in Oppressed Communities' của Barbara Solomon vào những năm 1970, thuật ngữ này cũng đã được sử dụng trong công tác xã hội.

⁷ [Global Social Work Statement of Ethical Principles](#) (IFSW, 2018).

Theo Calvès (2009), các lý thuyết ban đầu về trao quyền được phát triển ở Hoa Kỳ bắt nguồn từ triết lý ưu tiên quan điểm của những người bị áp bức, trao quyền cho họ không chỉ để thể hiện bản thân mà còn để giành được quyền lực và vượt qua sự thống trị mà họ phải chịu (Wise, 2005 trong Calvès, 2009 tr.1), lấy cảm hứng từ nhà lý thuyết người Brazil Paulo Freire đã phát triển trong cuốn *Sư phạm của người bị áp bức*, xuất bản năm 1968. Theo Freire (1974), trong bất kỳ xã hội nào, một số ít người thực hiện sự thống trị đối với quần chúng, dẫn đến một 'ý thức bị thống trị'. Freire muốn bắt đầu các quá trình hướng tới 'ý thức phê phán'. Nhờ các phương pháp giảng dạy tích cực, các cá nhân nhận thức được hoàn cảnh của chính mình, về bản thân họ như là "chủ thể", để họ có thể được trao "công cụ để đưa ra lựa chọn" và trở nên "có ý thức chính trị" (Freire, 1974, trong Calvès 2009, tr.3). Trong bối cảnh của nhiều phong trào phản kháng xã hội, thuật ngữ này ngày càng được sử dụng nhiều hơn trong nghiên cứu và can thiệp liên quan đến các nhóm thiểu số như người Mỹ gốc Phi, phụ nữ, cộng đồng LGBTQ và người khuyết tật.

Theo Calvès (2009), phong trào nữ quyền ở Nam bán cầu có thể được ghi nhận là sự xuất hiện chính thức của thuật ngữ 'trao quyền' trong lĩnh vực phát triển quốc tế. Ví dụ, trong 'Trao quyền cho phụ nữ ở Nam Á: Các khái niệm và thực hành', nhà nghiên cứu và nhà hoạt động người Ấn Độ Srilatha Batliwala định nghĩa trao quyền là một quá trình chuyển đổi các mối quan hệ quyền lực giữa các cá nhân và các nhóm xã hội. Batliwala (1993) lập luận rằng các mối quan hệ quyền lực chỉ có thể thay đổi thông qua hành động trên ba mặt trận khác nhau: bằng cách đặt câu hỏi về các hệ tư tưởng biện minh cho bất bình đẳng (chẳng hạn như các hệ thống xã hội được xác định bởi giới tính hoặc đẳng cấp), bằng cách thay đổi các phương tiện tiếp cận và kiểm soát các nguồn lực kinh tế, tự nhiên và trí tuệ, và bằng cách chuyển đổi các cấu trúc và thể chế củng cố và bảo tồn các hệ thống quyền lực hiện có (chẳng hạn như gia đình, nhà nước, thị trường, giáo dục và phương tiện truyền thông). Tham gia cùng Batliwala và các nhà nữ quyền khác, chẳng hạn như Naila Kabeer (1994); Magdalena León (1997), Jo Rowlands (1995), trong Calvès 2009, các tác giả này nhấn mạnh bản chất đa diện của quá trình trao quyền cho phụ nữ ở Nam Bán cầu và phát triển các lý thuyết về mối liên hệ giữa sự trao quyền và quyền lực.

Các hình thức quyền lực

Rowlands (1995) nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xác định khái niệm quyền lực và các hình thức khác nhau của nó trong các quá trình trao quyền. Bà lập luận rằng một số

nhằm lẫn phát sinh vì quyền lực được hiểu và trải nghiệm theo những cách khác nhau bởi những người khác nhau và rằng những người đó thậm chí có thể không nhận thức được khả năng hiểu lầm.

Quyền lực đã là chủ đề của nhiều cuộc tranh luận trong các ngành khoa học xã hội. Một số định nghĩa tập trung, với các mức độ tinh tế khác nhau, vào khả năng của một người hoặc nhóm người để khiến một người hoặc nhóm người khác làm điều gì đó trái với ý muốn của họ. 'Quyền lực' như vậy nằm trong các quá trình ra quyết định, xung đột và quyền lực, và có thể được mô tả là 'tổng bằng không': một người càng có nhiều quyền lực, thì người kia càng ít quyền lực. Một số khuôn khổ cũng không đề cập đến cách quyền lực thực sự được phân bổ trong một xã hội và không xem xét đến động lực quyền lực của giới tính, hoặc chủng tộc, giai cấp hoặc bất kỳ lực lượng áp bức nào khác (ibid.).

Theo thông lệ, quyền lực được định nghĩa liên quan đến sự phục tùng, hoặc 'quyền lực đối với', vì một số người được coi là có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đến người khác. Phân tích giới tính cho thấy 'quyền lực đối với' chủ yếu do nam giới nắm giữ đối với những người đàn ông khác, do nam giới nắm giữ đối với phụ nữ và do các nhóm xã hội, chính trị, kinh tế hoặc văn hóa thống trị nắm giữ đối với những người bị thiệt thòi. Do đó, đây là một công cụ thống trị, có thể thấy được việc sử dụng trong cuộc sống cá nhân của mọi người, các mối quan hệ thân thiết, cộng đồng của họ và hơn thế nữa. Quyền lực loại này có thể được thực hiện một cách tinh vi.

Những người bị phủ nhận quyền lực và ảnh hưởng một cách có hệ thống trong xã hội thống trị sẽ tiếp thu những thông điệp mà họ nhận được về việc họ được cho là phải như thế nào, và cách họ có thể tin rằng những thông điệp đó là đúng. 'Sự áp bức nội tâm hóa' này được áp dụng như một cơ chế sinh tồn, nhưng trở nên ăn sâu đến mức những tác động đó bị nhầm lẫn với thực tế. Vì vậy, ví dụ, một người phụ nữ phải chịu sự ngược đãi bạo lực khi cô ấy bày tỏ ý kiến của riêng mình có thể bắt đầu kìm nén chúng, và cuối cùng tin rằng cô ấy không có ý kiến của riêng mình. Khi sự kiểm soát được tiếp thu theo cách này, việc sử dụng công khai 'quyền lực đối với' không còn cần thiết nữa (ibid.).

Theo quan điểm của nữ quyền, việc diễn giải "quyền lực đối với" đòi hỏi phải hiểu được động lực của sự áp bức và áp bức nội tâm hóa. Vì những điều này ảnh hưởng đến khả năng của các nhóm ít quyền lực hơn trong việc tham gia vào quá trình ra quyết định chính thức và không chính thức, và để gây ảnh hưởng, chúng cũng ảnh hưởng đến cách

các cá nhân hoặc nhóm nhận thức về bản thân và khả năng hành động và ảnh hưởng đến thế giới xung quanh của họ.

Có những hình thức quyền lực khác, trong đó quyền lực không phải là 'tổng bằng không': sự gia tăng quyền lực của một người không nhất thiết làm giảm quyền lực của người khác. Một số người có khả năng kích thích hoạt động ở những người khác và nâng cao tinh thần của họ. Một khía cạnh của điều này là loại hình lãnh đạo xuất phát từ mong muốn nhìn thấy một nhóm đạt được những gì họ có khả năng, không có xung đột lợi ích và nhóm tự đặt ra chương trình nghị sự tập thể của riêng mình. Thuật ngữ 'trao quyền' đề cập đến hình thức 'quyền lực đối với' này và nó đạt được bằng cách tăng khả năng chống lại và thách thức 'quyền lực đối với' của một người (Rowlands, 1995).

Do đó, trao quyền không chỉ đơn thuần là mở ra khả năng tiếp cận với việc ra quyết định; mà còn phải bao gồm các tiến trình khiến mọi người tự nhận thức bản thân họ có khả năng và có quyền chiếm giữ không gian ra quyết định đó, và do đó chòng chẹo với các phạm trù khác là 'quyền lực' và 'quyền lực từ bên trong' (ibid.).

Suy ngẫm: Khi nào thì bản thân tôi ở trong tình huống có quyền lực hoặc bị tước quyền? Điều này ảnh hưởng đến thái độ và công việc của tôi với tư cách là một nhân viên xã hội như thế nào?

Các cấp độ và hình thức trao quyền

Solomon xem xét các cơ chế của quyền lực và sự bất lực dựa trên hoàn cảnh sống của cộng đồng người da đen. Nền tảng tâm lý của mô hình trao quyền được thảo luận dựa trên những huyền thoại tiêu cực về dân số người Mỹ gốc Phi (so sánh Solomon, 1976). Khi làm như vậy, bà làm cho các diễn ngôn nội tâm của người Mỹ về quyền lực và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc có thể tiếp cận được với công tác xã hội. Bà không thấy khái niệm trao quyền của mình chỉ giới hạn ở công dân da đen người Mỹ gốc Hoa Kỳ, vì hiện tượng không có quyền hành ảnh hưởng đến tất cả các nhóm thiểu số bị xã hội chiếm đa số đánh giá tiêu cực và kỳ thị. Trong tất cả các xã hội và hệ thống hỗ trợ của họ, các mối quan hệ quyền lực chiếm ưu thế có tác động đến tâm lý của cá nhân.

Nếu một người thuộc nhóm thiểu số thiệt thòi, họ thường phải đối mặt với những đánh giá tiêu cực từ xã hội chiếm đa số. Phân biệt đối xử trở thành trải nghiệm mang tính cấu trúc của sự loại trừ. Nếu một người không còn có thể tự bảo vệ mình khỏi sự mất giá trị hoặc tự bảo vệ mình khỏi sự phân biệt đối xử, thì những sự quy kết tiêu cực sẽ ngấm vào như một chất độc đang lan tỏa vào hình ảnh bản thân của họ. Điều này sẽ ảnh

hưởng đến cuộc sống và môi trường xã hội của họ, nhưng cũng ảnh hưởng đến các nguồn lực mà họ có thể sử dụng để trao quyền và giải phóng bản thân khỏi cả hình ảnh bản thân tiêu cực và hoàn cảnh xã hội của họ. (Blank, 2018).

Nhân viên xã hội hướng đến mục tiêu giúp giải phóng những người trong tình huống này: *“Trao quyền là một quá trình mà nhân viên xã hội hoặc những người hỗ trợ chuyên nghiệp khác tham gia vào một loạt hoạt động với khách hàng với mục đích giảm bớt sự không có quyền hành do trải nghiệm bị phân biệt đối xử và thuộc về một nhóm bị kỳ thị. Những hoạt động này được thiết kế đặc biệt để chống lại những đánh giá tiêu cực như vậy”* (Solomon, 1976, tr.29).

Do đó, trao quyền là một khái niệm nhiều cấp độ tác động đến cá nhân, tổ chức, cộng đồng và xã hội (Blank, 2018) và các biện pháp can thiệp cần giải quyết vấn đề này ở các cấp độ khác nhau. Điều này bao gồm ở cấp độ cá nhân (tương ứng với quá trình đồng hóa quyền lực của một người hoặc một nhóm), cấp độ tổ chức (đề cập đến việc một tổ chức chiếm đoạt quyền lực trong đó một người, nhóm hoặc tổ chức khác được trao quyền) và cấp độ cộng đồng (tương ứng với việc chiếm đoạt cộng đồng của tập thể) (Cavalieri & Almeida, 2018).

Ở cấp độ cá nhân, nhận thức về sự bất lực của bản thân có thể khiến một người có nhiều khả năng hành động để tăng cường sức mạnh của mình. Đối với Solomon, do đó, điều quan trọng là phải chuyển trọng tâm của phương pháp điều trị tâm lý xã hội từ tâm lý sang các nhu cầu xã hội. Điều này đặc biệt quan trọng đối với những người có định giá tiêu cực đã đảm bảo sự thiếu hụt tương đối về khả năng tiếp cận các nguồn lực xã hội. Các biện pháp can thiệp cụ thể nên nhằm mục đích giảm cảm giác không có quyền lực và tăng cảm giác kiểm soát đối với các quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống của một người (Solomon, 1987). Trao quyền ở cấp độ đó là về việc phát triển ý thức về bản thân và sự tự tin cũng như năng lực của cá nhân, và xóa bỏ những tác động của sự áp bức quốc tế (Rowlands, 1995).

Ở cấp độ nhóm hoặc tổ chức, các mối quan hệ chặt chẽ đóng vai trò rất quan trọng, vì trao quyền liên quan đến việc phát triển khả năng đàm phán và ảnh hưởng đến bản chất của mối quan hệ và các quyết định được đưa ra trong mối quan hệ đó (ibid.).

Ở cấp độ cộng đồng, công việc của các cá nhân có thể tạo ra tác động sâu rộng hơn so với khi mỗi cá nhân hành động một mình. Điều này cũng có thể bao gồm sự tham gia vào các cấu trúc chính trị hoặc các hình thức hành động tập thể khác dựa trên sự hợp

tác thay vì cạnh tranh. Các hoạt động có thể tập trung tại địa phương ở các làng hoặc ở cấp láng giềng, nhưng cũng giải quyết các thể chế hoặc tổ chức ở cấp quốc gia hoặc quốc tế (ibid.). Ở cấp độ cao hơn, các khía cạnh pháp lý và xã hội của sự áp bức có thể dẫn đến thay đổi xã hội và chính trị. Trao quyền chính thức xuất hiện khi các thể chế đưa ra các cơ chế ảnh hưởng đến các quyết định công liên quan đến công dân và các thể chế xã hội của họ, tạo ra các cơ hội mới để công dân tham gia vào các quá trình ra quyết định (Cavalieri & Almeida, 2018).

Mặc dù có thể phân biệt giữa các cấp độ và hình thức trao quyền khác nhau, nhưng điều cần thiết là phải tập trung vào mục tiêu trao quyền, cụ thể là, tạo điều kiện cho nhiều cơ hội ra quyết định và tham gia vào xã hội hơn. Để đạt được điều này, có thể cần phải làm việc ở nhiều cấp độ khác nhau cùng một lúc.

Suy ngẫm: Bạn thấy cơ hội và nhu cầu áp dụng trao quyền trong thực tế ở đâu? Nên tiếp cận những hình thức và cấp độ nào và với mục tiêu gì?

Các quá trình trao quyền

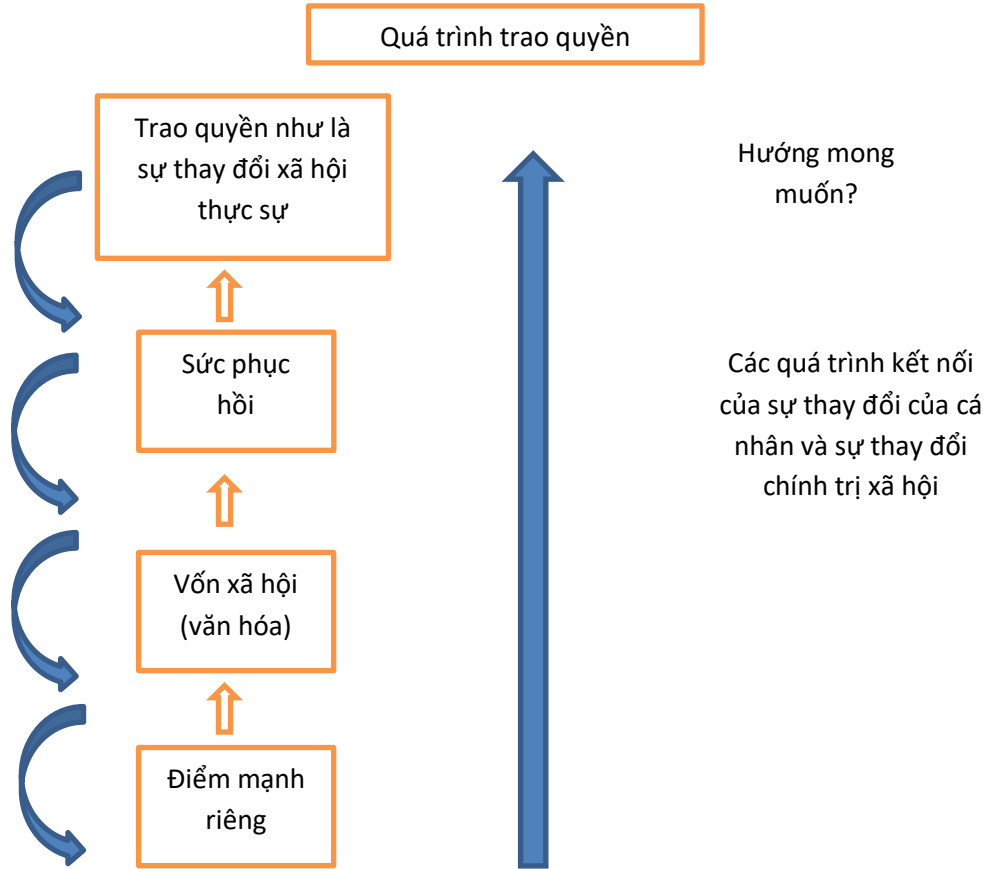
Trao quyền có thể được mô tả như một quá trình bao gồm sự thay đổi bên trong (cảm giác hoặc niềm tin của một người hoặc một nhóm vào khả năng tự đưa ra quyết định và giải quyết các vấn đề của chính họ) và sự thay đổi bên ngoài (tìm cách thể hiện khả năng hành động và triển khai kiến thức, thông tin, kỹ năng, năng lực thực tế và các nguồn lực mới khác có được trong quá trình này). Cả hai cấp độ đều được kết nối như một quá trình tương tác liên quan đến cá nhân hoặc nhóm và môi trường của họ.

Các quá trình này cần có nguồn lực cá nhân và sự phát triển của nhận thức phản biện là một thành phần thiết yếu mà trên thực tế được coi là sản phẩm của phép biện chứng giữa hành động và phản ánh và bao gồm ba con đường theo Cavalieri & Almeida 2018, tr.179:

- (1) phát triển nhận thức tập thể trong đó cá nhân không phải là người duy nhất gặp vấn đề
- (2) phát triển ý thức xã hội, nghĩa là các vấn đề xã hội và tập thể chịu ảnh hưởng của các tổ chức xã hội
- (3) phát triển ý thức chính trị trong tư duy rằng giải pháp cho các vấn đề đòi hỏi sự thay đổi xã hội.

Về mặt này, trao quyền được coi là một quá trình nhằm mục đích tăng cường năng lực của một nhóm trong việc đưa ra các lựa chọn có chủ đích và chuyển đổi các lựa chọn này thành hành động và tạo ra kết quả mà cá nhân mong muốn. Sau đó, cần phải xem xét không chỉ năng lực hành động mà còn triển vọng chuyển đổi các lựa chọn thành kết quả (Albuquerque, Santos & Almeida, 2016 trong Cavalieri & Almeida, 2018).

Để biết thêm chi tiết về cách tiếp cận này, chúng ta nên xem xét quá trình trao quyền (Peeters, 2012:12):



Hình 2: Quá trình trao quyền (Peeters, 2012:12)

Trong khi Peeters (2012) mô tả quá trình trao quyền để tạo ra sự thay đổi, điều quan trọng là phải hỏi xem trao quyền hướng đến loại thay đổi nào. Đối với Rowlands (1995), trao quyền thực sự có thể đòi hỏi phải thực hiện các chỉ đạo không lường trước được mà khách hàng hoặc nhóm liên quan đã quyết định thực hiện. Do đó, các chuyên gia nên làm rõ rằng bất kỳ 'quyền lực nào đối với' mà họ có liên quan đến những người mà họ làm việc cùng đều có khả năng bị họ thách thức (ibid.). Điều này đặt ra một vấn đề về đạo đức và chính trị: nếu thực tế là bạn có 'quyền lực đối với' - như trường hợp của các cơ quan theo luật định hoặc các tổ chức có quyền lực về tài chính, chẳng hạn như các cơ quan phát triển - thì việc phủ nhận điều này là sai lầm. Làm rõ động lực quyền lực mà bạn với tư cách là một chuyên gia đang hoạt động đối với những người mà bạn đang làm việc cùng là điều đúng đắn về mặt đạo đức.

Nghiên cứu tình huống: 'Zambia'

Trao quyền là một từ cốt lõi trong công tác xã hội và cũng là một từ gây tranh cãi. Sự chuyển đổi và phát triển xã hội bền vững hiếm khi đạt được bằng cách một người hoặc một thực thể trao quyền cho người khác. Hầu như luôn luôn đó là kết quả của việc mọi người cùng nhau tìm ra giải pháp cho chính mình và phát triển quan hệ đối tác với những người khác (đôi khi là chính phủ hoặc các dịch vụ xã hội) để hỗ trợ quyền tự quyết của họ. Các nhân viên xã hội thường thấy mình ở giữa, tạo điều kiện cho mối quan hệ hợp tác này. Một số nhân viên xã hội đó đã ngừng sử dụng từ 'trao quyền' và thay vào đó nói về 'trao quyền cho nhau' dựa trên các quan hệ đối tác hỗ trợ sự phát triển do chính họ lãnh đạo.

Người dân Zambia nhận được rất ít hoặc không nhận được hỗ trợ tài chính về sức khỏe hoặc giáo dục từ chính phủ của họ. Quỹ từ các cơ quan của Liên Hợp Quốc không được chuyển đến các con phố nơi không có nước sạch, cũng không có nhà vệ sinh. Đối với nhiều người, số tiền duy nhất đóng góp vào sự sống còn đến từ những gì có thể trồng trọt, làm ra và bán được. Đây là một môi trường mà Liên Hợp Quốc mô tả là cực kỳ nghèo đói. Một sự phức tạp khác mà cộng đồng và nhân viên xã hội phải đối mặt là HIV/AIDS. Theo báo cáo, tại Zambia, tỷ lệ nhiễm HIV ở phụ nữ trong độ tuổi 15-59 là 14,6%. Điều này dẫn đến hàng nghìn trẻ em bị bỏ rơi tại nghĩa trang, trước cửa nhà thờ hoặc được nhân viên xã hội tìm thấy đang ăn xin trên đường phố. Đối với nhiều trẻ em, cha mẹ của chúng đã qua đời, và giống như nhiều thành phố trên thế giới, trẻ em đã mất liên lạc với họ hàng xa khi cha mẹ chúng chuyển từ vùng nông thôn đến để tìm kiếm cuộc sống tốt đẹp hơn.

Tuy nhiên, các nhân viên xã hội ở Zambia đã tìm ra cách tạo ra sự thay đổi bền vững, mang lại cho trẻ em và gia đình mở rộng của chúng chất lượng cuộc sống cao hơn nhiều và tương lai tích cực hơn đáng kể. Một trong số nhiều ví dụ là Làng trao quyền ở Lusaka. Các nhân viên xã hội đã sắp xếp để một khu đất chưa sử dụng được thành lập làm nơi ở cố định cho ngôi làng. Nó nằm gần một số khu chợ đường phố trên một con đường đông đúc nối Lusaka (thủ đô) với các thị trấn chính khác. Trên mảnh đất này, các gia đình mở rộng của trẻ em, những người có cha mẹ đã mất, được mời đến sống với trẻ trong một cộng đồng tự lập và tự cung tự cấp. Cộng đồng có một điều lệ trao cho tất cả cư dân các quyền và trách nhiệm, nhưng điều lệ bắt đầu bằng cách nêu rõ trách nhiệm chung của tất cả cư dân, rằng 'Tất cả trẻ em đều có quyền được yêu thương'.

Ngôi làng bắt đầu chỉ với sự hỗ trợ của công tác xã hội và một tầm nhìn, nhưng trong một thời gian ngắn, các vụ ngô đã được thành lập và một máy xay xát đã được mua. Chiến lược kinh tế sau đó đã được mở rộng để sản xuất cả thịt và rau để bán. Khi có tiền, người dân quyết định xây dựng một cơ sở y tế có nhân viên làm việc một lần một tuần. Một bác sĩ và y tá có thể điều trị bệnh tật và thương tích cũng như tư vấn về dinh dưỡng. Các nhân viên xã hội cũng hỗ trợ người dân trong làng thành lập một trường học cho trẻ em đáp ứng các yêu cầu và tiêu chuẩn của chương trình giảng dạy quốc gia và một chương trình lương hưu cho các thành viên cộng đồng không thể làm việc do bệnh tật hoặc thương tích. Sau sáu năm, Làng trao quyền đã phát triển và bao gồm 140 gia đình, và mô hình đã lan rộng đến các thị trấn và thành phố khác. Những đứa trẻ từng mồ côi giờ đây có cơ hội được đào tạo nghề hoặc học đại học ở trình độ cao hơn, và trên hết, mỗi cư dân đều có một mạng lưới hỗ trợ xã hội mạnh mẽ và một tương lai bền vững.

Truell (2017)

Phản biện có phê phán: Trao quyền trong hợp tác quốc tế

Mặc dù thuật ngữ trao quyền ngày càng được sử dụng nhiều hơn trong hợp tác quốc tế, nhưng nó ngày càng được sử dụng theo hình thức cá nhân và phi chính trị hóa, giảm xuống thành chiêu kích kinh tế. Trao quyền ban đầu được hình thành như một chiến lược đối lập với mô hình phát triển từ trên xuống chính thống; nó thường được các tổ chức quốc tế sử dụng như một phương tiện để tăng hiệu quả và năng suất trong khi vẫn duy trì nguyên trạng. (Calvès, 2009).

Theo Calvès, mặc dù chiều hướng tập thể của quyền lực được nhấn mạnh, chẳng hạn như các dự án dựa vào cộng đồng và sự tham gia của xã hội dân sự, những điều này phản ánh một tầm nhìn 'lãng mạn' về quyền lực địa phương và dựa vào cộng đồng, **bỏ qua hoặc không quan tâm đến các mối quan hệ quyền lực nội bộ, xung đột và bất bình đẳng xã hội** (Wong (2003); Cling, Razafindrakoto & Roubaud (2002), trong Calvès, (2009).

Theo Calvès, những người theo chủ nghĩa nữ quyền hậu thực dân đã chỉ ra rằng các chương trình trao quyền cho phụ nữ theo thể chế thường được đặc trưng bởi chủ nghĩa bản chất. Đặc biệt, phụ nữ từ các quốc gia ở miền Nam thường được coi là một phạm trù đồng nhất, nguyên khối. Các chương trình này bỏ qua sự đa dạng của các mối quan hệ quyền lực tồn tại trong nhóm phụ nữ này (Mohanty 1984; Ferguson 2009 trong

Calvès 2009). Các chương trình trao quyền theo thể chế thường bỏ qua bản chất 'giao thoa' của quyền lực, đặc biệt là cách thức mà chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, giai cấp xã hội và chế độ gia trưởng tương tác. Khi làm như vậy, chúng có nguy cơ củng cố hoặc tạo ra bất bình đẳng xã hội trong các nhóm phụ nữ.

Những chương trình này thường chỉ có lợi cho những phụ nữ ít bị thiệt thòi nhất. Ở Mỹ Latinh, các tổ chức phụ nữ bản địa như Asociación Nacional de Mujeres Rurales e Indígenas (ANA-MURI) ở Chile, Coordinadora Nacional de Mujeres Indígenas (CONAMI) ở Mexico và Hiệp hội Phụ nữ Da đen ở Brazil cũng chỉ trích việc hoàn toàn coi thường tiếng nói của phụ nữ bản địa, phụ nữ nông thôn và phụ nữ gốc Phi trong các chương trình trao quyền được thể chế hóa (Bodur & Franceschet (2002); Sánchez Néstor (2005); Calvès (2009).

Cũng trong công tác xã hội, **sự chiếm đoạt tâm tự do của ý tưởng trao quyền** thể hiện ở việc diễn giải lại không phê phán sự tự trao quyền thành sự tự tối ưu hóa để phục vụ cho “bản ngã doanh nhân” (Bröckling, (2007), trong Blank (2018), tr.331). Điều đó dẫn đến việc thiếu quan tâm đến nguyên nhân của sự bất cân xứng quyền lực nhưng lại tập trung vào các tác động về mặt cá nhân và tâm lý xã hội. Nguyên nhân gây ra sự đau khổ và sự không có quyền lực của những người nhận sự giúp đỡ được cá nhân hóa, do đó củng cố sự không có quyền lực của những người nhận sự hỗ trợ (Blank (2018). Công tác xã hội đã không sử dụng các phương pháp can thiệp mang tính cấu trúc hoặc vĩ mô để hỗ trợ người sử dụng dịch vụ nhận ra sự trao quyền và ủng hộ sự thay đổi và công lý xã hội (Olson, 2007).

Suy ngẫm: Bạn biết dự án hoặc chương trình nào có thể hưởng lợi từ khái niệm trao quyền? Trao quyền được định nghĩa như thế nào trong các dự án này và nó liên quan như thế nào đến nguyên tắc hoặc định nghĩa của công tác xã hội?

Kết luận

Trao quyền là một khái niệm và phương pháp chính của công tác xã hội trên toàn thế giới để giải quyết bất bình đẳng xã hội và cấu trúc quyền lực, đồng thời thúc đẩy sự thay đổi và tham gia xã hội. Áp dụng trao quyền trong thực tế ngụ ý rằng các nhân viên xã hội trong bối cảnh này trở thành người tạo điều kiện; bất kỳ điều gì mang tính chỉ đạo hơn được coi là can thiệp vào việc trao quyền cho những người liên quan (Rowlands, 1995). Do đó, các **kỹ năng tạo điều kiện** rất quan trọng và đòi hỏi sự tinh tế để có hiệu quả,

điều này thường có nghĩa là các chuyên gia phải học lại cách thực hiện công việc của mình ở một mức độ nào đó và phát triển các kỹ năng tự nhận thức cấp cao. Trong một số trường hợp, người tạo điều kiện chuyên nghiệp phải trở thành thành viên của nhóm và sẵn sàng thực hiện cùng một loại chia sẻ cá nhân như được khuyến khích từ những người tham gia khác (ibid.).

Suy ngẫm: Trong những tình huống nào tôi có thể đảm nhiệm vai trò người tạo điều kiện? Tôi cần gì để làm điều này ?

Đọc thêm

Freire, P. (2005), (1970). *The Pedagogy of the Oppressed*. Biên dịch bởi Myra Bergman Ramos. New York: Continuum. [Pédagogie des opprimés suivi de Conscientisation et révolution. Paris: François Maspero. 1974].

Paulo Freire đã phát triển một phương pháp tiếp cận giáo dục liên kết việc xác định các vấn đề với hành động tích cực hướng đến sự thay đổi và phát triển. Mặc dù công trình gốc của Freire là về xóa mù chữ cho người lớn, nhưng phương pháp tiếp cận của ông khiến chúng ta phải suy nghĩ về cách chúng ta có thể 'đọc' xã hội xung quanh chúng ta.

Jönsson, J. (2010). 'Beyond interchange: Changing local communities'. *International Social Work*, 53(3), tr. 393-406. [trực tuyến]. Có tại: <https://doi.org/10.1177/0020872809359867>

Bài phản ánh thú vị và mang tính phê phán về việc sử dụng và triển khai trao quyền trong bối cảnh quốc tế.

Kabeer, N. (1994). *Thực tế đảo ngược: Hệ thống phân cấp giới trong phát triển suy nghĩ*. London: Verso.

Naila Kabeer đã phát triển hơn nữa và đưa khái niệm trao quyền cho phụ nữ vào hoạt động thực tế, thúc đẩy chương trình nghị sự bình đẳng giới toàn cầu bằng cách tiết lộ những cách mà các nỗ lực xã hội, chính sách và chương trình giảm nghèo thúc đẩy hoặc ngăn cản quyền tự quyết và tiếng nói của phụ nữ.

Rowlands, J. (1995). 'Empowerment Examined'. *Development in Practice*, 5(2), pp. 101-107. [trực tuyến]. Có tại: <http://www.jstor.org/stable/4028929>.

Rowlands nhấn mạnh bản chất đa diện của quá trình trao quyền cho phụ nữ ở Nam bán cầu và các lý thuyết đã phát triển về mối liên hệ giữa trao quyền và quyền lực. Tài liệu hữu ích: Empowerment – Introduction to Community Psychology (rebus.community)

Simon, B. (1994). *Truyền thống trao quyền trong công tác xã hội Hoa Kỳ: Một lịch sử*. New York: Nhà xuất bản Đại học Columbia.

Solomon, B. (1987). 'Trao quyền, Công tác xã hội trong các cộng đồng bị áp bức'.

Tạp chí Thực hành Công tác xã hội: *Các phương pháp tiếp cận tâm lý trị liệu trong Sức khỏe, Phúc lợi và Cộng đồng*, 2(4) tr. 79-91. [trực tuyến]. Có tại: <http://dx.doi.org/10.1080/02650538708414984>

Về nguồn gốc của sự trao quyền trong công tác xã hội được phát triển tại Hoa Kỳ trong bối cảnh các cộng đồng bị áp bức.

Bài tập giảng dạy

(1) Phân tích các dự án trao quyền: Bài tập này là về việc áp dụng trao quyền như một khuôn khổ phân tích để phân tích các dự án đã có.

- Tìm một dự án liên quan đến trao quyền – ví dụ:

<https://www.youtube.com/watch?v=Zxb7Gdy0Ail> và thảo luận các câu hỏi sau:

- o Dự án đề cập đến loại quyền lực nào (Rowlands, 1995)?
- o Dự án đề cập đến các cấp độ trao quyền khác nhau ở mức độ nào?
- o Những quy trình trao quyền nào là có liên quan?
- o Chúng ta có thể cải thiện dự án như thế nào?
- o Bạn có thể xác định những bài học kinh nghiệm và thông điệp cho công tác xã hội không?

Bài học kinh nghiệm: Có thể hữu ích khi chọn một dự án/ví dụ để phân tích, nơi bạn tìm thấy nhiều thông tin để suy ngẫm và cố gắng áp dụng khái niệm trao quyền.

(2) Trao quyền trong thực tế:

Bài tập này nói về việc áp dụng các cân nhắc lý thuyết về trao quyền vào thực tiễn của riêng bạn.

- Nghĩ về một vấn đề đang xảy ra trong cộng đồng của bạn. Mô tả vấn đề:

- Vấn đề là gì?
- Ai liên quan?
- Những hình thức quyền lực nào có liên quan (so sánh Rowlands, 1995)?
- Bạn có thể giải quyết vấn đề như thế nào?
 - Bạn có thể giải quyết những cấp độ trao quyền nào trước tiên?
 - Bạn có thể giải quyết những cấp độ trao quyền nào trước tiên?
 - Bạn có thể làm việc với ai? Những người hoặc nhóm nào hiện có sẽ quan trọng để có sự tham gia?

Bài học kinh nghiệm: Có thể hữu ích khi làm việc theo nhóm nhỏ trước, vì các câu hỏi khá riêng tư và cần phải thảo luận trong bầu không khí tin cậy.

(3) “Bài kiểm tra đặc quyền”:

Mục đích của bài tập này là phản ánh vị thế của riêng bạn trong xã hội và tác động của nó đối với hoạt động công tác xã hội. Các câu hỏi sau đây có thể được phản ánh riêng lẻ và sau đó trao đổi trong các nhóm nhỏ hoặc với đồng nghiệp hoặc trong một nhóm.

- Vị thế của bạn trong bối cảnh bạn đang sống và làm việc là gì – liên quan đến giới tính, chủng tộc, giai cấp, tôn giáo, v.v.?
 - Bạn đã từng trải qua sự hòa nhập hay loại trừ vì các đặc điểm của riêng bạn hoặc được quy cho bạn liên quan đến giới tính, chủng tộc, giai cấp, tôn giáo, v.v.?
 - Bạn có kinh nghiệm trao quyền/tước quyền không?
 - Bạn có những hình thức quyền lực nào?
- Bạn đã nhận được tình huống nào thông qua hoàn cảnh/nơi sinh của mình?
 - Bạn đã đạt được vị thế (tốt hơn/tệ hơn) trong xã hội ở mức độ nào do điều này?
 - Điều gì hữu ích trong quá trình này (trao quyền hoặc gây bất lợi cho bạn)?
 - Điều gì khó khăn trong quá trình này?
- Những trải nghiệm này đã ảnh hưởng đến sở thích của bạn đối với công tác xã hội ở mức độ nào?
 - Bạn cảm thấy công tác xã hội có thể có giá trị ở mức độ nào trong việc giải quyết tình huống mà bạn đang gặp phải?
 - Những trải nghiệm này ảnh hưởng đến công tác xã hội mà bạn sử dụng ở mức độ nào?

- o Hãy cố gắng giải thích vị thế hiện tại của bạn trong xã hội bằng cách sử dụng các lý thuyết hậu thực dân.

Bài học kinh nghiệm: Vị trí và trải nghiệm của học sinh thường rất khác nhau – và sự nhạy cảm liên quan đến chúng cũng vậy. Đặc biệt là những học sinh ở vị trí đặc quyền thường không nhận thức được tình hình của mình và có thể phản ứng một cách vô cảm và khó hiểu. Do đó, điều quan trọng là học sinh trước tiên phải nói chuyện với một người mà họ tin tưởng vì điều này sẽ cung cấp sự hỗ trợ và trấn an trong khi họ xem xét các vấn đề khó khăn mà trước đây họ có thể không nhận thức được.

Chương 5

Công tác cộng đồng / Phát triển cộng đồng

Swetha Rao Dhananka

Tổng quan

Theo quan điểm toàn cầu, công tác cộng đồng/phát triển cộng đồng là phương pháp thực hành chủ đạo trong công tác xã hội trên toàn thế giới. Điều này có thể khiến nhiều người đọc chương này ngạc nhiên, vì khi xem xét các tạp chí công tác xã hội lớn và các sách học thuật cũng như chương trình giảng dạy của ngành trên toàn cầu, công tác cộng đồng thường được mô tả chỉ là một trong các lĩnh vực thực hành, bên cạnh công tác xã hội tâm thần, quản lý ca, v.v.

Mặc dù bị gạt ra ngoài lề, công tác cộng đồng vẫn có liên quan vì hai lý do:

- 1) Giáo dục công tác xã hội đã bị các trường phái tư tưởng Anh-Mỹ và châu Âu xâm chiếm về mặt trí tuệ và điều này đã kìm hãm các truyền thống địa phương về sự chăm sóc và đoàn kết lấy cộng đồng làm trung tâm để đưa vào chương trình giảng dạy công tác xã hội địa phương (Muñoz Arce, 2015; Mishra 2021). Do đó, những người hành nghề công tác xã hội học các phương pháp can thiệp công tác xã hội được hình thành cho bối cảnh phương Tây hơn, tập trung vào cấp độ vi mô của các cá nhân. Vì điều này không phù hợp với thực tế ở cấp độ cộng đồng, những người hành nghề phải bỏ học và tái thích nghi các lý lẽ can thiệp phù hợp với các giá trị và truyền thống địa phương (Mayaka & Truell, 2021).
- 2) Công tác cộng đồng thường là đòn bẩy duy nhất cho bảo trợ xã hội và phúc lợi ở các quốc gia mà tỷ lệ việc làm phi chính thức có thể dao động từ 20% đến hơn 90% (ILO, 2018). Những người tham gia việc làm phi chính thức thường chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trong tổng dân số lao động. Đây là một yếu tố quan trọng cần xem xét, vì các hệ thống phúc lợi và bảo trợ xã hội thường được mô phỏng theo các đóng góp từ nền kinh tế chính thức. Khi những đóng góp này chỉ là một phần hoặc không đáng kể, năng lực của các hệ thống phúc lợi và bảo trợ xã hội sẽ yếu, tối thiểu, không tồn tại hoặc thất bại. Trong trường hợp không có những hệ thống đó, các nguồn lực chính là 'con người trong cộng đồng' và các nhân viên xã hội cần

làm việc với các hệ thống đoàn kết phi chính thức hiện có liên quan đến cộng đồng để tạo ra và củng cố các hệ thống hỗ trợ lẫn nhau nhằm ngăn ngừa hoặc quản lý các thách thức xã hội và kinh tế. Bối cảnh này áp dụng cho khoảng 70% dân số thế giới.

Làm trầm trọng thêm sự tập trung không cân xứng của các tạp chí chuyên ngành là các nhân viên xã hội từ các bối cảnh mà công tác cộng đồng là chuẩn mực thường không có thời gian được trả lương để đóng góp vào sự phát triển của nghề nghiệp toàn cầu – hoặc thậm chí là địa phương. Rất thường xuyên những nhân viên xã hội này làm nhiều hơn một công việc vì bản thân họ chỉ cách nghèo đói một bước nhỏ. Hơn nữa, ở một số quốc gia, tài liệu công tác xã hội quốc tế tập trung vào phương Tây trong các tạp chí chỉ đơn giản được coi là không liên quan đến công việc mà họ đảm nhận.

Mục tiêu học tập

- Hiểu được sự liên quan của công tác cộng đồng/phát triển trong bối cảnh quốc tế.
- Làm quen với các định nghĩa, nguyên tắc và phương thức quan trọng của phát triển cộng đồng.
- Nhận biết và phát triển sự tò mò về các ‘viễn kiến vũ trụ’ (hay tầm nhìn vũ trụ) không phải của phương Tây và khái niệm của họ về cộng đồng.
- Xem xét các bước liên quan đến việc xây dựng sáng kiến phát triển cộng đồng.

Cơ sở khái niệm và phương pháp luận cho phát triển cộng đồng

Định nghĩa về cộng đồng

Việc định nghĩa cộng đồng trong bối cảnh phát triển cộng đồng đòi hỏi một định nghĩa rộng bao gồm các hình thức dựa trên địa điểm, dựa trên sở thích và các hình thức khác của các cộng đồng mới và đang nổi lên, ví dụ như các nhóm vượt qua ranh giới vật lý và liên hệ với những người không quen biết ở nhiều địa điểm khác nhau.

Để giải thích về những gì cấu thành nên một cộng đồng, ba cách tiếp cận lý thuyết chỉ ra rằng cộng đồng là cấu trúc của mối quan hệ mà qua đó mọi người

gặp gỡ hàng ngày và cung cấp các yêu cầu chăm sóc và hỗ trợ (tức là **cách tiếp cận sinh thái học** của con người). Cách **tiếp cận lý thuyết hệ thống** coi cộng đồng là sự kết hợp của các tiểu hệ thống khác nhau để đạt được các mục tiêu của cộng đồng, trong khi cách **tiếp cận tương tác xã hội** coi cộng đồng là một cấu trúc của các mối quan hệ hoạt động trên cơ sở tương tác xã hội, có thể dựa trên bản sắc chung (ví dụ như địa điểm, dân tộc, văn hóa, sở thích v.v.) và điều này thúc đẩy sự đoàn kết (Goel, 2014).

Để cộng đồng hoạt động và đạt được mục tiêu của mình, các nguồn lực vật chất như những địa điểm có ý nghĩa biểu tượng quan trọng và củng cố sự hình thành bản sắc là yếu tố cấu thành, cũng như các mối quan hệ giữa người và người, các mạng lưới và lòng tin vào những mối quan hệ đó để củng cố vốn xã hội (Klinenberg, 2020). Các cộng đồng dựa trên mối quan hệ tin cậy và sử dụng các nguồn lực vật chất mang lại cảm giác được thuộc về.

Một thành phần khác để nuôi dưỡng cảm giác thân thuộc này là sự công nhận quyền tự do ngôn luận và tham gia của những người bị loại trừ, theo Yuval-Davis (2006). Thuộc về cũng có nghĩa là duy trì một ranh giới nhất định giữa ‘chúng ta’ và ‘họ’. Do đó, sự gắn bó có được với một cộng đồng mà cảm giác thuộc về cộng đồng ấy được phát triển có thể là hòa nhập và loại trừ. Cảm giác hòa nhập thân thuộc có được khi có sự tự do ngôn luận và tham gia của những người được công nhận và chấp nhận của cộng đồng đối với những người trước đây bị loại trừ (Yuval-Davis, 2006).

Trọng tâm chính của phương pháp phát triển cộng đồng là tạo điều kiện thuận lợi cho các quá trình tương tác giữa các thành viên của cộng đồng và các bên liên quan để đưa ra quyết định tự chủ về việc giải quyết các nhu cầu và vấn đề cá nhân của họ, đó là sự phản ánh các vấn đề cơ bản thuộc cấu trúc (Goel, 2014).

Mục đích của phát triển cộng đồng là tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tìm ra các giải pháp tập thể cho các vấn đề, thường ở cấp độ cấu trúc mà cá nhân trải nghiệm vấn đề. Vai trò của nhân viên xã hội là tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình này. Vì trọng tâm chính của phát triển cộng đồng là hỗ trợ cộng đồng ra quyết định tự chủ và thúc đẩy hành động tập thể, nên nhân viên xã hội trong vai trò hỗ trợ nên đảm bảo, trong khả năng có thể, các điều kiện bình đẳng để tham gia vào tương tác và bất kỳ quá trình ra quyết định cần thiết nào đều có sẵn. Trong khi nhân viên xã hội là chuyên gia về quá trình hỗ trợ (phương thức, cơ hội

và giới hạn tham gia, kiến thức về thủ tục để giải quyết với các bên liên quan), anh ấy/cô ấy tham gia với sự khôn ngoan của các thành viên cộng đồng đã trải qua vấn đề và sử dụng hoặc đưa ra các phương pháp phát triển cộng đồng phù hợp với bối cảnh để hỗ trợ họ.

Thực hành phát triển cộng đồng nên được hướng dẫn bởi mục tiêu của nó và các nguyên tắc đạo đức của công tác xã hội. Công tác xã hội là một nghề nhân quyền, Ife và Fiske (2006) lập luận rằng việc giao trách nhiệm về nhân quyền đơn thuần cho các quốc gia dân tộc và hệ thống pháp luật sẽ củng cố một bàn luận về quyền của giới tinh hoa và khiến những người làm công tác xã hội có một cách tiếp cận quá hợp pháp với trọng tâm là thay đổi luật pháp. Thay vào đó, họ nhấn mạnh thành phần tương tác của nhân quyền. Quyền chỉ tồn tại khi có những người tương tác, nơi các quyền và trách nhiệm được thực hiện và hành động một cách tập thể. Điều này cho thấy rằng các quyền có ý nghĩa trong một cộng đồng, trong đó trong đó các quyền của chính họ và quyền của các cộng đồng khác được tôn trọng, từ đó tiến tới sự công nhận nhu cầu về các cấu trúc tập thể.

Trong khi các cơ chế nhân quyền thường được thực hiện theo cách từ trên xuống, thì cần phải có sự kết hợp với can thiệp phát triển cộng đồng từ dưới lên nếu chúng ta muốn chủ động giải quyết sự thiệt thòi và bất bình đẳng đan xen nhau, trong đó có thể đưa ra kinh nghiệm sống về vi phạm nhân quyền ở cấp độ cá nhân hoặc cộng đồng. Theo nghĩa này, cách tiếp cận nhân quyền cung cấp một khuôn khổ thực hành để hướng dẫn thực hành công tác xã hội nói chung và phát triển cộng đồng nói riêng.

Phát triển cộng đồng là độc đáo và tùy theo bối cảnh và cần phải được đặt trong môi trường địa phương với sự hỗ trợ của nhân viên xã hội. Vì nó tập thể hóa một vấn đề và cố gắng phát triển các cơ quan trong cộng đồng để chuyển đổi các phần nản của cá nhân thành khiếu nại để cùng nhau tìm ra giải pháp, phát triển cộng đồng vốn dĩ mang bản chất chính trị.

Đây là những bước lặp đi lặp lại được đề xuất để phát triển cộng đồng. Một số câu hỏi quan trọng cần cân nhắc được chỉ ra cho từng bước:

1. Chọn cộng đồng:

o Xem xét các bản sắc, mục tiêu và nguồn lực vật chất chung

o Cộng đồng được chọn (và những người lãnh đạo của cộng đồng) liên quan như thế nào với các thành viên của mình?

o Cách tiếp cận nào sẽ có tính hòa nhập nhiều nhất?

o Một số công cụ và phương pháp khả thi: nhạy cảm về mặt văn hóa và hòa nhập; cần giao tiếp thông qua các phương tiện truyền thống và ảo; huy động tại những địa điểm và thời điểm cộng đồng thường tụ họp.

2. Chẩn đoán tập thể:

o Có sự nhận thức tập thể về vấn đề không?

o Những trải nghiệm sống của vấn đề là gì? Những nhận thức đa dạng được thương lượng như thế nào trong cộng đồng?

o Cần xem xét loại chòm sao quyền lực nào?

o Một số công cụ và phương pháp hữu ích có thể có: Sân khấu đường phố để nhận thức, kể chuyện, lập bản đồ có sự tham gia, các cuộc họp cộng đồng, quán cà phê thế giới, đi bộ ngang qua, v.v.

3. Xây dựng kế hoạch hành động:

o Dựa trên chẩn đoán tập thể, những giải pháp nào khả thi (các tác nhân, nguồn lực tài chính và thời gian, kỹ năng)?

o Họ có kiến thức về thủ tục cần thiết cho kế hoạch hành động không?

o Có thể hình dung mức độ tham gia nào (thang tham gia)?

o Có thể huy động những kỹ năng và nguồn lực hiện có nào trong cộng đồng?

o Rủi ro là gì? Cơ hội là gì?

o Một số công cụ và phương pháp hữu ích có thể có: Phát triển cộng đồng dựa trên tài sản ABCD (xem <https://resources.depaul.edu/abcd-institute/resources/Pages/tool-kit.aspx>).

4. Thực hiện hành động:

- o Các thành viên có tôn trọng các nguồn lực không?
- o Còn lãnh đạo thì sao?
- o Cân nhắc kỹ lưỡng cách làm việc với các nhà lãnh đạo cộng đồng truyền thống.
- o Cộng đồng có thể chịu trách nhiệm về quy trình và kết quả không?
- o Tác động của hành động về mặt cảm xúc là gì?
- o Các chiến lược quản lý xung đột là gì?
- o Một số công cụ và phương pháp hữu ích có thể có: Công cụ quản lý thay đổi.

5. Giám sát và Đánh giá:

- o Các mục tiêu của cộng đồng có đạt được không?
- o Ai là người chiến thắng/thua cuộc?
- o Các bước tiếp theo là gì? Kết quả của hành động có thể được thể chế hóa không?
- o Một số công cụ và phương pháp hữu ích có thể có: Công cụ đánh giá phát triển của Patton (2011).

Những bước lặp đi lặp lại này buộc phải có thái độ chuyên nghiệp từ nhân viên xã hội với tư cách là chuyên gia sang nhân viên xã hội với tư cách là người hỗ trợ, người nhận ra chuyên môn về trải nghiệm sống ở những người tham gia can thiệp phát triển cộng đồng. Các vấn đề về hội nhập cộng đồng, cảm thấy an toàn trong khu dân cư của bạn, trải nghiệm cảm giác được thuộc về trên phố, vùng ngoại ô hoặc thị trấn của bạn và được tôn trọng, là những sự đảm bảo cơ bản cho niềm vui của con người. Chúng có nhiều khả năng đạt được thông qua công tác cộng đồng, thay vì các dịch vụ cá nhân hóa. Vì vậy, chúng ta hãy cùng xem một ví dụ đầy cảm hứng về các phương pháp tiếp cận công tác xã hội đối với công tác cộng đồng trong bối cảnh thảm họa thiên nhiên mà chúng ta có thể học hỏi từ case study sau đây :

Nghiên cứu tình huống: 'Philippines'

Philippines đã dạy chúng ta rất nhiều về lợi ích của công tác cộng đồng sau cơn bão khủng khiếp năm 2013. Những hiểu biết mà chúng ta có được bắt nguồn từ các phản ứng của công tác xã hội trên hai hòn đảo khác nhau, một nơi công tác cộng đồng có thể phát triển và nơi còn lại nơi công tác xã hội, theo chỉ thị chính trị, tập trung vào việc duy trì cách tiếp cận cá nhân. Khoảng một tuần trước cơn bão, các nhà khí tượng học đã cảnh báo cả nước rằng họ đang mong đợi cơn bão lớn nhất kể từ khi bắt đầu ghi chép về bão hơn 100 năm trước. Các công tác chuẩn bị đã được thực hiện trên khắp cả nước bao gồm nhiều hòn đảo nhỏ nơi người dân kiếm sống bằng nghề đánh cá hoặc trồng rau. Liên hợp quốc mô tả những cộng đồng này là đang sống trong cảnh nghèo đói cùng cực vì trẻ em có rất ít cơ hội được đến trường, không có dịch vụ chăm sóc sức khỏe chính thức và thu nhập phần lớn phụ thuộc vào điều kiện đánh bắt cá.

Trên một hòn đảo, Tacloban, các nhân viên xã hội khuyến khích mọi người đi càng sâu vào đất liền càng tốt. Họ cũng sắp xếp với một người Philippines giàu có, người có một ngôi nhà nghỉ dưỡng bằng bê tông trên đảo, rằng người dân địa phương có thể tìm nơi trú ẩn trong ngôi nhà ba tầng của cô ấy. Rồi cơn bão ập đến.

Một thuật ngữ khí tượng mới đã được phát minh sau cơn bão này: 'bão dâng'. Thuật ngữ này mô tả cách biển bị gió nâng lên và giống như sóng thần, tràn vào đất liền. 80% sinh mạng đã bị mất ở Tacloban và các đảo đánh cá nhỏ khác khi sức gió 550 km/giờ khiến nước biển dâng cao. Trong ngôi nhà bê tông ba tầng, nước đầu tiên tràn vào tầng trệt khiến mọi người vô cùng hoảng loạn phải vật lộn để lên được tầng hai vốn đã đông đúc. Nước tiếp tục dâng cao.

Tôi được một nhân viên xã hội kể lại điều này khoảng hai tháng rưỡi sau cơn bão. Anh ấy vẫn còn bị sốc. Anh ấy ở trong tòa nhà bê tông và cố gắng sống sót bằng cách nhảy xuống sông từ tầng ba rồi bám vào đỉnh cột đèn. Những nhân viên xã hội sống sót đã chỉ cho tôi những chiếc lều do Liên hợp quốc và các cơ quan cứu trợ quốc gia cung cấp. Chúng được dựng trên đồng trống nát từng là nhà của họ được làm bằng tre và tôn cũ. Người dân địa phương phàn nàn về mùi hôi thối vì xác của những người thân yêu vẫn nằm trong lớp bùn, đồng trống nát và mảnh vỡ dưới chân họ. Mỗi ngày một trong những chiếc xe tải của Liên hợp quốc đến vào buổi trưa để phát thức ăn và nước uống trong khi mọi người chờ đợi, chìm đắm trong tổn thương, tự hỏi điều gì sẽ xảy ra với họ.

Những nhân viên xã hội Tacloban sống sót đã cố gắng làm việc với các nhà chức trách chịu trách nhiệm dọn dẹp. Người giám sát quá trình này là thị trưởng đảo và ông là chủ tịch của ủy ban chiến lược bao gồm các cơ quan viện trợ nước ngoài và Liên hợp quốc. Thị trưởng không quan tâm đến công tác xã hội và không thấy được sự liên quan của nó đến nhiệm vụ của mình trong việc cung cấp thức ăn cho những người sống sót. Cuối

cùng, ông đã giao cho họ một công việc là giúp mọi người lấy lại giấy tờ tùy thân vì tất cả những thứ như vậy đã bị cuốn trôi.

Một hòn đảo khác, Coran, cũng chịu những hậu quả tàn khốc như Tacloban, nhưng khi chứng kiến cả hai hòn đảo, thật khó tin. Đống đổ nát do nước biển dâng đã được dọn sạch. Chợ đã được xây dựng lại. Những cư dân sống sót đang xây nhà và lần đầu tiên, một ngôi trường.

Tôi hỏi những người làm công tác xã hội địa phương, *"làm sao có thể như vậy được?"*. Khi đến thẳng từ Tacloban, điều đó có vẻ không thể. Họ giải thích rằng một ngày sau khi nước rút, thị trưởng địa phương đã triệu tập một cuộc họp của cảnh sát, kỹ sư và nhân viên xã hội. Bà nói với các kỹ sư, *"Tôi cần một báo cáo về những con đường nào có thể được sửa chữa và mất bao lâu"*. Đối với cảnh sát, *"Tôi cần các anh ngăn chặn những kẻ buôn bán trẻ em lợi dụng sự dễ bị tổn thương của chúng tôi"* và đối với những người làm công tác xã hội, bà nói, *"Tôi cần các anh đánh giá xem ai trong cộng đồng có thể tham gia vào nhóm cứu hộ và phục hồi."*

Các nhân viên xã hội trả lời, *"Vâng thưa bà, tất nhiên rồi, nhưng chúng tôi có hai điều muốn hỏi bà. Chúng tôi biết rằng nhiều người ngoài sẽ đến giúp đỡ chúng ta trong những tuần tới, nhưng bà có thể đảm bảo rằng bất kỳ quyết định nào được đưa ra về những người sống sót sẽ bao gồm họ trong quy trình ra quyết định không?"*. Thị trưởng gật đầu và các nhân viên xã hội tiếp tục, *"Thưa bà, trong quá trình tái thiết sau thảm họa này, chúng ta có thể cố gắng làm cho mọi thứ tốt hơn so với trước đây không, để nâng cao tiêu chuẩn sống của mọi người?"*. Thị trưởng đồng ý.

Khi nghe điều này, tôi nhận thức sâu sắc về các nguyên tắc công tác xã hội mạnh mẽ đã được thúc đẩy và chấp nhận. *"Vậy, điều gì đã xảy ra tiếp theo?"*, tôi hỏi. Các nhân viên xã hội giải thích rằng trong vòng vài ngày, một số cơ quan quốc tế đã đưa ra các ngân sách và đề xuất. Ý tưởng của họ là cung cấp viện trợ nhân đạo, như tôi đã nhận thấy ở Tacloban. Nhưng các nhân viên xã hội đã can thiệp với sự hỗ trợ của thị trưởng. Họ đề xuất rằng các khoản tiền sẽ được sử dụng để tuyển dụng những người sống sót tại địa phương để có thể dọn dẹp đồng thời mang lại thu nhập cho người dân. Người ta đã nhất trí rằng tất cả người dân có thể kiếm được số tiền tương đương 5 đô la Mỹ mỗi ngày. Đây là một khoản tiền không tương đối với những người kiếm sống bằng nghề đánh cá. Đối với các cơ quan quốc tế, số tiền này hầu như không làm ảnh hưởng đến ngân sách của họ.

Sau khi đồng đổ nát được dọn sạch và chôn cất người chết, một cuộc tranh cãi đã nổ ra giữa một trong những cơ quan quốc tế và người dân. Cơ quan muốn người dân xây dựng lại làng mạc của họ trên đảo, tránh xa biển trong trường hợp một cơn bão khác ập

đến trong tương lai. Người dân đảo trả lời, "*Chúng tôi không ngốc đến vậy, chúng tôi biết rằng chẳng mấy chốc các ông sẽ ngừng trả cho chúng tôi 5 đô la một ngày và sau đó chúng tôi sẽ chẳng còn gì, nếu chúng tôi không thể quay lại nghề đánh cá. Để đánh cá, chúng tôi phải sống gần biển*". Các nhân viên xã hội đã khuyến khích người dân bảo vệ quan điểm của mình và tiếp tục nói chuyện với các cơ quan quốc tế. Sau hai tuần, một thỏa hiệp đã được tìm ra. Một vịnh nước đã được xác định có thể tiếp cận nhanh chóng đến vùng đất cao hơn, và người ta đã nhất trí rằng ngôi làng mới có thể được xây dựng tại nơi này. Một trong những tổ chức phi chính phủ quốc tế đã chỉ cho người dân cách xây dựng nhà ở cố định và việc xây dựng bắt đầu nhanh chóng bằng gỗ và các vật liệu khác từ các khu rừng trên đảo. Lần này sẽ không có tre ọp ẹp và khu định cư không chính thức bằng tôn cũ.

Khi tôi đến, dân làng đang xây dựng một ngôi trường. Họ chưa từng có một ngôi trường nào trước đây và đến nhờ tôi giúp đỡ. "*Chúng ta phải thuê một giáo viên*", họ nói, "*chúng ta nên tìm kiếm những phẩm chất gì ở một giáo viên?*".

Sau khi nói chuyện với những người sống sót ở cả Tacloban và Coran, rõ ràng là có ít triệu chứng chấn thương hơn đáng kể ở những người đã tiếp xúc với phương pháp tiếp cận công tác cộng đồng, mặc dù cả hai hòn đảo đều phải chịu cùng một sự tàn phá. Là một nhân viên xã hội, tôi đã chứng kiến điều này nhiều lần, khi mọi người tích cực trong quá trình phục hồi của chính họ và quá trình phục hồi của người khác, họ khỏe mạnh hơn và có khả năng xác định các giải pháp tốt hơn.

Những người làm công tác xã hội trên cả hai hòn đảo đều là những người có năng lực, tuyệt vời và có tinh thần cộng đồng, nhưng ví dụ này nhấn mạnh rằng khi chính quyền cho phép một cách tiếp cận công tác cộng đồng được triển khai, kết quả sẽ khác biệt đáng kể. Một năm sau chuyến thăm của tôi, tôi được biết rằng người dân Coran đã ngừng nhận được 5 đô la một ngày và họ đã xây dựng lại nhà mới, trường học và thuyền đánh cá. Nền kinh tế địa phương của họ đang bùng nổ khi khách du lịch bắt đầu quay trở lại và họ rất hài lòng với giáo viên mà họ đã thuê. Trở lại Tacloban, một năm sau, người dân vẫn sống trong những chiếc lều trên đồng cỏ nát và chờ đợi xe tải cứu trợ nhân đạo đến vào buổi trưa mỗi ngày.

Suy ngẫm: Bạn biết những dự án công tác cộng đồng nào ở nơi bạn sống? Bạn nghĩ những vấn đề nào có thể được giải quyết bằng cách tiếp cận công tác cộng đồng?

Trong các phần sau, chúng tôi trình bày hai 'viễn kiến vũ trụ' bản địa kết hợp cộng đồng trong sự hiểu biết của họ về cuộc sống và bản thể, đã được phổ biến thông qua Liên đoàn Quốc tế Nhân viên xã hội. Viễn kiến vũ trụ bao gồm các niềm tin,

kiến thức, giá trị và thực hành tạo thành một thế giới quan cho phép các nền văn hóa hình thành, nhận thức và diễn giải thế giới và vị trí của nó trong đó. Phát triển cộng đồng trong bối cảnh mà những viễn kiến vũ trụ này được thực hiện, là một can thiệp công tác xã hội phù hợp với các giá trị và văn hóa địa phương.

Ubuntu và công tác xã hội

‘Ubuntu’ là chủ đề toàn cầu cho nghề công tác xã hội năm 2021. Đây là một bước ngoặt trong công tác xã hội vì đây là lần đầu tiên một từ bản địa được sử dụng ở cấp độ cao nhất của thông điệp toàn cầu này. Phần đoạn này trình bày Ubuntu như một triết lý phát triển xã hội có thể củng cố lý thuyết và thực hành công tác xã hội trong các mục tiêu toàn cầu của nó là hỗ trợ các hệ thống bảo trợ xã hội và công lý xã hội của cộng đồng (Mayaka & Truell, 2021).

Có nhiều nhóm ngôn ngữ châu Phi khác nhau được sử dụng để mô tả Ubuntu. Tuy nhiên, trên phạm vi quốc tế, thuật ngữ Ubuntu là thuật ngữ được biết đến nhiều nhất. Thuật ngữ này được Nelson Mandela và Giám mục Desmond Tutu phổ biến như một triết lý hướng dẫn quá trình Hòa giải và Chân lý Nam Phi sau khi kết thúc chế độ phân biệt chủng tộc. Mugumbate & Chereni (2019) đã mô tả cách khái niệm chung về Ubuntu đã lan rộng khắp châu Phi cận Sahara và cách nó được gọi theo những cách hơi khác nhau trong các ngôn ngữ khu vực khác nhau. Ở đây, chúng tôi tập trung vào những điểm chung cốt lõi của triết lý Ubuntu trên khắp khu vực. Ubuntu coi một con người đích thực là một phần của thế giới rộng lớn hơn và quan trọng hơn các mối quan hệ, cộng đồng, xã hội, môi trường và tâm linh (Mayaka & Truell, 2021).

Ubuntu là một triết lý dựa trên các giá trị sống chung về công lý, trách nhiệm, bình đẳng, tính tập thể, sự liên quan, sự có đi có lại, tình yêu, sự tôn trọng, sự hữu ích, cộng đồng, sự quan tâm, sự đáng tin cậy, sự chia sẻ, sự tin tưởng, sự chính trực, sự vị tha và sự thay đổi xã hội. Nó nhấn mạnh rằng bản sắc của con người liên tục phát triển trong bối cảnh các mối quan hệ có đi có lại của họ với những người khác, và do đó, thông qua việc hỗ trợ và nuôi dưỡng những người khác, bản sắc và chất lượng cuộc sống của chính họ được nâng cao. Ubuntu tập trung vào tính bao trùm hòa nhập của mọi người trong một cộng đồng, trách nhiệm của họ đối với người khác và đối với sự an lành của môi trường để đảm bảo thành công cho chính họ và các thế hệ tương lai. Do đó, Ubuntu là vô tận

theo nghĩa là kiến thức và thực hành đã được truyền từ các thế hệ trước và áp dụng cho các thế hệ chưa chào đời; mọi thứ đều được kết nối. (ibid.).

Khi một nhân viên xã hội thực hành Ubuntu phải đối mặt với một vấn đề, anh/cô ấy không tìm cách phân tích nó thành các thành phần hoặc bộ phận, mà thay vào đó anh/cô ấy sẽ hỏi vấn đề nằm trong bối cảnh lớn hơn nào. Bản sắc và đóng góp của cá nhân không bị phủ nhận mà được coi là một phần của tổng thể. Một cá nhân thành công được định nghĩa là người cam kết hỗ trợ người khác một cách chính trực (ibid.).

Ubuntu mang đến cho thế giới những gì mà nền văn minh phương Tây không mang lại được. Nó xem xét con người ở mọi khía cạnh của cuộc sống. Do đó, nó có vị trí trong công tác xã hội. Khi áp dụng vào công tác xã hội, Ubuntu tượng trưng cho công tác xã hội nhân đạo, sử dụng các phương pháp nhân đạo để đạt được các mục tiêu của con người. Các nhân viên xã hội có trách nhiệm kép là chấp nhận Ubuntu và sử dụng các giá trị của Ubuntu để tác động đến đồng nghiệp và khách hàng của họ (Mugumbate & Nyanguru, 2013, tr.99).

Sự quan tâm trong việc tổng hợp các giá trị của Ubuntu trong hoạt động công tác xã hội không chỉ giới hạn ở các quốc gia Châu Phi. Liên đoàn Quốc tế Nhân viên xã hội từ khắp nơi trên thế giới và sự chấp nhận rộng rãi Ubuntu của công tác xã hội toàn cầu phản ánh rõ ràng sự quan tâm của nghề này trong việc làm giàu các nguyên tắc của riêng mình với các giá trị của người bản địa tập trung vào sự kết nối và tính có đi có lại.

Buen Vivir và công tác xã hội

Buen Vivir là chủ đề toàn cầu hiện tại của nghề công tác xã hội và là lần thứ hai một cách tiếp cận bản địa được nêu bật. Tiếp theo Ubuntu từ khu vực Châu Phi, IFSW đang thúc đẩy Buen Vivir. Nó xuất phát từ khái niệm bản địa của Châu Mỹ Latinh và có nghĩa là 'Cuộc sống tốt đẹp', dựa trên thuật ngữ *Sumak Kawsay* của người Kichwa (Amazon). Nó mời gọi chúng ta xem xét các xã hội loài người và môi trường của họ theo cách tích hợp, không theo thứ bậc, hay nói cách khác - một mối quan hệ đối tác với thiên nhiên. Nó truyền tải những hiểu biết về hạnh phúc vượt xa khái niệm đơn giản về an ninh cá nhân và kinh tế bằng cách đặt các khái niệm về cộng đồng và tập thể vào trung tâm. Nó cho phép thể hiện nhiều hình thức quan hệ, sự tham gia của công dân và sự phát triển của các hệ thống

sản xuất và phân phối thay thế, cho phép thế giới tự nhiên phát triển để xây dựng một tương lai công bằng hơn.

Do đó, nó cộng hưởng với các hoạt động và suy ngẫm của công tác xã hội, vì các nhân viên xã hội làm việc để thúc đẩy công lý xã hội và môi trường và dựa vào các phương pháp tiếp cận hợp tác khuyến khích và công nhận sự tham gia tích cực của các cá nhân vào quá trình ra quyết định về các chủ đề ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến họ.

Buen Vivir cung cấp hướng dẫn cho công tác xã hội về:

- o Áp dụng phương pháp tiếp cận toàn diện: Áp dụng phương pháp phân tích kết hợp các chiều phức tạp và đan xen – xã hội, văn hóa, kinh tế và môi trường để hiểu những thách thức mà cá nhân và cộng đồng phải đối mặt.

- o Thực hành lấy cộng đồng làm trung tâm: Bao gồm các phương pháp tiếp cận có sự tham gia để đảm bảo rằng các can thiệp thích nghi với văn hóa và bền vững.

- o Sự kết nối với thiên nhiên: Tích hợp các nguyên tắc về tính bền vững của môi trường vào thực hành công tác xã hội và ủng hộ các chính sách và thực hành thúc đẩy công lý và quản lý môi trường.

- o Năng lực văn hóa: Thúc đẩy ý thức của một công dân toàn cầu với quyền và trách nhiệm, nhưng có gốc rễ văn hóa, tôn trọng, công nhận và làm việc với bản sắc bản địa.

- o Nhấn mạnh vào các mối quan hệ và sự đoàn kết: Mở rộng sự đoàn kết với các thế hệ và thiên nhiên trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

- o Phê phán các mô hình phát triển của phương Tây: Phê phán các mệnh lệnh của tăng trưởng kinh tế gây bất lợi cho phúc lợi của con người và thiên nhiên cũng như các phương thức sản xuất và truyền bá kiến thức bá quyền.

- o Giao thoa: Thừa nhận tính giao thoa của các bản sắc và hệ thống áp bức để xác định và chủ đề hóa các bất công trong lịch sử.

o Thực hành vĩ mô: Lấy ví dụ từ sự tích hợp gần đây của khái niệm vào hiến pháp của Ecuador và Bolivia mang lại những gợi ý thú vị cho thực hành vĩ mô của công tác xã hội.

Thách thức trước mắt là đào sâu hiểu biết của nghề nghiệp về các thế giới quan bản địa và thế giới tâm linh như Ubuntu và Buen Vivir và tìm hiểu cách các giá trị của chúng có thể được điều chỉnh trong bối cảnh của các quốc gia có thu nhập cao hơn với nền kinh tế và nền dân chủ tự do và các hoạt động phúc lợi của họ, trong đó công tác xã hội được lồng ghép, để củng cố hoặc mở rộng các nguyên tắc hiện có của công tác xã hội, nhưng không lãng mạn hóa các nguyên tắc này.

Suy ngẫm: Ubuntu và/hoặc Buen Vivir có thể bổ sung cho các phương pháp và lý thuyết hiện có về công tác xã hội theo cách nào?

Ubuntu và/hoặc Buen Vivir có liên quan gì đến công tác xã hội trong bối cảnh quốc tế?

Ubuntu và/hoặc Buen Vivir có thể được áp dụng trong một dự án được chọn ở mức độ nào và đóng góp vào sự phát triển hơn nữa của dự án đó?

Kết luận

Việc tích hợp hai viễn cảnh vũ trụ (Tầm nhìn vũ trụ) này như một phần của chương trình nghị sự của nghề toàn cầu, cùng với những nỗ lực trong những năm gần đây của hai tạp chí chuyên ngành – *International Social Work* và *African Journal of Social Work* – đã giới thiệu về công tác xã hội ở các quốc gia phía Nam có thu nhập thấp đã đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc học tập rộng rãi của nghề. Điều này không chỉ có liên quan đến việc giải quyết hồ sơ xuất bản không cân bằng của nghề, mà còn đối với những người làm công tác xã hội ở các quốc gia có nhiều nguồn lực hơn để tìm hiểu về công tác cộng đồng và xem xét những lợi ích đối với bối cảnh thực hành của họ, ngoài công tác cộng đồng dành cho thanh thiếu niên.

Do đó, ngày càng có nhiều sự công nhận ở các quốc gia có hệ thống phúc lợi có nguồn lực dồi dào về quyền của công chúng để tiếp nhận các phương pháp tiếp cận công tác cộng đồng ngoài các dịch vụ cá nhân hóa mà họ đã nhận được. Ví dụ, các nhà thực hành công tác xã hội Phần Lan và những người khác đã vận động

thành công để công tác xã hội hướng đến cộng đồng và tiếp cận cộng đồng trở thành một phần của Đạo luật Phúc lợi Xã hội của họ. Từ tháng 7 năm 2023 trở đi, phần mới của Đạo luật nêu rõ rằng, “*Cư dân của lĩnh vực phúc lợi phải được tiếp cận với công tác xã hội định hướng đến cộng đồng*”. Đạo luật mới mô tả lý do tại sao công tác cộng đồng lại quan trọng:

Công tác xã hội định hướng đến cộng đồng được cung cấp để đảm bảo sự hòa nhập xã hội và phúc lợi cũng như mối quan hệ tốt đẹp giữa người dân trong xã hội. Công tác xã hội hướng đến cộng đồng trong lĩnh vực phúc lợi được thực hiện thông qua sự hợp tác với cư dân trong khu vực và với các thành phố, tổ chức và giáo đoàn. (Truell, 2023).

Nhìn chung, phát triển cộng đồng là một phương pháp can thiệp được sử dụng rộng rãi trong công tác xã hội, nó dựa vào các nguồn lực trong cộng đồng để tạo điều kiện cho việc ra quyết định tự chủ, đoàn kết và chăm sóc. Vì các thành viên cộng đồng sở hữu kết quả của phát triển cộng đồng, nên các can thiệp này thường được coi là bền vững. Trong bối cảnh mà sự đoàn kết và khả năng phục hồi của cộng đồng là những hình thức chính của hệ thống bảo trợ xã hội, công tác xã hội phải hướng tới việc củng cố các hệ thống này thông qua sự hỗ trợ của nhà nước và công chúng.

Đọc thêm

Coates, J. (2009). *Công tác xã hội bản địa trên toàn thế giới: Hướng tới giáo dục và thực hành có liên quan đến văn hóa* (M. Gray, biên tập) (ấn bản lần thứ 1). Abingdon, Vương quốc Anh: Taylor Francis. [trực tuyến]. Có tại: <https://doi.org/10.4324/9781315588360>.

Cuốn sách này giải quyết câu hỏi: Làm thế nào công tác xã hội phương Tây chính thống có thể học hỏi và ngược lại giúp thúc đẩy thực hành bản địa và thảo luận một số xu hướng và vấn đề toàn cầu quan trọng nhất liên quan đến công tác xã hội bản địa và liên văn hóa. Những người đóng góp xác định những cách mà bản địa hóa đang định hình thực hành và giáo dục công tác xã hội chuyên nghiệp và xem xét cách công tác xã hội có thể giải quyết tốt hơn sự đa dạng trong các cuộc trao đổi quốc tế và các vấn đề liên văn hóa, trong và giữa các quốc gia.

DePaul. (n.d.). *Phát triển cộng đồng dựa trên tài sản: Bộ công cụ*. [trực tuyến]. Có tại: <https://resources.depaul.edu/abcd-institute/resources/Pages/toolkit.aspx>

Kho công cụ miễn phí này cung cấp các bài thuyết trình có sẵn và hướng dẫn để đào tạo về phát triển cộng đồng. Tài liệu chủ yếu liên quan đến cấp độ cộng

đồng dân cư như khu phố, ấp, xã, nhưng có thể điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh địa phương.

Goel, K. (2014). 'Hiểu về cộng đồng và phát triển cộng đồng. Định nghĩa khái niệm cộng đồng'. Trong: *Công tác cộng đồng: Lý thuyết, kinh nghiệm và thách thức*. Bengaluru, Ấn Độ: Ấn phẩm Niruta, trang 1-15.

Chương này cung cấp hiểu biết cơ bản về các cách tiếp cận khác nhau đối với cộng đồng và phát triển cộng đồng, phân tích các yếu tố, chức năng và chiến lược và nguyên tắc. Chương sách giáo khoa này hữu ích để phát triển cơ sở khái niệm cho phát triển cộng đồng.

Klinenberg, E. (2020). *Cung điện cho người dân: Cơ sở hạ tầng xã hội có thể giúp chống lại bất bình đẳng, phân cực và sự suy thoái của đời sống công dân*. New York: Crown Publishing Group.

Cuốn sách này dẫn chúng ta đến việc phản ánh các điều kiện vật chất để phát triển vốn xã hội và cộng đồng. Tác giả lập luận về tầm quan trọng của cơ sở hạ tầng vật chất xã hội, chẳng hạn như thư viện để thúc đẩy xây dựng cộng đồng và gắn kết. Quan điểm này hữu ích trong việc xác định các nguồn lực cộng đồng về mặt không gian, vị trí và địa điểm mà mọi người coi trọng hoặc coi là tài sản công cộng để tập hợp, đòi lại hoặc bảo tồn.

Mayaka, B. & Truell, R. (2021). 'Ubuntu và tác động tiềm tàng của nó đối với nghề công tác xã hội quốc tế'. Trong: *Công tác xã hội quốc tế*, 64(5), trang 649–662. [trực tuyến]. Có tại: <https://doi.org/10.1177/00208728211022787>.

Trong bài viết này, các tác giả mô tả những nỗ lực của IFSW nhằm truyền bá tầm nhìn của Ubuntu để cung cấp thông tin cho hoạt động công tác xã hội.

Mayaka, B.; Uwhangana, C. & van Breda, A. (Biên tập) (2023). *The Ubuntu Practitioner: Social Work Perspectives*. Berne: International Federation of Social Workers. [trực tuyến]. Có tại: *The Ubuntu Practitioner: Social Work Perspectives – International Federation of Social Workers (ifsw.org)*.

Cuốn sách này là hướng dẫn toàn diện dành cho những người hành nghề công tác xã hội muốn áp dụng các nguyên tắc của Ubuntu vào công việc của mình. Ubuntu là một triết lý có nguồn gốc từ Châu Phi, nhấn mạnh đến sự kết nối và phụ thuộc lẫn nhau của tất cả chúng sinh và tầm quan trọng của cộng đồng và các mối quan hệ trong cuộc sống con người. Chúng tôi hy vọng rằng điều này sẽ

biến công tác xã hội thành thứ gì đó trân trọng tính nhân văn sâu sắc và chung của tất cả mọi người. Bạn có thể tải xuống cuốn sách miễn phí tại đây.

Công tác xã hội tại Ukraine, được IFSW ghi chép lại. [trực tuyến]. Có tại: <https://www.ifsw.org/social-work-in-ukraine/>

Khi có chiến tranh, người ta không thể trông cậy vào bất kỳ cơ sở hạ tầng hay dịch vụ nào, nhưng nguồn lực của cộng đồng là tất cả. IFSW đã ghi chép lại nhiều sáng kiến ra đời trong thời kỳ xung đột. Biên soạn liên tục này đại diện cho một nguồn tài nguyên thú vị về các nghiên cứu tình huống giúp chúng ta đánh giá cao các sáng kiến phát triển cộng đồng trong tình huống xung đột.

Van Norren, D. (2020). 'Các Mục tiêu Phát triển Bền vững được xem thông qua Tổng Hạnh phúc Quốc gia, Ubuntu và Buen Vivir'. Trong: *Các Thỏa thuận Môi trường Quốc tế: Chính trị, Luật pháp và Kinh tế*, 20(3), trang 431-458. [trực tuyến]. Có tại: <https://doi.org/10.1007/s10784-020-09487-3>.

Bài viết này cung cấp hiểu biết sâu sắc về ba thế giới quan khác nhau và cách chúng xây dựng trên sự hiểu biết về cộng đồng vì phúc lợi của con người và hành tinh. Những thế giới quan này được diễn đạt thông qua sự hiểu biết của họ về luật pháp, kinh tế và SDG để cho rằng 'chủ nghĩa hiện đại' phương Tây là nền tảng vững chắc cho sự hiểu biết chung về phát triển bền vững.

Yuval-Davis, N. (2006). 'Cảm giác thuộc về và chính trị của cảm giác thuộc về'. Trong: *Patterns of Prejudice*, 40(3), tr. 197–214. [trực tuyến]. Có tại: <https://doi.org/10.1080/00313220600769331>.

Trong bài viết này, tác giả trình bày một khuôn khổ phân tích để hiểu cảm giác thuộc về – nền tảng của cộng đồng – và lập luận về tầm quan trọng của khả năng và quyền tự do ngôn luận và sự công nhận của cảm giác thuộc về (chính trị của cảm giác thuộc về) để phát triển cảm giác thuộc về nuôi dưỡng quyền công dân văn hóa.

Bài tập giảng dạy

Mục đích của các bài tập là giúp học sinh nhận ra sự phức tạp của phát triển cộng đồng và sự cần thiết phải xem xét các bối cảnh, vấn đề và nguồn lực rất cục bộ. Có nhiều phương pháp để thúc đẩy phát triển cộng đồng như bối cảnh. Có thể huy động sự sáng tạo của học sinh!

(1) Cộng đồng và động lực của nó:

- Bài tập này hữu ích để phản ánh khái niệm về cộng đồng và động lực của nó:

- o Yêu cầu học sinh đứng thành vòng tròn và lấy một quả bóng len. Để một học sinh cầm sợi chỉ và ném bóng cho một học sinh khác. Mỗi lần một học sinh nhận được bóng, học sinh đó sẽ nói mình cảm thấy mình thuộc về cộng đồng nào. Quả bóng len di chuyển qua tay theo cùng một cách cho đến khi nó tạo thành một mảnh dẹt.

- o Mỗi học sinh sẽ đề cập đến một cộng đồng. Sau đó, điều quan trọng là phải thảo luận về các cộng đồng đã đề cập, cách chúng tương ứng với định nghĩa về cộng đồng và suy ngẫm về bản chất và cấu tạo của cộng đồng.

- o Những lợi ích chung, sự khác biệt hoặc xung đột là gì? Khi mảnh dẹt đã đứng, bạn có thể thảo luận về ý nghĩa của khi có một độ sợi chỉ trong tay của một học sinh (lãnh đạo?), sự căng thẳng trong mảnh dẹt, các mảnh rời, học sinh không cầm sợi chỉ (loại trừ), v.v.

(2) Sự phức tạp của phát triển cộng đồng:

- Bài tập sau đây hữu ích để suy nghĩ về sự phức tạp của phát triển cộng đồng và thường kết thúc bằng việc tạo ra nhiều câu hỏi hơn là câu trả lời:

- o Hãy lấy bất kỳ vấn đề nào trong cộng đồng của bạn và suy nghĩ về các bước lặp lại của phát triển cộng đồng đã đề cập ở trên.

- o Vấn đề là gì? Vấn đề đó liên quan đến ai? Ai hoặc cái gì có thể là một phần của giải pháp và tại sao?

- o Cộng đồng là ai, loại động lực nào vốn có trong cộng đồng đang được đề cập, làm thế nào để tập hợp họ lại với nhau và thông qua phương tiện nào?

- o Chúng ta có đang tạo ra các điều kiện công bằng cho sự tham gia không? Những công cụ và phương pháp nào có thể hữu ích?

(3) Các viễn cảnh vũ trụ phi phương Tây:

- Bài tập này liên quan đến các viễn cảnh vũ trụ phi phương Tây hữu ích để tách bản thân khỏi hoạt động thực hành của chính mình. Hãy lấy một can thiệp công tác xã hội đã biết trong bối cảnh của bạn và cố gắng suy nghĩ về một trong những viễn cảnh vũ trụ được trình bày ở trên:

- o Điều gì sẽ thay đổi, bạn sẽ lôi kéo hoặc loại trừ ai, bạn sẽ cần những nguồn lực nào.

o Kết quả mong đợi sẽ phù hợp với viễn cảnh vũ trụ là gì?

o Bài tập này đã thay đổi nhận thức của bạn về sự can thiệp và những khả năng mà nó tiết lộ như thế nào?

Bài học kinh nghiệm: Các bài tập này thường cho thấy sự phức tạp, nhưng cũng cho thấy khả năng phát triển cộng đồng. Chúng cũng đặt câu hỏi về khuynh hướng nghề nghiệp của nhân viên xã hội, khi một người bị kéo khỏi vị trí chuyên gia vào vị trí tạo điều kiện thuận lợi, trong đó chuyên môn về kinh nghiệm sống được công nhận ở những người tham gia. Sự liên quan của phát triển cộng đồng có thể được mở rộng ra ngoài các địa điểm can thiệp thông thường (ví dụ: công tác xã hội với thanh thiếu niên – làm thế nào để có thể mở rộng hơn nữa vào cộng đồng, các vấn đề chính sách có liên quan là gì, v.v.

Chương 6

Công tác xã hội sinh thái

Swetha Rao Dhananka

Tổng quan

Các mối quan tâm về môi trường cùng với phúc lợi của cộng đồng ngày càng được đưa vào chương trình nghị sự của nghề công tác xã hội, dựa trên sự công nhận ngày càng tăng rằng các cộng đồng dễ bị tổn thương về mặt xã hội có nguy cơ cao hơn phải chịu bất công về môi trường. Vì vậy, khi nghề này phải đối mặt với các cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội và sinh thái giao thoa hiện tại ảnh hưởng đến các nhóm dân số dễ bị tổn thương, dựa trên nguyên tắc công lý xã hội, thì nghề này buộc phải tham gia vào các hoạt động hỗ trợ công lý xã hội sinh thái.

Trong khi các mối quan tâm về sinh thái - xã hội hiện đã được xác lập trong tài liệu về công tác xã hội, giáo dục và thực hành công tác xã hội vẫn chưa có bước tiến, đặc biệt là ở các quốc gia có thu nhập cao, nơi ít cộng đồng phụ thuộc vào tài nguyên môi trường để kiếm sống. Đây là một số câu hỏi nảy sinh trong lớp học xung quanh công tác xã hội - sinh thái.

Công tác xã hội có liên quan đến bất công về khí hậu và môi trường không? Những bất công này không liên quan đến các quốc gia có thu nhập thấp sao? Công tác xã hội không phải là về xã hội sao? Các mối quan tâm về môi trường có được giải quyết bởi các ngành nghề khác không? Nếu công tác xã hội cần thay thế để giải quyết các vấn đề về môi trường, thì vai trò của nó là gì? Những cơ hội và thách thức để tích hợp các hoạt động sinh thái - xã hội vào công tác xã hội là gì và chúng là gì?

Trong khi nhiều sinh viên đam mê về tình trạng khẩn cấp về khí hậu và có nhận thức cao về môi trường, họ lại gặp khó khăn trong việc diễn đạt mối liên hệ giữa công tác xã hội như một nghề nghiệp và các câu hỏi liên quan đến cuộc khủng hoảng môi trường. Đặc biệt liên quan đến công tác xã hội trong bối cảnh thể chế hóa và quản lý trường hợp, các mối liên hệ không rõ ràng và vẫn chưa được nêu rõ và hiểu rõ. Để giải quyết những câu hỏi mở này, chúng tôi đặt ra các mục tiêu học tập sau:

Mục tiêu học tập

- Làm quen với chương trình nghị sự SDG và hiểu một số tiền đề lý thuyết cho hoạt động công tác xã hội sinh thái khi đối mặt với bất công xã hội và môi trường.
- Xác định vai trò và đóng góp của công tác xã hội để đối mặt với những thách thức sinh thái-xã hội này
- Xác định các năng lực công tác xã hội chính cho hoạt động công tác xã hội sinh thái.
- Làm quen với các cam kết của IFSW nhằm thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững và do đó thúc đẩy một thế giới sinh thái-xã hội thông qua công tác xã hội.
- Phát triển trí tưởng tượng phong phú hơn về những gì mà hoạt động công tác xã hội sinh thái có thể bao gồm và xác định các mối đe dọa và cơ hội cụ thể đối với việc thúc đẩy hoạt động công tác xã hội sinh thái trong bối cảnh địa phương.

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG)

Việc sử dụng cả hai thuật ngữ - 'bền vững' hoặc 'phát triển bền vững' - không phải luôn rõ ràng. 'Bền vững' gợi lên ý tưởng rằng có những giới hạn đối với việc khai thác tài nguyên, trong đó các giới hạn của tài nguyên hành tinh phải được tôn trọng với nhận thức rằng "không có hành tinh B" (Bottici, 2021, tr.144). 'Phát triển bền vững' được coi là quá trình sẽ dẫn đến mục đích đó, vẫn nhấn mạnh vào nhu cầu tăng trưởng kinh tế (Peeters, 2012) - một mâu thuẫn về mặt thuật ngữ, nếu hoạt động kinh tế tiếp tục khai thác và bóc lột tài nguyên thiên nhiên và con người.

Rõ ràng là các cấu hình tân tự do, tư bản hiện tại không thể mang lại tính bền vững và hiện đang nuôi dưỡng những 'cuộc khủng hoảng bất bình đẳng' này, cản trở. Công tác xã hội xanh được Dominelli phổ biến (2018) thách thức chủ nghĩa tân tự do trên hai mặt trận. Đầu tiên, như một lực lượng kinh tế và chính trị xã hội định hình và phá bỏ bối cảnh chăm sóc thông qua việc ưu tiên tăng trưởng kinh tế. Thứ hai, chủ nghĩa tân tự do như một lực lượng văn hóa khuyến khích các

khôn khổ về sự hài lòng của người tiêu dùng cá nhân hơn là chăm sóc hành tinh (Deepak & Mathbor, 2023).

Trong khi chủ nghĩa tân tự do thúc đẩy phát triển xanh dựa trên chủ nghĩa hiện đại phương Tây, nó thể hiện sự tăng trưởng tuyến tính và tư duy dựa trên kết quả thay vì tư duy theo chu kỳ và quy trình (van Norren, 2020). Một trí tưởng tượng thay thế về hợp tác kinh tế bền vững phải được vun đắp để đưa chương trình nghị sự tiến lên.

Khái niệm 'phát triển bền vững' có ý nghĩa rất lớn ngày nay khi cộng đồng thế giới cùng nhau thống nhất về chương trình nghị sự năm 2030 nhằm giải quyết tình trạng đói nghèo đồng thời với các vấn đề môi trường nhằm tạo ra một thế giới công bằng và đáng sống cho tất cả mọi người trở nên phù hợp hơn nhiều với tư cách là một vấn đề toàn cầu mang tính thời sự -bao gồm cả các thể hệ hiện tại và tương lai' (ibid.). Có một ý tưởng mang tính cách mạng đằng sau chương trình nghị sự 2015-2030 - cụ thể là, tất cả chúng ta cần phải phát triển! Điều này bao gồm những người nghèo nhất và giàu nhất, và tất cả các quốc gia trên thế giới. Trong khi các quốc gia thu nhập thấp cần nâng cao và phát triển các điều kiện và ngưỡng xã hội của họ, thì các quốc gia thu nhập trung bình và cao phải giảm lượng khí thải carbon và các hoạt động gây hại khác cho môi trường gây nguy cơ cho sự tiến hóa của các nguồn tài nguyên hành tinh và khí hậu đang thay đổi nhanh chóng. Khi những rủi ro ngày nay được toàn cầu hóa, chương trình nghị sự cần đưa ra yêu cầu phát triển cùng nhau khi xem xét đến thực tế của địa phương và sự phụ thuộc lẫn nhau trên toàn cầu - đây là nơi mà chiều kích quốc tế rất quan trọng để xem xét, ngay cả khi các sáng kiến được thực hiện tại địa phương.

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) là một tập hợp gồm 17 mục tiêu tổng quát và 169 mục tiêu cụ thể được Liên hợp quốc thông qua vào năm 2015 như một phần của Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững. Các SDG đại diện cho một sự thay đổi đáng kể so với các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG) trước đây, vì chúng không chỉ tập trung vào giảm nghèo đói, mà còn giải quyết các vấn đề như tính bền vững của môi trường, bình đẳng giới và công lý xã hội. Các mục tiêu bao gồm một loạt vấn đề to lớn, bao gồm đói nghèo, y tế, giáo dục, bình đẳng giới, nước sạch và vệ sinh, năng lượng sạch và giá cả phải chăng, công việc tử tế và tăng trưởng kinh tế, công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng, giảm bất bình đẳng, các thành phố và cộng đồng bền vững, tiêu dùng và sản xuất

có trách nhiệm, hành động vì khí hậu, cuộc sống dưới nước, cuộc sống trên cạn và hòa bình, công lý và các thể chế mạnh mẽ.

Mỗi quốc gia hiện phải tự tạo ra con đường riêng cho mình hướng đến tương lai bền vững, trong đó các ranh giới sinh học vật lý không bị vi phạm và các ngưỡng xã hội được đạt được (báo cáo Tương lai là hiện tại, Liên hợp quốc, 2019). Báo cáo tổng hợp năm 2019 cho thấy không có quốc gia nào hầu như không vi phạm các ranh giới sinh học vật lý bằng cách đạt được các ngưỡng xã hội cao. Điều này cho thấy thế giới không chỉ cần thay đổi và thích nghi, mà còn cần chuyển đổi sâu hơn để đạt được hoạt động của con người trong các ranh giới sinh học vật lý bằng cách đạt được các ngưỡng xã hội cao. Các mối quan hệ sâu sắc và phức tạp hơn giữa các Mục tiêu Phát triển Bền vững được thể hiện trong các silo, cần được hiểu theo nghĩa sự đánh đổi và lợi ích chung. Các nhân viên xã hội phải nhận thức được những phức tạp này trong một thế giới sinh thái-xã hội để đóng góp một cách hợp lý vào cuộc chiến chống lại bất công xã hội và môi trường.

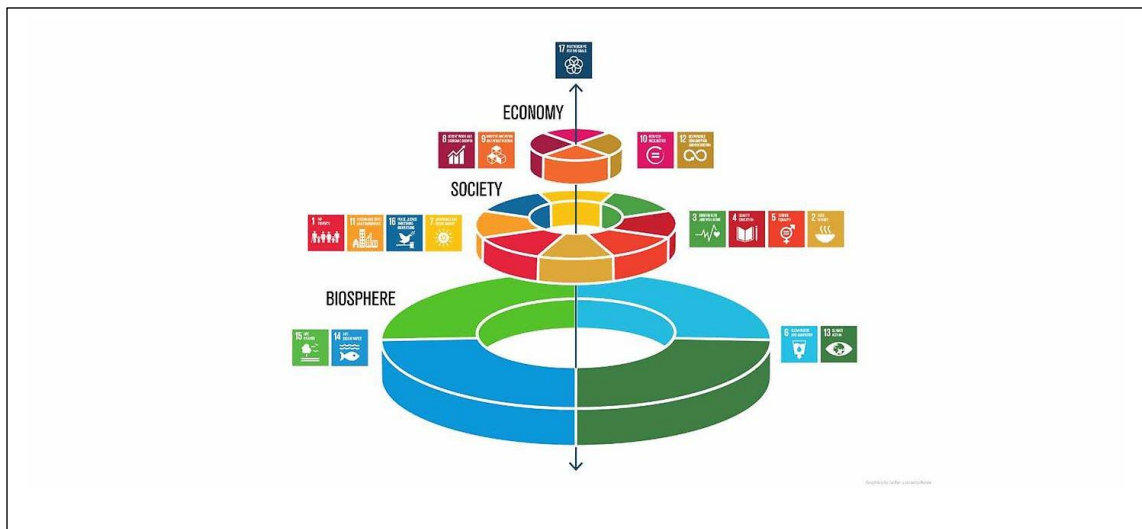


Figure 4: The SDG's Wedding Cake. Source: <https://www.stockholmresilience.org/research/research-news/2016-06-14-the-sdgs-wedding-cake.html>

Mô hình hình bánh rán (phía trên) mô tả vòng tròn bên trong và bên ngoài của chiếc bánh rán phân định ranh giới ngưỡng sinh học và xã hội của các hoạt động. Những ranh giới này được xếp chồng lên nhau như một chiếc bánh cưới, vì nó ưu tiên các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) là cơ sở cho sự sống còn của hành tinh ở phía dưới – các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) liên quan đến sinh quyển (SDG 15, 14, 6, 13). Chỉ khi những mục tiêu này được đảm bảo, các Mục

tiêu Phát triển Bền vững (SDG) liên quan đến xã hội mới có thể tồn tại và đạt được (SDG 1, 11, 16, 7, 3, 4, 5, 2). Lớp trên cùng của chiếc bánh cưới liên quan đến nền kinh tế (SDG 8, 9, 10, 12). Chiếc bánh cưới được giữ chặt với nhau thông qua các mối quan hệ đối tác có ý nghĩa (SDG 17).

Sự liên quan của SDG với công tác xã hội

SDG rất quan trọng đối với công tác xã hội vì chúng cung cấp một khuôn khổ để hiểu và giải quyết những thách thức phức tạp về **xã hội, kinh tế và môi trường** mà các cộng đồng trên toàn thế giới phải đối mặt. Một trong những nguyên tắc chính của SDG là ý tưởng **không bỏ lại ai phía sau**. Điều này có nghĩa là các mục tiêu phải đạt được đối với tất cả mọi người, bất kể thu nhập, giới tính, độ tuổi, chủng tộc, dân tộc hay bất kỳ yếu tố nào khác. Nhân viên công tác xã hội được đào tạo để làm việc với nhiều nhóm dân cư khác nhau và hiểu các yếu tố phức tạp và giao thoa góp phần gây ra bất bình đẳng và loại trừ xã hội. Bằng cách thúc đẩy sự hòa nhập và đảm bảo rằng tiếng nói của các nhóm thiểu số được lắng nghe, nhân viên công tác xã hội có thể giúp đảm bảo rằng các SDG được đạt được theo cách công bằng và bền vững.

Tuy nhiên, điều quan trọng là phải nhắc nhở bản thân rằng các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) được tạo ra thông qua **phương pháp tiếp cận từ trên xuống** với sự tham gia của các chính phủ, tổ chức quốc tế và các bên liên quan khác. Tuy nhiên, các nhân viên xã hội có thể tham gia với cộng đồng từ dưới lên để truyền đạt nhu cầu, ưu tiên và thách thức cụ thể của họ. Các cộng đồng có thể không quen thuộc với Các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) hoặc họ có thể sử dụng thuật ngữ khác nhau để mô tả các vấn đề, nguyện vọng và ưu tiên của mình. Do đó, các nhân viên xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc giúp cộng đồng trở thành một phần của chương trình nghị sự toàn cầu này và tạo điều kiện cho sự thay đổi xã hội tích cực. Bằng cách tham gia với mọi người và cộng đồng của họ, các nhân viên xã hội có thể thu hẹp khoảng cách giữa các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) và nhu cầu của địa phương, đảm bảo rằng các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG) được chuyển thành các hành động có ý nghĩa giải quyết các vấn đề mà cộng đồng phải đối mặt.

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững cung cấp một khuôn khổ và một vốn từ vựng chung cho các nhân viên xã hội và các ngành nghề khác tham gia vào việc thúc đẩy chương trình nghị sự để giải quyết cuộc khủng hoảng khí hậu toàn cầu và

hướng tới việc tạo ra một xã hội công bằng và bình đẳng hơn. Bằng cách đưa các Mục tiêu Phát triển Bền vững vào hoạt động công tác xã hội, ngành nghề có thể thể hiện rõ sự đóng góp của họ vào việc thúc đẩy chương trình nghị sự, mà họ thực hiện thông qua công tác chăm sóc ở mọi cấp độ can thiệp.

Một mặt, báo cáo SDG mới nhất và nhiều báo cáo khác chỉ ra sự thất bại của chính trị, các mô hình hành vi của con người và việc thiếu quan hệ đối tác để thay đổi mang tính chuyển đổi. Mặt khác, kiến thức đa ngành về tác động của hoạt động của con người đối với hệ sinh thái hành tinh đã được thiết lập phần lớn. Câu đố tại hội nghị của Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội Liên hợp quốc (UNRISD) về các hợp đồng sinh thái-xã hội (2021) là: "*Chúng ta đã biết đủ, cần phải hành động*". Công tác xã hội có thể tham gia vào hành động như vậy để đưa các đối tác có liên quan lại với nhau và tạo điều kiện cho sự kết nối từ dưới lên với các biện pháp từ trên xuống.

Lý thuyết công tác xã hội để hiểu được thách thức sinh thái-xã hội

Một phân tích khái niệm liên quan đến các bài viết thảo luận về sự kết hợp giữa môi trường, tính bền vững và công tác xã hội của Ramsay & Boddy (2017), củng cố một cách độc đáo rằng trọng tâm lý thuyết của công tác xã hội phải thay đổi để bao gồm môi trường tự nhiên và vật lý (mở rộng khái niệm con người trong môi trường) để giúp những người thực hành nhận thức được mối quan hệ giữa con người trong thiên nhiên và môi trường xây dựng cũng như khả năng phá vỡ các hệ thống tự nhiên của họ. Để có thể thực hiện sự thay đổi này, những người làm công tác xã hội cần nhận thức được rằng các mối quan tâm xã hội liên quan đến nhà ở, bảo vệ trẻ em, đói nghèo và các tệ nạn xã hội khác đang trầm trọng hơn do suy thoái môi trường, điều này cần phải được tính đến. Các khái niệm và lý thuyết công tác xã hội giúp hiểu được những mối quan tâm này như sau:

Con người trong môi trường:

Khái niệm này nhận ra ảnh hưởng của các yếu tố đến chức năng của con người vượt ra ngoài phạm vi của cá nhân và biến môi trường xã hội thành mục tiêu thay đổi ngang bằng với con người trong môi trường. Môi trường thường được hiểu là các giao dịch của con người với các cấu trúc xã hội khác Con người trong môi trường:

Khái niệm này thừa nhận ảnh hưởng của các yếu tố đến chức năng của con người vượt ra ngoài

phạm vi của cá nhân và biến môi trường xã hội thành mục tiêu thay đổi ngang bằng với con người trong môi trường. Môi trường thường được hiểu là các giao dịch của con người với các cấu trúc xã hội khác (gia đình, trường học, phúc lợi, v.v.). Tuy nhiên, việc loại bỏ chiều kích vật lý và tự nhiên khỏi môi trường sẽ thúc đẩy lý luận cá nhân và sự ngắt kết nối với các mối quan hệ lớn hơn vốn rất quan trọng cần xem xét. Đây là nơi mà các vũ trụ học bản địa về sự tương tác với thiên nhiên rất hiệu quả vì chúng mở rộng khái niệm con người trong môi trường để bao gồm cả môi trường vật lý và tự nhiên.

Công lý môi trường:

Công lý môi trường xảy ra khi tất cả mọi người đều được hưởng mức độ bảo vệ môi trường cao như nhau và không có nhóm nào bị loại khỏi quyết định về môi trường, hoặc bị ảnh hưởng không cân xứng bởi các mối nguy hiểm về môi trường (Erickson, 2018). Công tác xã hội tham gia vào việc tạo ra và duy trì các hệ thống và mối quan hệ công lý. Việc theo đuổi công lý môi trường thu hút công dân vào các cuộc đấu tranh ở cấp địa phương và quốc tế vì nguồn lực kinh tế, sức khỏe và hạnh phúc, cũng như vào các cuộc đấu tranh giành tiếng nói chính trị và hiện thực hóa các quyền dân sự và nhân quyền (ibid).

Quan điểm về điểm mạnh:

Khái niệm nền tảng và trao quyền này trong hoạt động công tác xã hội nhằm tăng cường điểm mạnh ở cá nhân và cộng đồng, ngay cả trong những tình huống khó khăn nhất, có thể được mở rộng ra môi trường. Bằng cách yêu cầu cá nhân, gia đình và cộng đồng xác định những lợi ích mà họ được hưởng từ môi trường vật chất và tự nhiên của họ, sau đó biến những lợi ích này thành tài sản cho an sinh của họ sẽ tăng cường khả năng đối phó với khó khăn và thương tổn (ibid.).

Thực hành sinh thái - xã hội:

Các khối xây dựng cốt lõi của mô hình thực hành sinh thái - xã hội (Peeters, 2012) là: sức mạnh riêng, vốn xã hội, khả năng phục hồi và trao quyền (như thay đổi xã hội) được xem xét theo quan điểm hệ sinh thái có liên quan ở cấp độ vi mô, trung mô và vĩ mô. Các can thiệp công tác xã hội cấp cộng đồng vun đắp vốn xã hội, khả

năng phục hồi và trao quyền để mở rộng mối quan tâm và khuyến khích thay đổi hệ thống thông qua biện hộ vận động. Trong công tác xã hội, điều quan trọng là chuyển từ trọng tâm cá nhân sang trọng tâm xã hội - sinh thái rộng hơn.

Lợi ích chung:

‘Cộng đồng’ đại diện cho một sự sắp xếp mang tính thể chế giữa một nguồn tài nguyên, việc sử dụng của nó được quy định và một cộng đồng đưa ra các quy tắc của nó (Dhananka & Saldanha, 2021) và bắt nguồn từ công trình quan trọng của Ostrom về quản trị của cộng đồng trong quản lý tài nguyên thiên nhiên. Gibson-Graham, (2018) nhấn mạnh rằng các cộng đồng được hình thành thông qua quá trình ‘cộng đồng hóa’ (và ngược lại) và do đó đề xuất sử dụng cộng đồng hóa như một động từ. ‘Cộng đồng cộng đồng hóa’ tham gia vào một quá trình quan hệ bao gồm, 1) đàm phán quyền tiếp cận; 2) tạo ra các giao thức để sử dụng; 3) phân phối lợi ích; 4) chăm sóc; và 5) chấp nhận trách nhiệm. Động lực thúc đẩy một cộng đồng tham gia vào cộng đồng hóa là việc tạo ra một quan niệm chung về các phương án thay thế. Về mặt sơ đồ, việc khám phá một lối sống thay thế trước hết và quan trọng nhất là dựa trên sự phân đôi tưởng tượng giữa điều mong muốn và điều không mong muốn, sau đó thống nhất một cách tiến về phía trước dựa trên lợi ích chung (Hopkins, 2021).

Các nguyên tắc thiết kế cho việc chung, như được Ostrom nêu rõ năm 1990, trong Helfrich & Bollier (2015), mô tả tám cơ chế: Ranh giới về cách sử dụng; sự nhất quán về các quy tắc và điều kiện văn hóa; quyết định tập thể; giám sát người dùng và tài nguyên; chế tài có mức độ; giải quyết xung đột; sự công nhận và quản trị đa trung tâm nếu cần thiết.

Kỹ năng công tác xã hội để giải quyết tình trạng khẩn cấp về khí hậu

Công tác xã hội có thể can thiệp **bằng cách đi kèm các biện pháp thích ứng và giảm thiểu cho cộng đồng** về:

- o Hỗ trợ công tác xã hội trong các tình huống thiên tai để **thích ứng tự chủ**: Đó là để ứng phó với các tác động của khí hậu đã trải qua, mà không có kế hoạch tập trung rõ ràng hoặc có ý thức vào việc giải quyết biến đổi khí hậu.

o Phòng ngừa do công tác xã hội tổ chức để thích ứng trước: Thích ứng diễn ra trước khi tác động của biến đổi khí hậu được trải nghiệm (ibid.).

o Tạo điều kiện và đồng xây dựng do công tác xã hội lãnh đạo để thích ứng và các giải pháp thay thế được lập kế hoạch: Thích ứng là kết quả của quyết định chính sách có cân nhắc dựa trên nhận thức rằng các điều kiện đã thay đổi hoặc sắp thay đổi và cần có hành động để quay trở lại, duy trì hoặc đạt được trạng thái mong muốn (ibid.).

Công tác xã hội có thể can thiệp bằng cách **hỗ trợ cộng đồng khôi phục và bảo tồn môi trường và hệ thống sinh kế** dựa trên tài nguyên thiên nhiên thông qua:

o Thúc đẩy kiến thức bản địa và hợp pháp hóa kiến thức của cộng đồng về môi trường của chính họ.

o Hỗ trợ trong việc truyền đạt, huy động và vận động cho mối quan tâm của cộng đồng bị ảnh hưởng đến các cơ quan chức năng và những người có quyền lực.

o Tạo ra các biện pháp can thiệp công tác xã hội dựa trên thiên nhiên để giải quyết các vấn đề công lý xã hội và môi trường trong cộng đồng.

o Tạo điều kiện cho các quan hệ đối tác được hỗ trợ bằng cách cho phép lãnh đạo chính trị, các tổ chức, nguồn lực mà cộng đồng có thể tham gia vào việc ra quyết định liên quan đến họ để giúp xã hội phục hồi tốt hơn.

Nghiên cứu tình huống: 'Thiết kế lại một khu chợ đường phố ở Ấn Độ'

Nghiên cứu tình huống này được đặt trong bối cảnh đô thị ở Ấn Độ và đề cập đến việc thiết kế lại và đồng quản lý một khu chợ đường phố, là trái tim của cuộc sống cho những người bán hàng chính thức, những người bán hàng rong không chính thức, trung tâm cung cấp thực phẩm cho khách hàng trong khu phố và những người sùng đạo tham gia vào chuỗi hoạt động văn hóa và đền thờ trong khu vực. Khu chợ đường phố bán trái cây, rau và hoa kết hợp các mối quan hệ thế hệ và được biết đến là có chất lượng rất cao vì cư dân trong khu vực này xuất thân từ các tầng lớp xã hội và đẳng cấp trung lưu đến cao. Những người bán hàng rong không được tổ chức chính thức.

Mặc dù có một hiệp hội Dalit đã đăng ký trong khu vực, những người bán hàng tự nhóm theo các ngành nghề mà họ thực hành, nhưng không có hiệp hội đã đăng ký. Mọi ngành nghề bán hàng tự động (hoa, rau, trái cây và đồ nhựa) đều xác định được những người

bán hàng có kỹ năng lãnh đạo và sự tham gia, những người lên tiếng thay mặt cho những người bán hàng khác. Những người lãnh đạo này xuất thân từ những gia đình đã kinh doanh trong khu vực qua nhiều thế hệ, và do đó hiểu rõ về cấu trúc chính trị và xã hội, và cách đáp ứng thị hiếu của những khách hàng lâu năm.

Nhiệm vụ của dự án này được giao bởi một cơ quan hợp tác quốc tế công của một quốc gia châu Âu. Dự án đã thuê 'các nhà tư vấn quản lý thị trường' có sự tham gia của nhân viên một tổ chức phi chính phủ địa phương: một nhà hoạt động xã hội và môi trường, một nhà nghiên cứu được đào tạo về công tác xã hội và một nhân viên cộng đồng. Mục tiêu của nhiệm vụ này là phát triển một hệ thống quản lý chợ đường phố toàn diện đảm bảo sử dụng hiệu quả các cơ sở/dịch vụ chợ đường phố và đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người sử dụng chợ. Hệ thống này cuối cùng phải hoạt động như một khuôn mẫu để sao chép với các chợ đường phố đô thị đã thành lập ở những nơi khác trong thành phố và các thành phố khác.

Hệ thống quản lý chợ đường phố toàn diện sẽ dựa trên Mô hình quản lý chợ đường phố đã được các bên liên quan công và tư nhân nhất trí và đề xuất triển khai và sẽ được cung cấp cho các phòng ban liên quan trong Thành phố. Mô hình phải được thiết kế thông qua phương pháp có sự tham gia và phải kết hợp các tiêu chuẩn xã hội, vệ sinh, tính bền vững và giới toàn diện.

Để mô tả trường hợp này, trước tiên các chuyên gia tư vấn nhắm đến việc định hình thị trường đô thị như một tài sản chung, có thể liên quan đến SDG8 (việc làm tử tế & tăng trưởng kinh tế), SDG11 (thành phố và cộng đồng bền vững) và SDG12 (tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm). Điều này cho phép họ đưa những căng thẳng xung quanh những người bán hàng rong và những người bán hàng rong chiếm giữ không gian đô thị một cách không chính thức vào bối cảnh và tập trung vào những thành viên bán hàng rong như một cộng đồng 'chung', những người nắm giữ cổ phần trong việc thiết kế lại không gian đô thị và tất cả đều nên tham gia vào quá trình ra quyết định. Cộng đồng bán hàng rong này bị chia rẽ sâu sắc trên nhiều mặt trận: theo ngành nghề, theo hình thức, theo giới tính, theo đảng phái chính trị và theo thâm niên hiện diện trên thị trường đô thị.

Trong khi sự can thiệp của chúng tôi nhằm tạo ra các điều kiện bình đẳng để cộng đồng có thể tự thể hiện, những người bán hàng rong không chính thức đã lên tiếng, nhưng tiếng nói của họ có trọng lượng khác nhau trong mắt của những chủ cửa hàng và viên chức đã thành danh. Cơ quan hợp tác quốc tế đã đưa ra cơ hội để khơi dậy trí tưởng tượng thay thế, vì họ còn ngân sách để thực hiện chuyến thăm khám phá đến Chợ Mẹ (Ima Keithel) ở Manipur – một thành phố ở Đông Bắc Ấn Độ – với một phái đoàn gồm 15 người bao gồm các nhà tư vấn, viên chức, người bán hàng và những người bán hàng rong. Khu chợ này trước đây đã được trình bày như một ví dụ về một khu chợ đường

phổ tự quản, một phần dành cho người đi bộ trong một đánh giá toàn cầu về các thị trường.

Ima Keithel là một không gian huyền thoại. Nó hoạt động như một không gian chính trị, giáo dục và kinh doanh. Ima Keithel kết hợp các sắp xếp thể chế cùng với các mục tiêu tự xác định và được điều hành bởi nhiều thể hệ chỉ đơn thuần là phụ nữ. Thị trường neo giữ nền kinh tế địa phương. Trong nhiều năm, quyền lực chính trị tập thể và tầm quan trọng về kinh tế của phụ nữ đã phát triển thông qua không gian thị trường và đã trở thành một lực lượng chủ đạo trong việc trở thành động lực kinh tế xã hội của khu vực. Là một không gian thị trường, nó cung cấp cho toàn bộ khu vực sinh kế, thúc đẩy nhiều nền kinh tế địa phương bằng cách mở rộng cho họ một trung tâm khách hàng để bán các sản phẩm nông nghiệp và thủ công của họ cũng như nguyên liệu thô (Dhananka & Saldanha, 2021).

Trong chuyến thăm, trong một cuộc trao đổi với các nữ lãnh đạo của chợ, những người bán hàng rong đã thấy một sự thay thế cho trải nghiệm hàng ngày của họ khi bị coi thường là những người phụ nữ 'bán hàng rong'. Họ ngưỡng mộ cách các nữ lãnh đạo ăn mặc, sự tôn nghiêm và tự tin khi họ nói chuyện và cách họ duy trì tổ chức của chợ mạnh mẽ như vậy và nền kinh tế địa phương phát triển mạnh mẽ đến mức ngay cả các chính trị gia nam địa phương cũng phải tuân theo các quy tắc của họ. Nói cách khác, họ đã xóa bỏ định kiến của mình về việc là 'những người phụ nữ bán hàng rong nghèo khổ' và tái định vị trí tưởng tượng của họ với ý tưởng trở thành những người phụ nữ bán hàng rong có phẩm giá, những người tự định hướng sự phát triển của mình.

Sự phơi bày này đã khơi dậy ở những người phụ nữ ở khu chợ đường phố lòng can đảm để tự tổ chức thành một hiệp hội bán hàng rong, để nhà nước có thể nhìn thấy và nói lên tiếng nói chung để tham gia và cùng quyết định về việc thiết kế lại và quản lý khu chợ tại thành phố của họ. Trong khi sự can thiệp của các cố vấn quản lý chợ/nhân viên NGO tuân thủ theo cách tiếp cận chung (trong các nguyên tắc thiết kế), thì sự yêu mến đối với những người ít đặc quyền đặc lợi hơn là chìa khóa để tham gia.

Suy ngẫm: Đây là những ưu tiên của SDG tại nơi bạn sinh sống? Những sáng kiến nào nhằm thúc đẩy chương trình nghị sự SDG tại thành phố hoặc khu vực bạn sinh sống?

Các nhân viên xã hội tại quốc gia của bạn nhận thức được mức độ nào về chương trình nghị sự SDG và đóng góp của họ vào chương trình nghị sự này?

• Họ có quan tâm đến SDG (nếu họ biết về chúng) không?

- **Họ có đưa chúng vào hoạt động của mình không?**

Kết luận

Trong chương này, chúng tôi đã xác định vai trò và đóng góp của công tác xã hội vào việc thúc đẩy các Mục tiêu Phát triển Bền vững và một thế giới sinh thái-xã hội thông qua việc khái niệm hóa các thực hành sinh thái-xã hội. Cơ sở kỹ năng của công tác xã hội được điều chỉnh hoàn hảo và có thể chuyển giao cho mục đích này bằng cách áp dụng sáng tạo các kỹ năng công tác xã hội hiện có vào các khái niệm về môi trường. Các kỹ năng bao gồm: trao quyền, xây dựng nhóm, phát triển cộng đồng, quản lý, năng lực văn hóa và thực hành chống áp bức, đánh giá nhiều cấp độ, can thiệp toàn diện và thực hành xây dựng mối quan hệ.

Sự cởi mở trong thái độ đối với các giá trị khác nhau, và cách tồn tại, hành động và nhìn nhận cho phép thay đổi thực hành, lý thuyết và giá trị để kết hợp với môi trường tự nhiên (Ramsay & Boddy, 2017). Có những cơ hội để học hỏi từ tâm linh và kiến thức bản địa như Ubuntu và Buen Vivir, để kết hợp môi trường tự nhiên vào giáo dục công tác xã hội, để đánh giá cao giá trị công cụ và bản sinh của sự sống không thuộc con người, để phê phán sự bá quyền và quan trọng là để làm việc trong các nhóm đa ngành.

Những người làm công tác xã hội tham gia từ cấp độ trung mô đến vĩ mô, trong bối cảnh địa phương và quốc tế, có kỹ năng tổ chức cộng đồng, tạo điều kiện, vận động biện hộ và chăm sóc để hỗ trợ cộng đồng đấu tranh chống lại bất công về môi trường và đóng vai trò quan trọng trong việc cùng nhau xây dựng các khả năng thay thế dẫn đến lối sống sinh thái-xã hội hơn.

Đọc thêm

Androff, D. & Damanik, J. (Biên tập viên). (2023). *Sổ tay quốc tế về Phát triển xã hội, Công tác xã hội và Mục tiêu phát triển bền vững*. New York: Routledge.

Sổ tay này nêu bật những người thực hành phát triển xã hội, chẳng hạn như nhân viên xã hội là chìa khóa để thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững và xem xét cách các Mục tiêu phát triển bền vững đang được thực hiện trong nhiều bối cảnh khác nhau. Sổ tay mở rộng tài liệu hiện tại bằng cách tập trung vào các địa điểm chính trên khắp Nam bán cầu và nêu bật những tiếng nói chưa được đại diện từ Châu Phi, Châu Á và Châu Mỹ

Latinh, vì những khu vực này cực kỳ quan trọng để đánh giá các Mục tiêu phát triển bền vững nơi các dự án phát triển xã hội sáng tạo đang diễn ra và nơi các nhân viên xã hội đang đóng vai trò hàng đầu trong việc đạt được các Mục tiêu phát triển bền vững. [trực tuyến]. Có tại: <https://www.taylorfrancis.com/books/edit/10.4324/9781003177265/routledge-international-handbook-social-development-social-work-sustainabledevelopment-goals-david-androff-janianton-damanik>

Dominelli, L. (2012). *Công tác xã hội xanh. Từ khủng hoảng môi trường đến công lý môi trường*. Cambridge, Malden, MA, Polity Press.

‘Công tác xã hội xanh’ là một tác phẩm có tính chất khai sáng, nghiên cứu mối quan hệ giao thoa giữa công tác xã hội và tính bền vững của môi trường. Xuất bản năm 2012, tác phẩm khám phá cách thức các nhân viên xã hội có thể đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề về môi trường và thúc đẩy công lý sinh thái - xã hội. Dominelli ủng hộ sự thay đổi mô hình trong hoạt động công tác xã hội tích hợp các mối quan tâm về môi trường vào các giá trị và nguyên tắc cốt lõi của nghề. Thông qua các nghiên cứu tình huống, cuốn sách xem xét cách các nhân viên xã hội có thể tham gia với cộng đồng để giải quyết các thách thức về môi trường và trao quyền cho các nhóm thiểu số bị ảnh hưởng không cân xứng bởi sự suy thoái và thảm họa môi trường.

Hopkins R. (2021). *Từ cái gì là đến cái gì nếu: Giải phóng sức mạnh của trí tưởng tượng để tạo ra tương lai mà chúng ta mong muốn*. London: Chelsea Green Publishing.

Cuốn sách này cung cấp một loạt các ví dụ trong các lĩnh vực khác nhau để khơi dậy trí tưởng tượng về tương lai thay thế và bền vững hơn. Các nhân viên xã hội là chìa khóa để tập hợp các cộng đồng lại với nhau để hình dung ra tương lai thay thế.

Ramsay, S. & Boddy, J. (2017). ‘Công tác xã hội môi trường: Phân tích khái niệm’. Trong: *Tạp chí Công tác xã hội Anh*, 47(1), trang 68-86. [trực tuyến]. Có tại: <https://doi.org/10.1093/bjsw/bcw078>

Phân tích khái niệm này rất hữu ích để xây dựng tổng quan về cách ‘môi trường tự nhiên’ đã len lỏi vào lý thuyết công tác xã hội và cách nó định

hướng cho thực hành và giáo dục. Bài viết xác định các thuộc tính và đặc điểm của công tác xã hội môi trường để phát triển định nghĩa hoạt động.

Raworth, C. (2018). *Kinh tế học bánh rán. Bảy cách để suy nghĩ như một nhà kinh tế học thế kỷ 21*. Random House. London.

Mặc dù không liên quan trực tiếp đến công tác xã hội, cuốn sách có ảnh hưởng này về kinh tế học đặt ranh giới cho sự đóng góp của công tác xã hội trong khái niệm 'bánh rán', đại diện cho không gian giữa các ranh giới hành tinh và nền tảng xã hội, nơi nhân loại có thể phát triển mạnh. Các nhân viên xã hội đóng vai trò then chốt trong việc duy trì và đạt được ranh giới xã hội trong bối cảnh này.

Liên hợp quốc (2019). *Tương lai là bây giờ: Khoa học để đạt được sự phát triển bền vững*. New York: Liên hợp quốc. [trực tuyến]. Có tại: https://sdgs.un.org/sites/default/files/2020-07/24797GSDR_report_2019.pdf

Đây là báo cáo tổng hợp nhiều báo cáo khác nhau về tình trạng của SDGs. Báo cáo bao gồm các đồ họa thú vị để hiểu về SDGs trong tính phức tạp của chúng, cũng như những tiến bộ toàn cầu (trước đại dịch), lợi ích của các bên tư nhân và các cải cách hệ thống cần thiết.

Các tài liệu chính sách quan trọng của IFSW:

Công tác xã hội và các Mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc (2021)

Tài liệu chính sách này nêu bật tầm quan trọng của các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) của Liên hợp quốc đối với hoạt động công tác xã hội và ủng hộ các nhân viên công tác xã hội tích cực tham gia vào việc đạt được các SDG. Có tại: <https://www.ifsw.org/social-work-and-the-united-nations-sustainable-development-goals-sdgs/>

Vai trò của nhân viên xã hội trong việc thúc đẩy một thế giới sinh thái xã hội mới (2022)

Chính sách này kêu gọi thay đổi hoạt động công tác xã hội theo hướng quan điểm sinh thái xã hội, công nhận sự phụ thuộc lẫn nhau của các hệ thống xã hội và sinh thái. Có tại: <https://www.ifsw.org/therole-of-social-workers-in-advancing-a-new-eco-social-world/>

Hiến chương Nhân dân vì một Thế giới Sinh thái - Xã hội (2022)

Đây là một văn bản sống và phác thảo tầm nhìn cho một thế giới bền vững và công bằng hơn. Đây là kết quả của hội nghị thượng đỉnh nhân dân vì một thế giới sinh thái - xã hội mới năm 2022, được IFSW đồng tổ chức sau đại dịch Covid-19. Có tại: <https://newecosocialworld.com/thepeoples-charter-for-an-eco-social-world/>

Bài tập giảng dạy

Trong khi tài liệu giảng dạy đầu tiên (bài kiểm tra) hữu ích để kiểm tra kiến thức của học sinh về SDG, tất cả các bài tập khác đều nhằm mục đích nâng cao nhận thức của học sinh về biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường theo thời gian và địa lý để phản ánh không chỉ những tác động sinh thái-xã hội mà còn cả sự đoàn kết bắc-nam cần phải hành động.

(1) Bài kiểm tra về tính bền vững:

Có tại: <https://www.un.org/en/academic-impact/unai-quiz-sustainability>

- Lấy bất kỳ loại thực phẩm nào, ví dụ như bánh quy sô cô la. Hãy nghĩ đến mọi thành phần trong đó, mọi người và quy trình cần thiết để sản xuất ra chiếc bánh quy và đưa nó đến tay bạn. Những điều kiện xã hội và môi trường nào có thể có để sản xuất ra chiếc bánh quy mà bạn đang cầm trên tay? Hãy nghĩ đến địa lý, thời gian, vốn và con người – toàn bộ chuỗi.
- Tổ chức các buổi học tập đồng đẳng trong một lớp học đa dạng về văn hóa và địa lý để hiểu biết và diễn giải cục bộ về các thách thức sinh thái - xã hội và phản ánh các vấn đề hàng ngày gắn liền với động lực học cấu trúc. Các điểm thảo luận ví dụ có thể là: Những thay đổi giữa các trải nghiệm hàng ngày / các hoạt động thực hành của bạn và các trải nghiệm hàng ngày/ các hoạt động thực hành của cha mẹ/ông bà bạn liên quan đến khí hậu (các mùa, lượng mưa, khả năng thích nghi có thể quan sát được, đối tượng bị ảnh hưởng nhiều nhất, v.v.), đa dạng sinh học (thói quen ăn uống, giỏ thức ăn, động thực vật, những thay đổi có thể quan sát được, chi phí nhập khẩu và môi trường, v.v.), chất thải đô thị (loại và số lượng chất thải, các hoạt động phân loại và quản lý, các vấn đề về giới và lao động, v.v.).

- Duyệt qua atlas công lý môi trường <https://ejatlas.org/> để biết các nghiên cứu điển hình và khám phá các trường hợp trong khu vực của bạn và thảo luận với các đồng nghiệp, nếu bạn biết về những vấn đề này và các trường hợp này liên quan đến công tác xã hội như thế nào.

(2) Phát triển một nghiên cứu tình huống:

Bài tập này nhằm mục đích phát triển một nghiên cứu tình huống để dạy về thực hành sinh thái - xã hội và trình bày trường hợp này dưới dạng một câu chuyện, sau đó là một bài tập dưới dạng làm việc nhóm: Ví dụ – ‘Di sản độc hại của Bangalore ngày càng trầm trọng’ (esgindia.org). Khám phá các trường hợp liên quan đến ô nhiễm môi trường (hoặc bất kỳ trường hợp nào mà khoa quen thuộc hoặc chọn một trường hợp được ghi chép từ atlas công lý môi trường).

- Mục đích của công việc nhóm:
 - o Xem xét mối liên kết giữa công lý xã hội và công lý môi trường thông qua một nghiên cứu tình huống.
 - o Lập bản đồ các cơ chế, kiến thức và yêu cầu kỹ năng cần thiết để tương tác với các cộng đồng bị ô nhiễm.
 - o Nêu rõ quan điểm của địa phương và toàn cầu để hỗ trợ các cộng đồng bị ô nhiễm.
- Làm việc nhóm về việc điền vào lưới (3 dòng x 4 cột):
 - o Dòng: vi mô, trung mô, vĩ mô.
 - o Cột: xác định các cơ chế trong nghiên cứu điển hình, ví dụ tác động của ô nhiễm lên cộng đồng (vi mô: sức khỏe cá nhân suy giảm do ô nhiễm, mất kế sinh nhai; trung mô: cộng đồng trở nên nghèo đói, sự gắn kết cộng đồng giảm sút, nguồn lực yếu kém để khiếu nại; vĩ mô: con đường ô nhiễm, sự bỏ bê của tổ chức).
 - o Yêu cầu về kiến thức liên ngành để hiểu các cơ chế, yêu cầu về kỹ năng/năng lực liên ngành để giải quyết các vấn đề, các biện pháp can thiệp và quan hệ đối tác để đưa ra giải pháp cho các vấn đề.

Điền vào lưới

Cấp độ phân tích	Cơ chế	Kiến thức cần thiết	Kỹ năng/trình độ cần thiết	Liên minh và can thiệp
Vĩ mô				
Trung mô				
Vi mô				

Bảng 1 : Mạng lưới nghiên cứu tình huống (Case study grid)

Bài học kinh nghiệm: Sinh viên công tác xã hội trong bối cảnh phương Tây nói chung hầu như không có nội dung nào liên quan đến công lý môi trường trong chương trình giảng dạy của họ. Mở rộng quan điểm của họ thông qua các bài tập này được cố định trong bối cảnh địa phương của riêng họ, nhưng được mở rộng để bao gồm toàn bộ chuỗi địa lý, thời gian và điều kiện xã hội-sinh thái cũng như các tương tác trong việc kết nối với các kỹ năng công tác xã hội, khiến họ suy ngẫm về những điều sau:

- o các mối quan hệ phụ thuộc phức tạp (cộng đồng, cơ quan, chính phủ, v.v.)
- o tính phù hợp và tính hợp pháp của vai trò công tác xã hội đối với công tác sinh thái-xã hội, và
- o tầm quan trọng của việc yêu cầu các bên liên quan khác nhau chịu trách nhiệm để có hành động có trách nhiệm hơn về mặt sinh thái-xã hội.

Chương 7

Lời kết

Eveline Amman Dula

Công tác xã hội như một nghề toàn cầu

Các chủ đề khác nhau được giải thích trong các chương của sổ tay hướng đến mục tiêu định vị công tác xã hội như một nghề toàn cầu và cung cấp cho sinh viên và người hành nghề một định hướng về các công cụ, phương pháp và cách tiếp cận trung tâm của công tác xã hội như một nghề toàn cầu. Sinh viên và người hành nghề, cũng như các học giả, nên được tạo điều kiện để ngữ cảnh hóa các bối cảnh chuẩn mực và địa phương tương ứng của công tác xã hội trong bối cảnh quốc tế và định hướng bản thân theo các nguyên tắc đạo đức chung của công tác xã hội. Điều này sẽ hỗ trợ họ trong việc đưa hoạt động thực hành, thách thức của riêng họ, cũng như các lý thuyết và phương pháp vào đúng góc nhìn và mở rộng tầm nhìn của họ cho các cách tiếp cận khác.

Những câu hỏi sau đây có thể hữu ích để suy ngẫm về hoạt động thực hành của riêng bạn:

- Tôi đóng góp đến mức nào vào Định nghĩa toàn cầu về Công tác xã hội?
- Tôi tuân thủ các nguyên tắc đạo đức của công tác xã hội trong công việc của mình, trong tổ chức của mình đến mức nào? Những nguyên tắc nào được đặt lên hàng đầu, những nguyên tắc nào có xu hướng bị bỏ qua?
- Tôi sử dụng kiến thức, phương pháp và khái niệm nào trong công việc của mình? Chúng đến từ đâu?
- Tôi có đưa kiến thức bản địa vào công việc của mình không? Kiến thức bản địa ảnh hưởng đến công tác xã hội trong bối cảnh của tôi như thế nào?
- Tôi biết gì về lối sống địa phương và các cấu trúc đoàn kết hiện có của những người tôi làm việc cùng?

- Những loại cấu trúc quyền lực quốc tế nào có thể liên quan đến công việc của tôi? Chúng ảnh hưởng như thế nào đến vị trí của tôi và những người tôi làm việc cùng?
- Những hình thức quyền lực nào có liên quan đến công việc của tôi? Tôi trao quyền cho người khác ở mức độ nào?
- Tôi đưa cộng đồng vào công việc của mình ở mức độ nào?
- Tôi tính đến khía cạnh sinh thái - xã hội ở mức độ nào?

Vấn đề là hiểu công tác xã hội như một nghề nghiệp nhận ra các cấu trúc quyền lực hiện có và khởi xướng cũng như dẫn dắt các quá trình thay đổi để vượt qua chúng. Công tác xã hội như một nghề nghiệp toàn cầu giúp giải quyết các hiện tượng và thách thức xuyên biên giới cùng nhau và giải quyết chúng trong sự hợp tác và hiểu biết lẫn nhau.

Để hướng tới sự hiểu biết chung về công tác xã hội bất chấp sự khác biệt giữa địa phương và quốc gia, điều quan trọng là tạo điều kiện cho sinh viên, người hành nghề và học giả công tác xã hội chia sẻ kinh nghiệm của họ và tham gia vào nhiều hình thức hợp tác và trao đổi:

- giữa các hình thức sản xuất kiến thức khác nhau như kiến thức học thuật và thực hành công tác xã hội
- giữa các cộng đồng và công tác xã hội
- giữa các bên liên quan có liên quan khác nhau ở cấp độ và bối cảnh địa phương, khu vực, quốc gia và quốc tế.

Chúng tôi đề xuất các hình thức hợp tác và trao đổi sau:

(1) Sử dụng các hình thức hợp tác và mạng lưới hiện có để trao đổi ý tưởng, khái niệm và phương pháp.

(2) Cùng nhau phát triển các dự án nghiên cứu, sử dụng các phương pháp – ví dụ các phương pháp như nghiên cứu hành động có sự tham gia hoặc cùng nhau phát triển các phương pháp, sổ tay hướng dẫn hoặc bài báo lập trường mới bằng cách sử dụng kiến thức thực tế và lý thuyết để giải quyết các thách thức hiện tại.

(3) Phát triển các hình thức trao đổi trực tuyến mới, chẳng hạn như hội thảo trên web để vượt qua khoảng cách địa lý và tránh chi phí đi lại.

Công tác xã hội như một nghề toàn cầu cần phải tìm hiểu các quan điểm, thực tế và phương pháp khác nhau để cùng nhau giải quyết các thách thức toàn cầu, để phát triển hơn nữa nghề nghiệp dựa trên thực hành, để tích hợp nhiều tiếng nói hơn vào việc tìm tòi đưa ra kiến thức nhằm thúc đẩy cùng nhau thay đổi và phát triển xã hội, gắn kết xã hội và trao quyền và giải phóng con người. Điều này bao gồm sự cần thiết phải tự giải phóng bản thân để tìm ra những cách thay thế để nhìn nhận, hiểu biết và cùng nhau xây dựng các giải pháp.

References

- Adams R. (1990). *Self-help, social work and empowerment*. London: Macmillan.
- Adams R. (2008). *Empowerment, participation and social work* (4th ed.). London: Palgrave Macmillan.
- Ammann Dula, E. (2019): »Familienleben transnational. Eine biographieanalytische Untersuchung einer Familie aus dem ehemaligen Jugoslawien«. Transcript. [online]. Available at: <https://doi.org/10.14361/9783839446072>.
- Androff, D. & Damanik, J. (Eds.). (2023). *The Routledge International Handbook of Social Development, Social Work, and the Sustainable Development Goals*. New York: Routledge. [online]. Available at: <https://doi.org/10.4324/9781003177265>.
- Batliwala, S. (1993). *Empowerment of women in South Asia: concepts and practices*. Asian-South Pacific Bureau of Adult Education, Freedom from Hunger Campaign, Action for Development. New Delhi, India, Colombo, Sri Lanka.
- Bhabha, H.K. (2004). *The Location of Culture*. (2nd ed.). New York: Routledge. [online]. Available at: <https://doi.org/10.4324/9780203820551>.
- Blank, B. (2018). 'Empowerment'. In: B. Blank, S. Gögercin, K. E. Sauer & B. Schramkowski (Eds.), *Soziale Arbeit in der Migrationsgesellschaft: Grundlagen – Konzepte – Handlungsfelder* (pp. 327–340). Springer Fachmedien. [online]. Available at: https://doi.org/10.1007/978-3-658-19540-3_27.
- Bodur, M. & Franceschet, S. (2002). *Movements, States and Empowerment: Women's Mobilization in Chile and Turkey*. New York: Routledge (pp. 112–132).
- Bottici, C. (2021). 'Ecofeminism as decolonial and transindividual ecology'. In: *(DES)TROCOS: Revista de Pensamento Radial*, 2(2). [online]. Available at: <https://doi.org/10.53981/destroos.v2i2.36735>.
- Calvès, A.-E. (2009). 'Empowerment: The History of a Key Concept in Contemporary Development Discourse'. In: *Revue Tiers-Monde* 200 (1. Jan. 2009).

Castro Varela María do Mar & Dhawan, N. (2005). *Postkoloniale Theorie: Eine kritische Einführung*, Bielefeld: Transcript Verlag. [online]. Available at: <https://doi.org/10.1515/9783839403372>.

Cavaliere, I. & Almeida, H. (2018). 'Power, Empowerment and Social Participation- the Building of a Conceptual Model'. In: *European Journal of Social Sciences Education and Research*. Vol.12 (Mar. 2018). [online]. Available at: <https://doi.org/10.26417/ejser.v12i1.p189-199>.

Dhananka, S.R.; Deepak, A. & Cordoba, S. (2023). *Social Work, People's Assemblies and the Creation of New Eco-Social Contracts*. *Social Work*. Prepared for the UNRISD project on Global Policy Seminar for a New Eco-Social Contract. Bonn, Germany: UNRISD. pp. 1-18. [online]. Available at: <https://cdn.unrisd.org/assets/library/papers/pdf-files/2023/dcp-rao-et-al-draft-paper-ready-for-web.pdf>.

Dhananka, S.R. & Saldanha, L. (2021). 'Imagining street-markets as urban commons: The mother's market in Manipur'. In: *The Urban Transcripts Journal*. Vol.4(2). [online]. Available at: <https://journal.urbantranscripts.org/article/imagining-street-markets-as-urbancommons-the-mothers-market-in-manipur-swetha-raodhananka-and-leo-f-saldanha/#>.

Dittfeld, T. (2020). 'Seeing White: Turning the postcolonial lens on social work in Australia'. In: *Social Work & Policy Studies: Social Justice, Practice and Theory*, 3(1). pp. 1-21.

DuBois B. & Miley K.K. (2014). *Social work: An empowering profession* (8th ed.). New York: Pearson.

Erickson, C.L. (2018). *Environmental Justice as social work practice*. Oxford, UK: Oxford University Press.

Freire, P. (1974). *Pedagogy of the Oppressed*. New York: Seabury Press.

Gibson-Graham, J.K.; Cameron, J. & Healy, S. (2018). 'Commoning as a postcapitalist politics'. In: *Releasing the Commons*, pp. 192–212. doi: 10.4324/9781315673172-12.

Goel, K. (2014). 'Understanding Community and Community Development'. In: *Community work: Theories, Experiences and Challenges*. India: Niruta Publications. (pp. 1-15).

Gray M. (2005) 'Dilemmas of international social work: paradoxical processes in indigenisation, universalism and imperialism'. In: *International Journal of Social Welfare*.14: pp. 231–238.

Healy, L. (2008). *International Social Work: Professional Action in an Interdependent World*. New York: Oxford University Press, second edition. ISBN13: 9780195301670.

Healy, K. (2012). 'Remembering, Apologies, and Truth: Challenges for Social Work Today'. In: *Australian Social Work*, 65(3), pp. 288–294. [online]. Available at: <https://doi.org/10.1080/0312407X.2012.705308>.

Healy, L. & Hall, N. (2007). 'International Organisations of Social Workers'. In Wagner, L. & Lutz, R. (Eds.). In: *International Perspectives in Social Work*. Frankfurt & London: Iko-Verlag für Interkulturelle Kommunikation IKO, 223-242. ISBN: 978-3-88939-875-8. [online]. Available at: <https://www.ifsw.org/wp-content/uploads/2021/12/Article-23.pdf>.

Helfrich, S. & Bollier, D. (2015). *Die Welt der Commons. Muster Gemeinsamen Handelns*. Heinrich-Böll Stiftung.

Hopkins R. (2021). *From what is to what If: Unleashing the Power of Imagination to Create the Future We Want*. London: Chelsea Green Publishing.

Ife, J. & Fiske, L. (2006). 'Human rights and community work: Complementary theories and practices'. In: *International Social Work*. 49(3). pp. 297–308. [online]. Available at: [online]. Available at: <https://doi.org/10.1177/0020872806063403>.

IFSW (2014). 'Global Definition of Social Work'. [online]. Available at: <https://www.ifsw.org/what-is-social-work/global-definition-ofsocial-work>.

IFSW (2018). 'Global Social Work Statement of Ethical Principles'. [online]. Available at: <https://www.ifsw.org/global-social-work-statementof-ethical-principles>.

IFSW (2020). 'The Social Work Response to COVID-19: The Social Work Response'. [online]. Available at: <https://www.ifsw.org/the-socialwork-response-to-covid-19-six-months-on-championingchanges-in-services-and-preparing-for-long-term-consequences/>

IFSW (2021). 'Social Work and the United Nations Sustainable Development Goals (SDGs)'. [online]. Available at: <https://newec https://www.ifsw.org/social-work-and-the-united-nations-sustainable-development-goals-sdgs/osocialworld.com/the-peoplescharter-for-an-eco-social-world/>.

IFSW (2022). 'The People's Charter for an Eco-social World. [online]. Available at: <https://newecosocialworld.com/the-peoples-charter-foran-eco-social-world/>.

See also: <https://www.ifsw.org/the-role-ofsocial-workers-in-advancing-a-new-eco-social-world/>

ILO (2018). *Women and men in the informal economy: A statistical picture*. Third Edition. [online] Available at:

<https://www.ilo.org/publications/women-and-men-informal-economy-statistical-picturethird-edition>. 10.13140/RG.2.2.26696.14084.

Jain, R. (2018). »Kosmopolitische Pioniere: Inderinnen der zweiten Generation aus der Schweiz zwischen Assimilation, Exotik und globaler Moderne«. *Kultur und soziale Praxis*. Bielefeld: Transcript.

Kabeer, N. (1994). *Reversed realities: Gender hierarchies in development thought*. London, New York: Verso. [online]. Available at: <http://archive.org/details/reversedrealitie0000kabe>.

Kam, P.K. (2021). 'Strengthening the empowerment approach in social work practice: An EPS model', In: *Journal of Social Work*, 21, pp. 329- 352. [online] Available at: <https://doi.org/10.1177/1468017320911348>.

Kang, H. (2013). 'The prevention and handling of the missing data'. In: *Korean Journal of Anesthesiology*, 64(5), pp. 402-406. [online]. Available at: <https://doi.org/10.4097/kjae.2013.64.5.402>.

Klinenberg, E. (2020). *Palaces for the People: How Social Infrastructure Can Help Fight Inequality, Polarization, and the Decline of Civic Life*. New York: Crown Publishing Group.

Mayaka, B. & Truell, R. (2021). 'Ubuntu and its potential impact on the international social work profession'. In: *International Social Work*, 64(5), 649–662. [online]. Available at: <https://doi.org/10.1177/00208728211022787>.

Midgley, J. (1981). *Professional Imperialism: Social Work in the Third World*. Heinemann Educational Books. London.

Mishra, A. (2023). 'Imperial entanglements of modern social work education in India'. In: *Social Work Education*, 42(4), pp. 476–493. [online]. Available at: <https://doi.org/10.1080/02615479.2021.1974375>.

Mohanty, C.T. (1984). 'Under Western Eyes: Feminist Scholarship and Colonial Discourses'. In: *Boundary 2*, 12/13, pp. 333–358. [online]. Available at: <https://doi.org/10.2307/302821>.

Mugumbate, J. & Chereni, A. (2019). 'Using African ubuntu theory in social work with children in Zimbabwe'. In: *African Journal of Social Work*, 9(1), March, pp. 27-34. [online]. Available at: <https://www.ajol.info/index.php/ajs/article/view/184222>.

Mugumbate, J. & Nyanguru, A. (2013) 'Exploring African Philosophy: the Value of Ubuntu in Social Work'. In: *African Journal of Social Work*, 3(1), August, 82-100. [online]. Available at: <https://www.ajol.info/index.php/ajs/article/view/127543>.

Muñoz Arce, G. (2015). 'Imperialismo profesional y trabajo social en América Latina'. In: *Polis* (Santiago), 14(40), 421-438. [online]. Available at: <https://doi.org/10.4067/S0718-65682015000100020>.

Mwansa, L. & Kreitzer, L. (2012). 'Social work in Africa'. In: *The Sage Handbook of International Social Work* (pp. 393-406). London: Sage Publications. [online]. Available at: <https://doi.org/10.4135/9781446247594>.

Olson, J. (2007). 'Social Work's Professional and Social Justice Projects'. In: *Journal of Progressive Human Services*. 18(1). 45-69. [online]. Available at:

https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1300/J059v18n01_04.

Ornellas, A.; Sicora, A.; Citroni, G.; Spolander, G. & Engelbrecht, L. (2016).

'The Role of Best Practice in Social Work: International Collaboration and Lessons Learnt'. In: *Reflective social work practices in contemporary societies: crossed dialogues and new pathways between praxis and research*. ECSWR 2016 Conference. Lisbon.

Patton, M.Q. (2011). *Developmental Evaluation: Applying Complexity Concepts to Enhance Innovation and Use*. New York: Guilford Press.

Peeters, J. (2012). 'Social work and sustainable development: towards a social-ecological practice model'. In: *Journal of Social Intervention: Theory and Practice*, 21(3), p.5. [online]. Available at: <https://doi.org/10.18352/jsi.316>.

Purtschert, P.; Lüthi, B. & Falk, F. (2012) *Postkoloniale Schweiz*. Transcript: Verlag. [online]. Available at: <https://www.transcript-verlag.de/978-3-8376-1799-3/postkoloniale-schweiz>.

Ramsay, S. & Boddy, J. (2017). 'Environmental social work: A concept analysis'. In: *British Journal of Social Work*, 47(1), pp. 68-86. [online]. Available at: <https://doi.org/10.1093/bjsw/bcw078>.

Rowlands, J. (1995). 'Empowerment examined'. In: *Development in Practice*. 5(2), pp. 101-107. [online]. Available at: <https://doi.org/10.1080/0961452951000157074>.

Rudin, P. (2020). 'Helping the problem child become loveable again? A discourse analysis on childhood ADHD in Switzerland and implications for social work'. In: *Edinburgh Research Archive*. [online]. Available at: <https://era.ed.ac.uk/handle/1842/37514>.

Said, E.W.; Galli, S.; Soler, E.B.; Pera, C. & Fuentes, M.L. (1978). *Orientalism* (1st ed.). New York: Pantheon Books.

Sánchez Néstor, M. (2005). 'Construire notre autonomie. Le mouvement des femmes indiennes au 'exique' (S. Masson, Trans.). In: *Nouvelles Questions Féministes*, Vol.24(2), 50-64. [online]. Available at: <https://doi.org/10.3917/nqf.242.0050>.

Schirilla, N. (2021). 'Knowledge Production in International Social Work – Postcolonial Perspectives'. In: K. Sonnenberg & C. Ghaderi (Eds.),

Social Work in Post-War and Political Conflict Areas: Examples from Iraqi-Kurdistan and beyond (pp. 65-72). Springer Fachmedien. [online]. Available at: https://doi.org/10.1007/978-3-658-32060-7_4.

Simon, B.L. (1994). *The empowerment tradition in American social work: A history*. New York: Columbia University Press. [online]. Available at: <http://archive.org/details/empowermenttradi0000simo>.

Solomon, B.B. (1976). *Black Empowerment: Social Work in Oppressed Communities*. New York: Columbia University Press.

Solomon, B.B. (1987). 'Empowerment: Social work in oppressed communities'. In: *Journal of Social Work Practice*, 2(4), 79-91. [online]. Available at: <https://doi.org/10.1080/02650538708414984>.

Spitzer, H. (2011). 'Selbstreflexion in der Ausbildung der Sozialen Arbeit. Ein Beitrag zur Professionalisierungsdebatte'. In: H. Spitzer, H. Höllmüller & B. Hönig (Eds.), *Soziallandschaften: Perspektiven Sozialer Arbeit als Profession und Disziplin* (pp. 255–273). VS Verlag für Sozialwissenschaften. [online]. Available at: https://doi.org/10.1007/978-3-531-92773-2_19.

Tamburro, A. (2013). 'Including Decolonization in Social Work Education and Practice'. In: *Journal of Indigenous Social Development*. 2(1), pp. 1-16. [online]. Available at: <https://scholarspace.manoa.hawaii.edu/server/api/core/bitstreams/af0157d6-fdda-409c-9a27-1e887cd0567a/content>.

Truell, R. (2017). 'Social Work in Zambia: Children have the right to love and security'. In The Guardian. 21 March. [online]. Available at: <https://www.theguardian.com/social-care-network/2017/mar/21/social-work-in-zambia-children-have-the-right-to-love-and-security>.

Truell, R. (2023). 'Gifts from around the world on WSWD 2023: From Finland'. IFSW NewsTopic. March 27. [online]. Available at: <https://www.ifsw.org/gifts-from-around-the-world-on-wswd-2023-from-finland/>.

United Nations (2019). *The Future is Now: Science for Achieving Sustainable Development*. New York: United Nations. [online]. Available at: https://sdgs.un.org/sites/default/files/2020-07/24797GSDR_report_2019.pdf.

United Nations Research Institute for Social Development. (2021). *A New Eco-Social Contract*. Issue Brief 11, March. [online]. Available at: <https://sdgs.un.org/sites/default/files/2021-07/UNRISD%20-%20A%20New%20Eco-Social%20Contract.pdf>.

Resources

Social work online journals

- Transnational Social Review
- Journal of Social Work: SAGE Journals (sagepub.com)
- Social Work & Society (uni-wuppertal.de)
- International Social Work: Sage Journals (sagepub.com)

Useful links

UN

- How To Join The UN As A Social Worker (Complete Guide) - Humanitarian Careers
- THE 17 GOALS | Sustainable Development (un.org)
- Data Center | Human Development Reports (undp.org)

IFSW

- International Federation of Social Workers (ifsw.org)
- United Nations (ifsw.org)

Glossaries

- Category:International organisations glossary - Statistics Explained (europa.eu)
- Climate justice
- Community Development (especially in urban contexts)
- Decolonising glossary - Curatorial Research Centre
- Environmental justice
- Gender Equality Glossary | UNW WRD Knowledge Hub (unwomen.org)
- Glossary Archive - Postcolonial Space
- Glossary of international migration IOM (iom.int)
- Human rights glossary
- Indigenous knowledge